

**BỘ CÔNG AN
BỆNH VIỆN 30-4**

Số 544/BV-VTTBYT
V/v mời chào giá vật tư y tế phục vụ
công tác khám, chữa bệnh tại Bệnh
viện 30-4

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 3 năm 2025

Kính gửi: Các hãng sản xuất, các đơn vị cung cấp.

Hiện tại, Bệnh viện 30-4 có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu mua sắm vật tư y tế phục vụ công tác hoạt động thường xuyên của Bệnh viện, với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá.

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện 30-4 .

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Phòng Vật tư - Thiết bị y tế, Bệnh viện 30-4.
- Địa chỉ: Số 9 Sư Vạn Hạnh, phường 9, quận 5, TP.HCM.
- Người liên hệ: Hồ Thị Thu Thảo, số điện thoại: 0978904202.

3. Các thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại Phòng Vật tư - Thiết bị y tế, Bệnh viện 30-4 (03 bản cứng).
 - Nhận qua địa chỉ Email: Quý công ty/ nhà cung cấp gửi file excel và bản scan có đóng dấu theo mẫu đính kèm đến email: vattutbyt.ttb304@gmail.com.
- Đề nghị các hãng/đơn vị cung cấp tải file về thực hiện (Có file mẫu đính kèm)

4. Thời gian tiếp nhận báo giá: Từ 08h ngày 20 tháng 3 năm 2025 đến trước 17h ngày 31 tháng 3 năm 2025.

Các báo giá nhận sau thời điểm trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực báo giá: Tối thiểu 180 ngày.

II. Nội dung yêu cầu báo giá.

1. Danh mục: Đính kèm phụ lục kèm theo.
2. Các thông tin nhà thầu cần nộp gồm:
 - Biểu mẫu chào giá theo mẫu đính kèm.
 - Giấy phép/ ủy quyền bán hàng của hãng.
 - Hồ sơ kỹ thuật sản phẩm gồm catalogue, datasheet,... và các tài liệu liên quan khác.

- Kết quả trúng thầu (Quyết định trúng thầu hoặc thư chấp thuận hồ sơ dự thầu và trao hợp đồng hoặc thông báo trúng thầu hoặc Hợp đồng có đính kèm danh mục trúng thầu) (nếu có).

- Hợp đồng tương tự đã thực hiện (nếu có) hoặc hóa đơn bán hàng.

- Kê khai giá theo Nghị định 98/NĐ-CP

Rất mong nhận được sự hợp tác của Quý công ty./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đ/c Giám đốc (đề b/cáo);
- Lưu: VT, VTTBYT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Thượng tá Nguyễn Trung Cang

Phụ lục 1:

Danh mục vật tư y tế phục vụ phục vụ công tác khám, chữa bệnh tại Bệnh viện 30-4

(Đính kèm Công văn số: 544/BV-VTTBYT ngày 19 tháng 3 năm 2025)

Stt	Danh mục vật tư y tế	Thông số kỹ thuật (tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
VT1	Băng keo (Băng dính) lụa cuộn 2,5cm x 9.1m (hoặc tương đương)	Kích thước: 2.5cm x 9.1m, băng keo lụa, keo cao cấp Acrylic ít dị ứng kẽm không chứa dung môi, dễ bóc, dễ bóc, dễ bóc, lực dính tốt ở tất cả các vị trí. Trọng lượng keo: 65 ± 5g/m ² , Độ bám dính của keo: 40-230 g/25 mm (tương đương 0,7-1,1 N/cm) Độ bám dính: 300-900 g/25 mm (tương đương 1,2-3.5 N/cm) Độ thoát ẩm : 850±20% g/m-2 .24 giờ-1 ở 37o C Chất lượng: ISO 13485	Cuộn	4.000	
VT2	Băng keo (Băng dính) lụa cuộn 2,5cm x 6m (hoặc tương đương)	Kích thước: 25mm x 6m; chất liệu vải không đan dệt, bột giấy polyester, keo acrylic ít dị ứng, không chứa cao su, lõi giấy. Độ bám dính 1,40 - 3,00 N/12mm. Trọng lượng keo 38 ± 3g/m ² Chất lượng: ISO 13485	Cuộn	9.000	
VT3	Băng dính vô trùng vải không dệt, có gạc kích thước 100mm x 90mm (hoặc tương đương)	Kích thước băng: 9 x 10cm; Kích thước gạc: 4.5 x 5.8 cm, màu trắng, không mùi; nền không đan dệt bằng 100% polyester , keo acrylic ít dị ứng Định lượng vải : 47 ± 5g/m ² Độ bám dính: 200-500 g/25 mm (tương đương 0,8-2 N/cm) Độ thoát ẩm : ≥ 2.000 g/m-2 .24 giờ-1 ở 37o C Trọng lượng keo : 25 ± 5g/m ² Chất lượng: ISO 13485	Miếng	500	
VT4	Băng keo có gạc vô trùng 53mm x 70mm (hoặc tương đương)	Băng dán có gạc vô trùng. Băng dán vết thương (co giãn) Kích thước: 53mm x 70mm Băng: màng polyurethane trong suốt không thấm nước ngăn vi khuẩn xâm nhập; Keo: acrylic	Miếng	10.000	
VT5	Băng keo có gạc vô trùng 150mm x 100mm (hoặc tương đương)	Lớp vải nền: Vải không dệt Kích thước: 10 x 15cm Độ bám dính: ≤ 2,5 mm Lực bóc: ≥ 1,0 N/cm Khả năng thoát hơi nước: ≥ 200g/(m ² *24 giờ) Khả năng hấp thụ dịch của miếng gạc: ≥ 5,0g/100cm ² Độ pH của miếng gạc: 5,5-8,4 Lớp gạc thấm hút không dính, không phát xạ Độ hao hụt khi sấy của miếng gạc: ≤ 15% Tiệt trùng: Sản phẩm được tiệt trùng Dư lượng ethylene oxide: ≤ 10ug/g	Miếng	2.000	
VT6	Băng keo có gạc vô trùng 250mm x 90mm (hoặc tương đương)	Kích thước băng: 9 x 25 cm; Kích thước gạc: 4.5 x 18.9 cm, màu trắng, không mùi; nền không đan dệt bằng 100% polyester , keo acrylic ít dị ứng Định lượng vải : 47 ± 5g/m ² Độ bám dính: 200-500 g/25 mm (tương đương 0,8-2 N/cm) Độ thoát ẩm : ≥ 2.000 g/m-2 .24 giờ-1 ở 37o C Trọng lượng keo : 25 ± 5g/m ² Chất lượng: ISO 13485	Miếng	50	
VT7	Miếng dán phẫu thuật 15cmx20cm	Kích thước băng: 15 x 20 cm; Vô trùng; Sử dụng cho bệnh nhân trước phẫu thuật; Chất lượng: ISO 13485	Miếng	100	
VT8	Miếng dán phẫu thuật 15cmx25cm	Kích thước băng: 15 x 25 cm; Vô trùng; Sử dụng cho bệnh nhân trước phẫu thuật; Chất lượng: ISO 13485	Miếng	100	

Stt	Danh mục vật tư y tế	Thông số kỹ thuật (tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
VT9	Miếng dán phẫu thuật 20cmx30cm	Kích thước băng: 20 x 30 cm; Vô trùng; Sử dụng cho bệnh nhân trước phẫu thuật; Chất lượng: ISO 13485	Miếng	100	
VT10	Băng keo có gác vô trùng trong suốt (không thấm nước) 150mmx 90mm	Kích thước băng: 9 x 15cm; Kích thước gác: 4.5 x 9.6cm; Lớp nền : Màng Polyurethane trong suốt có lớp lót, với gác sợi Vincose có khả năng hấp thụ cao và chống thấm Lớp keo : Acrylic ít dị ứng, trọng lượng 40 ± 7g/m ² Mức thấm hơi nước : ≥ 750g/m ² /24 giờ ở 37°C Lực dính : 300-900g/25mm (tương đương ≥ 1.2 N/cm) Độ hấp thụ : ≥ 1,250g H ₂ O/m ² Không gây kích ứng da Chất lượng: ISO 13485	Miếng	1.800	
VT11	Băng có gác vô trùng, không thấm nước 200mm x 90mm	Kích thước băng: 9 x 20cm; Kích thước gác: 4.5 x 14.5cm; Lớp nền : Màng Polyurethane trong suốt có lớp lót, với gác sợi Vincose có khả năng hấp thụ cao và chống thấm Lớp keo : Acrylic ít dị ứng, trọng lượng 40 ± 7g/m ² Mức thấm hơi nước : ≥ 750g/m ² /24 giờ ở 37°C Lực dính : 300-900g/25mm (tương đương ≥ 1.2 N/cm) Độ hấp thụ : ≥ 1,250g H ₂ O/m ² Không gây kích ứng da Chất lượng: ISO 13485	Miếng	1.500	
VT12	Băng thun 3 móc 10cm x 4,5m	Băng thun 3 móc kích thước 10cm x 4.5m với 100% cotton giúp cầm máu, cố định khớp, giữ vật liệu cầm máu tại chỗ không bị xô dịch nhờ tính chất co giãn.	Cuộn	5.000	
VT13	Băng keo cuộn co giãn 10cm x 4.5m (hoặc tương đương)	Băng thun có keo cố định khớp Băng dính cố định, co giãn dùng băng ép Chất liệu: vải cotton 100%, phủ keo có oxit kẽm Trọng lượng khối phủ: 100-130g/m ² Lực dính: 2-9N/cm Độ co giãn tối thiểu: 90% Kích thước: 10cm x 4.5m	Cuộn	3.000	
VT14	Băng keo cuộn co giãn 10cm x 10m	Kích thước: 10cm x 10m; Nền không đàn dẹt, co giãn, thoáng khí, thấm nước, hơi nước và oxy, chất keo ít dị ứng, mặt keo được bảo vệ bởi lớp giấy silicon Độ bám dính : 750-1.250g/25mm (tương đương 7,35N-12,25N/2.5cm) ; Độ thoát ẩm : ≥ 1.400 g.m-2 .24 giờ-1 ở 37o C Chất lượng: ISO 13485	Cuộn	400	
VT15	Băng keo cuộn co giãn tape 15cm x 10m	Kích thước: 15cm x 10m; Nền không đàn dẹt, co giãn, thoáng khí, thấm nước, hơi nước và oxy, chất keo ít dị ứng, mặt keo được bảo vệ bởi lớp giấy silicon Độ bám dính : 750-1.250g/25mm (tương đương 7,35N-12,25N/2.5cm) ; Độ thoát ẩm : ≥ 1.400 g.m-2 .24 giờ-1 ở 37o C Chất lượng: ISO 13485	Cuộn	300	
VT16	Băng dán cố định kim luồn trong suốt kích thước 6 x7,5 cm	Kích thước: 6 x 7,5 cm Độ kết dính: 2,6 N / 20 mm Hình dạng góc với các góc tròn Cửa sổ điều khiển Đục lỗ Chiều dài có thể kéo dài Đệm vô trùng bổ sung	Miếng	10.000	

Stt	Danh mục vật tư y tế	Thông số kỹ thuật (tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
VT17	Băng dán cố định tĩnh mạch trung tâm trong suốt kích thước 9x11 cm	Kích thước: 9 x 11 cm Độ kết dính: 2,4 N / 20 mm Hình dạng tiện dụng Giấy bạc với ứng dụng kết dính xếp Cửa sổ điều khiển Chiều dài có thể kéo dài Đệm vô trùng bổ sung Logo in trên giấy bia	Miếng	1.800	
VT18	Gạc hút dịch tạo gel diệt trùng, kích thước 10x10cm	- Khả năng hấp thụ: dạng miếng gạc: 16,6 g/100 cm ² hoặc tương đương dạng sợi: 15,98 g / 100 cm ² hoặc tương đương - Thành phần: Gạc hút dịch tạo gel + Sợi alginate bao gồm khoảng 60% axit mannuronic và khoảng 40% axit guluronic. + Các sợi canxi alginate ngấm tẩm bạc phản ứng với dịch tiết vết thương hoặc máu để tạo thành gel tạo ra môi trường ẩm ướt cho vết thương. - Kích thước: 10x10 cm	Miếng	300	
VT19	Băng xếp kích thước 10cm x 10 cm	5 lớp băng mềm mại giúp bệnh nhân thoải mái. - Lớp bảo vệ bên ngoài : + Tốc độ truyền hơi ẩm cao + Chống nước + Chống vi trùng - Lõi siêu thấm hút: siêu thấm hút, giúp tăng hút dịch, ngăn ngừa thấm dầm. - Lớp phân tán dịch tiết: giúp phân tán và tăng thoát hơi - Xốp thấm hút - Kích thước: 10 x 10 cm - Tiêu chuẩn kỹ thuật: ISO	Miếng	300	
VT20	Gạc Vaseline	Được tẩm Vaseline diệt trùng, giúp dưỡng ẩm và kích thích hồi phục vết thương nhanh chóng. Chất liệu vải tuyền bám trên bề mặt, không trượt hoặc rơi ra khỏi vết thương. Bảo vệ vết thương khi tiếp xúc với môi trường bên ngoài, giúp giảm thiểu khả năng nhiễm trùng.	Miếng	200	
VT21	Gạc cuộn (băng cuộn 0,07 x 2,5m)	Gạc 100% cotton, thấm hút, trắng mịn, không gây kích ứng da, không để lại sợi, sợi trên vết thương, có chỉ số sợi ngang dọc là 32s/1, mật độ sợi ngang, dọc: 7/8, tốc độ thấm hút ≤ 8s, sợi chắc mịn, không mùi, màu trắng tự nhiên. Băng được cắt 2 đầu gọn không bị đổ lông khi mở băng	Cuộn	1.300	
VT22	Gạc ép sọ não 1cm x 7cm x 2 lớp, tiết trùng có cân quang	Tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide. Được làm từ vải không dệt. Có sợi cân quang, nên dễ dàng đặt vào và lấy ra sau khi đã sử dụng. Khả năng thấm hút cao và nhanh Kích thước: 1cm x 7cm x 2 lớp có cân quang	Miếng	1.000	
VT23	Bông cầm máu mũi 8cm x 2cm x 1.5cm	Vật liệu cầm máu mũi - Chất liệu bằng Polyvinylal. Alcohol (PVA) - Kích thước: 8 cm x 2 cm x 1.5 cm - Kích thước lỗ siêu nhỏ: (0.0001mm - 0.2mm) giúp thu nhỏ mô, dễ dàng cắt băng kéo hoặc bằng tay. 100% không chất xơ - Có khả năng hấp thụ 25 lần trọng lượng. - Khả năng nở rộng dưới áp lực niêm mạc. - Đóng gói tiết trùng, hút chân không	Miếng	100	
VT24	Bông cầm máu tự tiêu 8cm x 5cm x 1cm	Miếng xếp cầm máu tự tiêu từ Gelatin để cầm máu mao mạch và tĩnh mạch Tốc độ cầm máu: 5-10 phút; hấp thụ hoàn toàn trong 3-4 tuần Thấm hút lượng máu tối đa đến 50 lần trọng lượng của miếng cầm máu. Không tạo phản ứng kháng nguyên với thrombin - Kích thước 8x5x1cm Tiệt trùng bằng tia Gamma.	Miếng	500	
VT25	Vật liệu cầm máu tự tiêu 10cm x 20cm hoặc tương đương	Vật liệu cầm máu tự tiêu dùng trong tất cả phẫu thuật - Chất liệu bằng cellulose tái tổ hợp dạng dệt thoi có pH 4.0-4.5, có tính kháng khuẩn (MRSA, MRSE, VRE, PRSP), hiệu quả cầm máu 2-4 phút, tự tiêu sau 4-6 ngày. - Kích thước: 10 x 20cm - Tiêu chuẩn CE/ISO	Miếng	300	

Stt	Danh mục vật tư y tế	Thông số kỹ thuật (tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
VT26	Vật liệu cầm máu tự tiêu 70mm x 50mm x 10mm hoặc tương đương.	Vật liệu cầm máu tự tiêu dùng trong tất cả phẫu thuật - Chất liệu bằng gelatin dạng xốp, hiệu quả cầm máu 2-4 phút, có thể sử dụng chung với thuốc kháng sinh, hóa chất y tế hay thrombin, thời gian tái hấp thu 4-6 ngày. - Kích thước: 7x5x1cm - Tiêu chuẩn CE/ISO	Miếng	500	
VT27	Xốp cầm máu trong nha khoa 10mm x 10mm x 10mm (hoặc tương đương)	Vật liệu cầm máu tự tiêu dùng trong nha khoa - Chất liệu bằng gelatin dạng xốp, hiệu quả cầm máu 2-4 phút, có thể sử dụng chung với thuốc kháng sinh, hóa chất y tế hay thrombin, thời gian tái hấp thu 4-6 ngày. - Kích thước: 1x1x1cm - Tiêu chuẩn CE/ISO	Miếng	500	
VT28	Vật liệu cầm máu tự tiêu dạng bông xốp, 2.5cm x 5.1cm	Vật liệu cầm máu Cellulose oxi hóa tái tổ hợp 2.5cm x 5.1cm, dạng bông xốp, nguồn gốc thực vật, nhóm cacboxyl (COOH) 18%-24%, giới hạn nitrogen (USP) ≤ 0.5%, dễ dàng bóc tách thành nhiều lớp. Cầm máu nhanh chóng và hiệu quả nhờ pH thấp (2-4). Tự tiêu 7-14 ngày trong cơ thể. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE, GMP.	Miếng	200	
VT29	Vật liệu cầm máu tự tiêu dạng bông xốp, 5.1cm x 10.2cm	Vật liệu cầm máu Cellulose oxi hóa tái tổ hợp 5.1cm x 10.2cm, dạng bông xốp, nguồn gốc thực vật, nhóm cacboxyl (COOH) 18%-24%, giới hạn nitrogen (USP) ≤ 0.5%, dễ dàng bóc tách thành nhiều lớp. Cầm máu nhanh chóng và hiệu quả nhờ pH thấp (2-4). Tự tiêu 7-14 ngày trong cơ thể. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE, GMP.	Miếng	200	
VT30	Băng xốp polyurethane 3 lớp tự dính keo silicone dày 2mm, kích thước 10x10cm, (foam: 6.5cm x 6.5cm)	Băng xốp 10x10cm polyurethane 3 lớp, foam 6.5x6.5cm, dày 2mm, chứa Sodium alginate 0.9% hấp thụ dịch tiết gấp 15-20 lần trọng lượng băng (>3,100g/m ² /ngày), phủ silicone tự dính, độ dính >50gf/12mm, độ bền kéo >1,200gf/12mm, chống thấm nước (EN 13726-3), kích thước lỗ tiếp xúc vết thương 16µm-53µm. Lưu băng lên tới 7 ngày. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, FDA.	Miếng	100	
VT31	Băng xốp polyurethane 3 lớp tự dính keo silicone dày 2mm, kích thước 9x15cm, (foam: 5cm x 10cm)	Băng xốp 9x15cm polyurethane 3 lớp, foam 5x10cm, dày 2mm, chứa Sodium alginate 0.9% hấp thụ dịch tiết gấp 15-20 lần trọng lượng băng (>3,100g/m ² /ngày), phủ silicone tự dính, độ dính >50gf/12mm, độ bền kéo >1,200gf/12mm, chống thấm nước (EN 13726-3), kích thước lỗ tiếp xúc vết thương 16µm-53µm. Lưu băng lên tới 7 ngày. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, FDA.	Miếng	100	
VT32	Băng xốp polyurethane 3 lớp tự dính keo silicone dày 2mm, kích thước 9x25cm, (foam: 5cm x 20cm)	Băng xốp 9x25cm polyurethane 3 lớp, foam 5x20cm, dày 2mm, chứa Sodium alginate 0.9% hấp thụ dịch tiết gấp 15-20 lần trọng lượng băng (>3,100g/m ² /ngày), phủ silicone tự dính, độ dính >50gf/12mm, độ bền kéo >1,200gf/12mm, chống thấm nước (EN 13726-3), kích thước lỗ tiếp xúc vết thương 16µm-53µm. Lưu băng lên tới 7 ngày. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, FDA.	Miếng	100	
VT33	Băng xốp polyurethane 3 lớp, dày 5mm, kích thước 10x10cm	Băng xốp 10x10cm polyurethane 3 lớp, dày 5mm, chứa Sodium alginate 0.9% hấp thụ dịch tiết gấp 15-20 lần trọng lượng băng (>5,300g/m ² /ngày), kích thước lỗ tiếp xúc vết thương 16µm-53µm, kích thước lỗ thấm hút 130µm-240µm. Lưu băng lên tới 7 ngày. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE, FDA.	Miếng	300	
VT34	Băng xốp polyurethane 3 lớp, dày 5mm, kích thước 20x20cm	Băng xốp 20x20cm polyurethane 3 lớp, dày 5mm, chứa Sodium alginate 0.9% hấp thụ dịch tiết gấp 15-20 lần trọng lượng băng (>5,300g/m ² /ngày), kích thước lỗ tiếp xúc vết thương 16µm-53µm, kích thước lỗ thấm hút 130µm-240µm. Lưu băng lên tới 7 ngày. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE, FDA.	Miếng	150	
VT35	Băng xốp polyurethane 3 lớp, dày 5mm, kích thước 14x14cm, (foam: 10cm x 10cm)	Băng xốp 14x14cm polyurethane 3 lớp, foam 10x10cm, dày 5mm, chứa Sodium alginate 0.9% hấp thụ dịch tiết gấp 15-20 lần trọng lượng băng (>5,100g/m ² /ngày), có viên bám dính, độ dính >250g, độ bền kéo >1.3kg, chống thấm nước (EN 13726-3), kích thước lỗ tiếp xúc vết thương 16µm-53µm. Lưu băng lên tới 7 ngày. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, FDA.	Miếng	150	

Stt	Danh mục vật tư y tế	Thông số kỹ thuật (tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
VT36	Băng xốp polyurethane silver kháng khuẩn 3 lớp, dày 5mm, kích thước 10x10cm	Băng xốp 10x10cm polyurethane 3 lớp, dày 5mm, chứa Sodium alginate 0.9% hấp thụ dịch tiết gấp 15-20 lần trọng lượng băng (>5,600g/m ² /ngày), silver nitrate 1% kháng khuẩn vết thương, độ ẩm <30%, kích thước lỗ tiếp xúc vết thương 16µm-53µm, kích thước lỗ thấm hút 130µm-240µm. Lưu băng lên tới 7 ngày. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, FDA.	Miếng	300	
VT37	Băng xốp polyurethane silver kháng khuẩn 3 lớp, dày 5mm, kích thước 20x20cm	Băng xốp 20x20cm polyurethane 3 lớp, dày 5mm, chứa Sodium alginate 0.9% hấp thụ dịch tiết gấp 15-20 lần trọng lượng băng (>5,600g/m ² /ngày), silver nitrate 1% kháng khuẩn vết thương, độ ẩm <30%, kích thước lỗ tiếp xúc vết thương 16µm-53µm, kích thước lỗ thấm hút 130µm-240µm. Lưu băng lên tới 7 ngày. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, FDA.	Miếng	100	
VT38	Gel kháng khuẩn điều trị vết thương	Chứa silver nitrate ≥ 0.2 mg/L giúp kháng khuẩn vết thương, pH 5.5-8.0, hàm lượng nước cao ≥ 80%, làm mềm màng hoại tử khô, thúc đẩy lên mô hạt nhanh chóng, cung cấp môi trường ẩm. Có kiểm tra vi sinh. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, GMP, FDA.	Tuýp	400	
VT39	Gạc băng mắt đã tiệt trùng 5cm x 7cm	- Có thành phần kết hợp từ 1 lớp bông y tế (bông hút nước) bên trong được làm từ 100% bông xơ tự nhiên dùng trong y tế và 1 lớp vải bọc bên ngoài. Viên mép bông được ép kín không hở mép. Mịn màng, mềm mại, thoáng khí, không gây kích ứng da. Thân thiện môi trường. - Lớp vải bọc này được làm từ loại nguyên liệu: gạc vải không dệt (vải không dệt thấm nước). Đặc tính của vải không dệt thấm nước: 70% sợi viscose và 30% polyester. Định lượng màng: 40±2g/m ² - Trọng lượng 1,3-1,6gr/miếng. - Có tính năng thấm hút tốt. - Được tiệt trùng bằng khí EO - Tốc độ hút nước ≤ 5s; Độ acid bazơ: trung tính; Chất tan trong ether: ≤ 0,5%; Độ ẩm: ≤ 8% - Hình Oval, kích thước khoảng (5cm x 7cm), màu trắng, không bụi bẩn. - Đóng gói: 1 miếng/túi, 100 miếng/gói - Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE, FDA	Miếng	700	
VT40	Bông gạc đắp vết thương 8cm x 15cm, tiệt trùng	- Thành phần: lớp ngoài làm từ vải không dệt thấm nước ở giữa là 1 lớp bông hút nước 100% cotton, sợi chắc, mịn, không bụi bẩn, không có mùi mốc hoặc mùi khác lạ, hoàn toàn trắng, không dùng chất quang sắc, chỉ có sợi bông, không có loại sợi nào khác. - Đặc tính của Bông hút nước: +Chất hoạt động bề mặt: < 2mm; +Giới hạn acid - kiềm: Đạt trung tính +Tốc độ chìm: < 8s +Khả năng hút nước (Độ hút nước): > 100g +Chất tan trong ether: không quá 0,5%; +Chất tan trong nước: không quá 0,5%; +Mất khối lượng do sấy khô: không quá 8,0%; Tro sunfat: không quá 0.4%. - Đặc tính của vải không dệt thấm nước: 70% sợi viscose và 30% polyester. - Đóng gói: 1 miếng/gói - Kích thước: 8cm x 15cm, Sản phẩm tiệt trùng bằng khí EO.Gas - Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE, FDA hoặc tương đương.	Miếng	7.000	

Stt	Danh mục vật tư y tế	Thông số kỹ thuật (tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
VT41	Gạc miếng 7.5cm x 7.5cm x 8 lớp, tiệt trùng	<p>-Gạc y tế được dệt từ sợi cotton 100%, có chỉ số sợi ngang dọc là 32s/1, không ẩm ướt, sợi chắc, mịn, có độ thấm hút rất cao, không có mùi mốc hoặc mùi khác lạ, hoàn toàn trắng, không dùng chất quang sắc, chỉ có sợi bông, không có loại sợi nào khác, không có độc tố, không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phù tạng. Được gấp thành từng miếng.</p> <p>- Đặc tính gạc:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Trung bình 1 gam gạc giữ được từ 5 gam nước trở lên + Tốc độ thấm hút ≤ 8s. + Giới hạn acid - kiềm: Đạt trung tính + Chất tan trong ether: không quá 0,5% + Chất tan trong nước: không quá 0,5% + Mất khối lượng do sấy khô: không quá 8,0% + Tro sunfat: không quá 0.4% <p>- Kích thước: 7,5cm x 7,5cm x 8 lớp. - Đóng gói: 10 miếng/ gói, đóng gói bằng 2 lớp, một lớp bằng PE, một lớp bằng bao bì giấy có màu chỉ thị tiệt trùng dung trong y tế. Tiệt trùng bằng khí Eo gas - Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE, FDA hoặc tương đương</p>	Miếng	110.000	
VT42	Gạc y tế 10cm x 20cm, tiệt trùng	<p>-Thành phần: lớp ngoài làm từ 2 lớp gạc vải không dệt thấm nước, ở giữa là 1 lớp bông hút nước (100% cotton), sợi chắc, mịn, không bụi bẩn, không có mùi mốc hoặc mùi khác lạ, hoàn toàn trắng, không dùng chất quang sắc, chỉ có sợi bông. Không có độc tố, không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phù tạng.</p> <p>-Đặc tính của Bông hút nước:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Chất hoạt động bề mặt: < 2mm; +Giới hạn acid - kiềm: Đạt trung tính + Tốc độ chìm: ≤ 8s + Khả năng hút nước (Độ hút nước): >100g + Chất tan trong ether: không quá 0,5%; + Chất tan trong nước: không quá 0,5%; + Mất khối lượng do sấy khô: không quá 8,0%; <p>-Đặc tính của vải không dệt thấm nước: 70% sợi viscose và 30% polyester. -Kích thước: 10cm x 20cm, Sản phẩm tiệt trùng bằng khí EO.Gas - Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE, FDA hoặc tương đương</p>	Miếng	13.000	
VT43	Gạc mét sử dụng trong nội soi 2cm x 30cm x 6 lớp tiệt trùng, cân quang	<p>-Sản xuất từ vải không dệt thấm nước, có độ thấm hút rất cao, màu trắng, không mùi, không lẫn tạp chất: Thành phần nguyên liệu là 70 % Polyester và 30 % Viscose. Thời gian thấm nước, không lớn hơn 2 phút.</p> <p>- Đặc tính gạc:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giới hạn acid - kiềm: Đạt trung tính + Chất hoạt động bề mặt: < 2mm + Các sợi khác: Không tìm thấy sợi nào bị nhuộm màu + Chất tan trong ether: không quá 0,5% + Chất tan trong nước: không quá 0,5% + Mất khối lượng do sấy khô: không quá 8,0% + Tro sunfat: không quá 0.4% <p>- Kích thước: 2cm x 30cm x 6 lớp, cân quang. - Đóng gói: 5 miếng/gói - Tiệt trùng bằng khí EO gas - Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE, FDA hoặc tương đương</p>	Miếng	5.000	

Stt	Danh mục vật tư y tế	Thông số kỹ thuật (tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
VT44	Gạc phẫu thuật 10cm x 10cm x 8 lớp, tiệt trùng có cân quang	<p>-Gạc y tế được dệt từ sợi cotton 100%, không ẩm ướt, sợi chắc, mịn, có độ thấm hút rất cao, không có mùi mốc hoặc mùi khác lạ, hoàn toàn trắng, không dùng chất quang sắc, chỉ có sợi bông, không có loại sợi nào khác. Không có độc tố, đã được giặt sạch. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phù tạng. Được gấp thành từng miếng.</p> <p><u>Đặc tính gạc:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> + Trung bình 1 gam gạc giữ được từ 5 gam nước trở lên + Tốc độ thấm hút ≤ 8s. + Giới hạn acid - kiềm: Đạt trung tính (Cả hai dung dịch không có màu hồng) + Chất tan trong ether: không quá 0,5% + Chất tan trong nước: không quá 0,5% + Mất khối lượng do sấy khô: không quá 8,0% - Kích thước: 10cm x 10cm x 8 lớp, cân quang Tiệt trùng bằng khí EO Gas -Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE, FDA hoặc tương đương 	Miếng	320.000	
VT45	Gạc phẫu thuật ổ bụng 30cm x 30cm x 12lớp, cân quang tiệt trùng	<p>-Gạc y tế được dệt từ sợi cotton 100%, có chỉ số sợi là 32/1, sợi chắc, mịn, không có mùi mốc hoặc mùi khác lạ, hoàn toàn trắng, thấm hút cao, không sử dụng chất nhuộm màu, không dùng chất quang sắc, chỉ có sợi bông. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phù tạng</p> <p><u>Đặc tính gạc:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> + Giới hạn acid - kiềm: Đạt trung tính + Thời gian hút nước (tốc độ chìm): ≤ 6s, khả năng hút nước: 1 gam gạc hút được ≥ 5 gam nước. + Chất hoạt động bề mặt: < 2mm + Chất tan trong ether: không quá 0,5% + Chất tan trong nước: không quá 0,5% + Mất khối lượng do sấy khô: không quá 8,0% + Muối kim loại: không quá hàm lượng cho phép - Kích thước: 30cm x 30cm x 12 lớp, cân quang - Tiệt trùng bằng khí EO gas. - Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE, FDA hoặc tương đương 	Miếng	20.000	
VT46	Gạc phẫu thuật ổ bụng 30cm x 40cm x 8 lớp, tiệt trùng có cân quang	<p>- Gạc y tế được dệt từ sợi cotton 100%, sợi chắc mịn, gạc mềm mịn, không có mùi mốc hoặc mùi khác lạ, không ẩm ướt, hoàn toàn trắng, không dùng chất quang sắc, chỉ có sợi bông, không có loại sợi nào khác, không độc tố, không chứa các thành phần hóa học gây kích ứng da. Không bụi, không có tạp chất lẫn vào. Không để lại xơ sợi trên vết thương.</p> <p>- Đặc tính gạc:</p> <ul style="list-style-type: none"> +Thấm hút tốt. Thời gian hút nước (tốc độ chìm): ≤ 6s, khả năng hút nước: 1 gam gạc hút được ≥ 5 gam nước. + Giới hạn acid - kiềm: Đạt trung tính + Chất hoạt động bề mặt: ≤ 2mm + Tốc độ thấm hút ≤ 8s +Chất tan trong ether: không quá 0,5% +Chất tan trong nước: không quá 0,5% +Mất khối lượng do sấy khô: không quá 8,0% +Tro sunfat: không quá 0.4% +Muối kim loại: không quá hàm lượng cho phép - Kích thước: 30cm x 40cm x 8 lớp, gạc gấp thành miếng, có cân quang. Đóng gói: 5 miếng/ gói trong bao chỉ thị màu, tiệt trùng bằng khí EO Gas, - Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE, FDA hoặc tương đương 	Miếng	25.000	

Stt	Danh mục vật tư y tế	Thông số kỹ thuật (tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
VT47	Gạc miếng 8cm x10cm x 8 lớp (chưa tiệt khuẩn)	<p>- Gạc y tế được dệt từ sợi cotton 100%, có chỉ số sợi ngang dọc là 32s/1, không ẩm ướt, sợi chắc, mịn, có độ thấm hút rất cao, không có mùi mốc hoặc mùi khác lạ, không dùng chất quang sắc, chỉ có sợi bông, không có loại sợi nào khác. Không có độc tố, không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Được gấp thành từng miếng.</p> <p><u>- Đặc tính gạc:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> + Trung bình 1 gam gạc giữ được từ 5 gam nước trở lên + Tốc độ thấm hút $\leq 8s$. + Giới hạn acid - kiềm: Đạt trung tính + Chất tan trong ether: không quá 0,5% + Chất tan trong nước: không quá 0,5% + Mất khối lượng do sấy khô: không quá 8,0% <p>- Kích thước: 10cm x 10cm x 8 lớp - Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE, FDA hoặc tương đương</p>	Miếng	400.000	
VT48	Gạc thân 7,5cm x 7,5cm x 12 lớp (chưa tiệt khuẩn)	<p>- Gạc y tế được dệt từ sợi cotton 100%, dạng màng mỏng thoáng khí, sợi chắc, mịn, thấm hút tốt, không ẩm ướt, không có mùi mốc hoặc mùi khác lạ, hoàn toàn trắng, không dùng chất quang sắc, chỉ có sợi bông. Không có độc tố. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng, thấm hút tốt.</p> <p><u>Đặc tính gạc:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> + Giới hạn acid - kiềm: Đạt trung tính. + Độ trắng $\geq 80\% \pm 10\%$ + Thấm hút tốt. Thời gian hút nước (tốc độ chìm): $\leq 6s$, khả năng hút nước: 1 gam gạc hút được ≥ 5 gam nước + Chất hoạt động bề mặt: $< 2mm$ + Các sợi khác: Không tìm thấy sợi nào bị nhuộm màu + Chất tan trong ether: không quá 0,5% + Chất tan trong nước: không quá 0,5% + Mất khối lượng do sấy khô: không quá 8,0% <p>- Kích thước: 7,5cm x 7,5cm x 12 lớp, KTT - Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE, FDA hoặc tương đương</p>	Miếng	60.000	
VT49	Gòn cắt sẵn 3cm x 3cm hoặc gòn viên	<p>Thành phần: Bông xơ tự nhiên 100% cotton, không có chất tẩy trắng, được chế từ lông của hạt cây Bông, đã loại mỡ và làm tơi. Bông được cắt thành miếng nhỏ đồng đều về kích thước và trọng lượng.</p> <p>- Ngoại quan: Không ẩm ướt; Không mùi lạ; sạch. Màu sắc hoàn toàn trắng, Không có tạp chất, chỉ có sợi bông. Màng bông mềm mại, mịn, chắc và đàn hồi tốt.</p> <p>- Quá trình xử lý màng bông sử dụng tia nước áp lực cao không dùng hóa chất nên hoàn toàn không gây ra kích ứng cho làn da nhạy cảm.</p> <p><u>- Đặc tính bông:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> + Giới hạn acid - kiềm: Đạt trung tính + Chất hoạt động bề mặt: $< 2mm$ + Tốc độ chìm: $\leq 8s$ + Khả năng hút nước (Độ hút nước): $> 100g$ + Phát quang: Đạt + Chất tan trong ether: không quá 0,5% + Chất tan trong nước: không quá 0,5% + Mất khối lượng do sấy khô: không quá 8,0% + Định tính: ngâm dung dịch kẽm clorua-iod -> Sợi chuyển qua màu tím <p>- Kích thước: 3cm x 3cm $\pm (1 - 5\%)$ - Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE, FDA hoặc tương đương</p>	Kg	600	

Stt	Danh mục vật tư y tế	Thông số kỹ thuật (tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
VT50	Gòn thay băng (Gòn viên), tiệt trùng	<ul style="list-style-type: none"> -Thành phần: làm từ bông y tế thấm nước bông xơ tự nhiên 100% sợi cotton được se thành viên, viên gòn được se vừa, đường kính: Ø30mm, tiệt trùng bằng khí EO. -Ngoại quan: Không ẩm ướt, sợi chắc, mịn; Không mùi lạ; Màu sắc hoàn toàn trắng, màu trắng tự nhiên; Không có tạp chất, chỉ có sợi bông. - Đặc tính bông: <ul style="list-style-type: none"> + Giới hạn acid - kiềm: Đạt trung tính. + Chất hoạt động bề mặt: < 2mm + Tốc độ chìm: ≤8s + Khả năng hút nước (Độ hút nước): >100g + Chất tan trong ether: không quá 0,5% + Chất tan trong nước: không quá 0,5% + Mật khối lượng đo sấy khô: không quá 8,0% - Kích thước: phi 30mm - Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE, FDA hoặc tương đương 	Gói	8.000	
VT51	Bông hút nước y tế	<ul style="list-style-type: none"> •Thành phần: 100% sợi cotton từ bông xơ tự nhiên (thành phần chính là Cellulose), không pha sợi polyester. Bông hút nước được chế từ lông của hạt cây Bông, đã loại mỡ, làm tơi, thấm hút cao, hạn chế xơ thừa bám lại. Bông dạng dải, được cuộn thành cuộn chắc, người sử dụng có thể tạo ra các miếng kích thước tùy ý. •Ngoại quan: Không ẩm ướt, sợi chắc, mịn; Không mùi lạ; không vụn; Màu sắc hoàn toàn trắng, màu trắng tự nhiên; Bông không bị đổi màu khi tiệt khuẩn bằng máy hấp hơi nước ở nhiệt độ cao. •Khô ngang: 33cm ± 1cm •Giới hạn acid - kiềm: Đạt trung tính (Cả hai dung dịch không có màu hồng) •Tốc độ chìm: ≤7s •Khả năng hút nước (Độ hút nước): >100g •Chất tan trong ether: không quá 0,5% •Chất tan trong nước: không quá 0,5% •Mật khối lượng đo sấy khô: không quá 8,0% •Tro sunfat: không quá 0.4% •Định tính: ngâm dung dịch kẽm clorua-iod -> Sợi chuyển qua màu tím Đóng gói: 1 kg/gói. Chưa tiệt trùng. Đóng gói bằng 1 lớp PE hàn kín miệng •Tiêu chuẩn : FDA, CE, ISO 13485 	Kg	150	
VT52	Băng keo cá nhân	<ul style="list-style-type: none"> Kích thước: 21 x 70mm, kích thước gạc: 13 x 22mm Băng: màng Polyethylene hợp màu da được đục lỗ giúp thông thoáng, keo: chất keo acrylic ít dị ứng, không có dung môi hóa học, gạc: sợi viscose màu trắng phủ lớp không dính Chất lượng: ISO 13485 	Miếng	100.000	
VT53	Bộ dụng cụ, băng dán khâu cắt nội soi các loại				
VT53.1	Dụng cụ khâu cắt nội soi tự động	<ol style="list-style-type: none"> 1. Chất liệu: <ul style="list-style-type: none"> - Tay cầm: nhựa hoặc tương đương - Trục kim loại: thép không gỉ hoặc tương đương 2. Thông số kỹ thuật: <ul style="list-style-type: none"> - Góc 45° liên tục không khắc mỗi bên, hai bên tổng 90°. Có nút xoay 360° 3. Đặc tính, tính năng kỹ thuật: <ul style="list-style-type: none"> - Được kích hoạt bằng chip và nhận diện được thông số của băng dán - Nhận diện mô thông minh và đưa ra cảnh báo khi bắn thông qua tín hiệu đèn LED - Sử dụng tối đa 15 băng dán - Pin sử dụng một lần và sử dụng trong ≥ 8h - Thao tác bắn dụng cụ và mở hàm băng dán chỉ bằng một lần chạm vào cò súng - Thanh "manual override" hỗ trợ mở hàm băng dán bằng tay trong trường hợp dụng cụ ngưng hoạt động - Dụng cụ tích hợp được với tất cả các loại băng dán nội soi cùng hãng sản xuất 4. Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE 	Cái	10	

Stt	Danh mục vật tư y tế	Thông số kỹ thuật (tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
VT53.2	Dụng cụ khâu cắt nối nội soi đa năng	<p>1. Chất liệu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tay cầm: nhựa - Trục kim loại: thép không gỉ <p>2. Thông số kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gập góc 45° liên tục không khác mỗi bên, hai bên tổng 90°. Có nút xoay 360° <p>3. Đặc tính, tính năng kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng được 25 băng đạn trong một ca phẫu thuật - Thao tác kẹp mô linh hoạt, đóng hàm băng đạn bằng cách bóp cò và mở hàm băng đạn bằng cách gạt ngược cò súng. - Dụng cụ tích hợp được với tất cả các loại băng đạn nội soi cùng hãng sản xuất <p>4. Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE và FDA 510K.</p>	Cái	300	
VT53.3	Băng đạn khâu cắt nối soi loại 1	<p>1. Chất liệu: ghim dập bằng titanium Ti Gr1</p> <p>2. Thông số kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chiều cao ghim trước khi đóng 3.5mm và sau khi đóng 1.5mm - Đường kính ghim: 0.21mm - Số lượng ghim: 90 ghim - Chiều dài băng đạn 60mm <p>3. Đặc tính, tính năng kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiết kế 3 hàng ghim dập mỗi bên - Thiết kế kẹp mô kép double gripping với các lần gợn niấp nhỏ trên bề mặt băng đạn giúp giữ mô chặt hơn - Dao cắt mới trên mỗi băng đạn - Băng đạn tương thích với dụng cụ khâu cắt nối nội soi gập góc 45° mỗi bên, hai bên 90° liên tục không khác và dụng cụ khâu cắt nối nội soi thông minh cùng hãng sản xuất <p>4. Tiêu chuẩn ISO 13485, CE và FDA 510K</p>	Cái	200	
VT53.4	Băng đạn khâu cắt nối soi loại 2	<p>1. Chất liệu: ghim dập bằng titanium Ti Gr1</p> <p>2. Thông số kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiết kế 3 chiều cao ghim đóng từ thấp đến cao trong cùng 1 băng đạn theo thứ tự: 0.75mm-1.0mm-1.25m và 1.25mm-1.5mm-1.75 mm tương ứng với chiều cao ghim mở 2.0mm- 2.5mm-3.0mm và 3.0mm-3.5mm-4.0mm - Đường kính ghim 0.21mm - Số lượng ghim: 66 ghim/ 90 ghim - Chiều dài băng đạn: 45mm/ 60mm <p>3. Đặc tính, tính năng kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiết kế 3 hàng ghim dập mỗi bên với chiều cao ghim khác nhau trong mỗi băng đạn, dùng cho mô trung bình đến mô dày - Dao cắt mới trên mỗi băng đạn - Băng đạn tương thích với dụng cụ khâu cắt nối nội soi gập góc 45° mỗi bên, hai bên 90° liên tục không khác và dụng cụ khâu cắt nối nội soi thông minh cùng hãng sản xuất <p>4. Tiêu chuẩn ISO 13485, CE và FDA 510K.</p>	Cái	1.000	
VT54	Bộ dụng cụ, băng đạn khâu cắt nối soi đa năng loại 1				
VT54.1	Dụng cụ khâu cắt nối nội soi đa năng	<p>Dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi gập góc chủ động</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kích thước: dài trục 16cm - Thiết kế gập góc 45 độ mỗi bên với 5 điểm gập góc mỗi bên và một điểm ở giữa, xoay băng đạn 360 độ - Tương thích với băng đạn có lưỡi dao rời theo công nghệ Tri-Staple cùng hãng (mở làm bằng cân gạt chuyên dụng giúp dễ thao tác, tránh kẹt hàm băng ghim) - Tiêu chuẩn ISO, CE,CFG do FDA cấp . Xuất xứ : G7 	Cái	300	

Stt	Danh mục vật tư y tế	Thông số kỹ thuật (tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
VT54.2	Băng dán đi kèm dụng cụ khâu cắt nối nội soi đa năng	Băng dán của dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi gấp góc chủ động, dùng cho mô dày và mô trung bình. - Chất liệu titanium, thiết kế 3 hàng ghim dập mỗi bên theo công nghệ Tri-Staple có chiều cao ghim khác nhau là 3mm-3.5mm-4mm trong mỗi băng dán. - Chiều dài băng dán 60mm, sau khi đóng có 3 độ cao ghim khác nhau; 1.25mm-1.5mm-1.75mm trong mỗi băng - Thiết kế lưỡi dao nằm trong băng dán. - Tương thích dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi bằng pin sử dụng nhiều lần và cơ cùng hãng - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE, CFG do FDA cấp. Xuất xứ: G7	Cái	1.000	
VT55	Bộ dụng cụ, băng dán khâu cắt nối thẳng mô mỡ				
VT55.1	Dụng cụ khâu nối thẳng mô mỡ	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng mô mỡ - Chất liệu: tay cầm plastic, lưỡi dao thép không gỉ - Chiều dài: 80mm - Thiết kế 3 hàng ghim dập mỗi bên với 3 chiều cao khác nhau theo công nghệ Tri- Staple, ghim bằng titanium, hình dạng ghim bán hình chữ B, bán được từ 2 phía, 3 chiều cao ghim dập khác nhau - Chiều dài đường cắt nhỏ hơn chiều dài đường ghim - Gắn với các băng dán với chiều cao ghim: 3mm-3.5mm-4mm, chiều cao ghim sau khi đóng: 1.5--2- 2.5mm - Tương thích với băng dán cùng hãng - Tiêu chuẩn ISO, CE, CFG do FDA cấp. Xuất xứ: G7	Cái	200	
VT55.2	Băng dán đi kèm dụng cụ khâu nối thẳng mô mỡ	Băng dán của dụng cụ khâu cắt nối thẳng mô mỡ - Chất liệu: titanium - Kích thước * Chiều dài 80mm. * Chiều cao ghim có 3 độ cao ghim khác nhau trong mỗi băng: 3mm-3.5mm-4mm, chiều cao ghim khi đóng: 1.5--2.25mm - Thiết kế 3 hàng ghim dập mỗi bên với 3 chiều cao ghim khác nhau theo công nghệ Tri- Staple - Thiết kế lưỡi dao nằm trong băng dán. - Tương thích dụng cụ khâu cắt nối thẳng mô mỡ cùng hãng - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE, CFG do FDA cấp. Xuất Xứ G7	Cái	900	
VT56	Dụng cụ khâu cắt nối tròn các cỡ (Loại 2 hàng ghim)	Dụng cụ khâu cắt nối vòng đầu cong, đe nghiêng sau khi sử dụng, dùng trong phẫu thuật nối ống tiêu hóa - Chất liệu ghim bằng titanium - Kích thước: * Chiều dài thân dụng cụ: 30-35cm * Đường kính: 25, 28, 31, 33mm - Thiết kế 2 hàng ghim, sau khi đóng ghim có hình dạng chữ B theo công nghệ DST - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE,CFG do FDA cấp. Xuất xứ: G7	Bộ	50	
VT57	Dụng cụ khâu cắt nối tròn các cỡ (Loại 3 hàng ghim)	Dụng cụ khâu cắt nối vòng 3 hàng ghim theo công nghệ Tri- Staple đầu cong, đe nghiêng sau khi sử dụng, dùng trong phẫu thuật nối ống tiêu hóa. - Chiều dài thân dụng cụ: 22cm, 35cm. - Các cỡ đường kính tròn: 28mm, 31mm, 33mm tương ứng với số lượng ghim là 39, 45, 48. - Thiết kế 3 hàng ghim theo công nghệ Tri- Staple, sau khi đóng ghim có hình dạng chữ B, chiều cao ghim đóng khác nhau. - Chiều cao ghim từ trong ra ngoài: 3.0mm; 3.5mm; 4.0mm (màu tím) Chất liệu ghim titanium Tiêu chuẩn ISO, CE,CFG do FDA cấp. Xuất xứ: G7	Bộ	150	
VT58	1. Dụng cụ khâu cắt mô trĩ (loại 1)	Đường kính ngoài: 32 mm - 34mm - Đường kính dao cắt: 22.2 mm - 24.2mm - Số lượng ghim dập: 32 ghim - 34 ghim - Chiều cao của ghim: 3.8mm - Chiều rộng của ghim (Đỉnh): 3.8mm - Chiều cao ghim sau khi bấm (chữ B): 0.75-1.5mm - Đường kính của ghim: 0.28mm - Chất liệu ghim bấm bằng Titanium - Số vòng ghim bấm: 2 vòng tròn đồng tâm bên trong đầu dập kim. Đạt tiêu chuẩn CE, ISO 13485 và có 2 CFS của Châu Âu"	Cái	100	

Stt	Danh mục vật tư y tế	Thông số kỹ thuật (tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
VT59	Dụng cụ khâu cắt mô trí (loại 2)	<ol style="list-style-type: none"> Chất liệu: ghim dập bằng titanium Ti Gr1 Thông số kỹ thuật: <ul style="list-style-type: none"> Cỡ 33 mm và 34 mm Đường kính lòng cắt ≥ 26 mm Số lượng ghim: ≥ 34 ghim Chiều cao ghim mở 3.8 mm, chiều cao ghim đóng 0.75 mm-1.5 mm Đường kính ghim: ≥ 0.28mm Đặc tính, tính năng kỹ thuật: <ul style="list-style-type: none"> Thiết kế an toàn kép trước khi bắn Đầu đe không tháo rời, buồng chứa dịch trong suốt Ống nong hình tròn và ống nong hình cánh bướm Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE hoặc FDA 	Cái	100	
VT60	Bộ dao siêu âm và dây dao dùng trong mổ mở tương thích với dao siêu âm mổ mở				
VT60.1	Dao siêu âm mổ mở	<ul style="list-style-type: none"> Tay dao mổ siêu âm dạng kéo, dùng trong mổ hở. Cho phép thiết lập và điều khiển nhiệt độ, độ cắt, hàn mạch máu của lưỡi dao an toàn hiệu quả cao. Thiết kế ngâm cắt nhỏ và sắc bén tăng thuận lợi trong bóc tách và tăng độ chính xác trong các phẫu thuật mổ hở. Chiều dài lưỡi dao 16.2 mm ($\pm 5\%$). Có 1 khóa vận kèm theo dao để khóa tay dao vào dây dao bảo đảm sự kết nối hoạt động là tối ưu nhất. Khả năng cắt và hàn mạch đến 5mm ($\pm 5\%$). Có các kích cỡ chiều dài hoạt động 9cm /17cm 	Cái	50	
VT60.2	Dây dao dùng trong mổ mở tương thích với dao siêu âm mổ mở	<ul style="list-style-type: none"> Chất liệu vỏ ngoài bằng hợp kim nhôm: hỗ trợ giảm sức nặng, tăng độ bền cơ học và khả năng kháng ăn mòn khi sử dụng. Đầu điện cực được mạ vàng với điện trở tiếp xúc tối thiểu nhằm tăng khả năng truyền sóng cơ học tới tay dao. Chiều dài tay cầm dây dao 180- 183 mm. FSC (Đức và NMPA Trung Quốc cấp) 	Cái	5	
VT61	Bộ dao siêu âm và dây dao dùng trong mổ nội soi, tương thích tay dao siêu âm mổ nội soi				
VT61.1	Dao siêu âm nội soi	<ul style="list-style-type: none"> Tay dao mổ siêu âm dùng trong mổ nội soi và mổ hở Đầu dạng súng, trục xoay được 360° khi sử dụng, đường kính 5,5 mm. Cho phép thiết lập và điều khiển nhiệt độ, độ cắt, hàn mạch máu của lưỡi dao an toàn hiệu quả cao. Thiết kế đầu cắt độc đáo nâng cao hiệu quả bóc tách mô và hàn mạch máu. Chiều dài lưỡi dao 16 mm ($\pm 5\%$) Có 1 khóa vận kèm theo dao để khóa tay dao vào dây dao bảo đảm sự kết nối hoạt động là tối ưu nhất. Khả năng cắt và hàn mạch đến 5mm ($\pm 5\%$). Kích cỡ chiều dài hoạt động 13cm/ 22cm/35cm. 	Cái	200	
VT61.2	Dây dao dùng trong mổ nội soi, tương thích tay dao siêu âm mổ nội soi	<ul style="list-style-type: none"> Sử dụng với tay dao siêu âm mổ nội soi Chất liệu vỏ ngoài bằng hợp kim nhôm: hỗ trợ giảm sức nặng, tăng độ bền cơ học và khả năng kháng ăn mòn khi sử dụng. Đầu điện cực được mạ vàng với điện trở tiếp xúc tối thiểu nhằm tăng khả năng truyền sóng cơ học. Chiều dài tay cầm dây dao 165-170 cm. 	Cái	10	

Stt	Danh mục vật tư y tế	Thông số kỹ thuật (tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
VT62	Trocar nhựa không dao, các cỡ loại I	Trocar dùng trong phẫu thuật nội soi, có van khí - Chất liệu: * Thân: chất liệu polyamide, Polysorpren và silicon oil, có đường ren, van đóng, có rãnh cố định, van đóng có hệ thống van tăng cường * Nòng: chất liệu Polyamide, Acrylonitrile-butadiene-styrene và Versaflex Thermoplastic Elastomer, đầu trong dạng mũi cá heo * Van khí: 2 chiều - Dài 100 mm, - Đường kính trong tối thiểu đáp ứng: 5.92mm, 11.47mm, 12,95 mm (± 5%) - Đường kính ngoài tối thiểu đáp ứng: 8.46mm, 13.97mm, 15,52 mm (± 5%) - Tiêu chuẩn chất lượng: CE, ISO 13485. Xuất xứ: Châu Mỹ	Cái	500	
VT63	Trocar nhựa không dao, các cỡ loại II	- Trocar nhựa nội soi các cỡ 5mm, 10mm, 12mm, 15mm, không dao, đầu trong suốt - Thân dài 70/100/150mm, thân ngoài có rãnh cố định - Đường kính trong 6.5mm, 11.5mm, 13.0mm, 16.0mm - Đường kính ngoài 8.5mm, 13mm, 15mm, 18mm - Nút khóa hình phễu có khóa giữ camera - Tiêu chuẩn ISO 13485, FDA 510k, CE	Cái	1.500	
VT64	Súng cố định lưới trong phẫu thuật thoát vị	Dụng cụ cố định lưới thoát vị (thành bụng, bẹn) dùng trong phẫu thuật nội soi - Chất liệu ghim bằng titan - Kích thước: * Chiều dài thân dụng cụ khoảng 35 - 40 cm * Đường kính nòng ≤ 5 mm * Chiều dài ghim khoảng 3 - 4mm - Chiều rộng khoảng 4 - 5 mm - Cấu tạo: * Hình dạng ghim xoắn ốc * Số lượng ghim tối thiểu 30 ghim/cái - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn : CFG do FDA cấp , tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Xuất xứ: G7	Cây	10	
VT65	Tấm lưới điều trị thoát vị 20cm x 30cm	Mảnh ghép dùng trong điều trị thoát vị thành bụng, dẹt 3D - Chất liệu: Polyester - Kích thước: 20 x 30cm - Kích thước lỗ: 4.8 x 2.0mm - Trọng lượng: 78g/m ² - Khả năng chịu lực: ≥ 32N/cm theo chiều dọc, ≥ 22N/cm theo chiều ngang. - Độ đàn hồi: > 20% - Kiểu dệt: thiết kế mũi dệt X cải tiến, có đính chỉ sẵn. - 1 mặt collagen chống dính - Đóng gói: riêng rẽ, không gấp đôi, tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn CE. Xuất xứ: G7	Miếng	50	
VT66	Tấm lưới điều trị thoát vị 10cm x 15cm	Mảnh ghép dùng trong điều trị thoát vị bẹn mổ nội soi, co giãn đa chiều - Chất liệu bằng polypropylene đơn sợi, dệt 2D - Kích thước lỗ 1.5 x 1.5mm - Trọng lượng nhẹ: 38g/m ² - Kích thước: 10 x 15 cm - Khả năng chịu lực: ≥ 16N/cm - Độ đàn hồi: ≥ 20% - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn CE. Xuất xứ: G7	Miếng	50	

Stt	Danh mục vật tư y tế	Thông số kỹ thuật (tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
VT67	Tấm lưới điều trị thoát vị 15cm x 15cm	Mảnh ghép dùng trong điều trị thoát vị bẹn mô nội soi, co giãn đa chiều - Chất liệu bằng polypropylene đơn sợi, dệt 2D - Kích thước lỗ 1.5 x 1.5mm - Trọng lượng nhẹ: 38g/m ² - Kích thước: 15 x 15 cm - Khả năng chịu lực: ≥ 16N/cm - Độ đàn hồi: ≥ 20% - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn CE. Xuất xứ: G7	Miếng	50	
VT68	Tấm lưới điều trị thoát vị 6cm x 11 cm	Mảnh ghép dùng trong điều trị thoát vị bẹn mô mở, co giãn đa chiều - Chất liệu bằng polypropylene đơn sợi, dệt 2D - Kích thước lỗ 1.5 x 1.5mm - Trọng lượng nhẹ: 38g/m ² - Kích thước: 11x 6 cm - Khả năng chịu lực: ≥ 16N/cm - Độ đàn hồi: ≥ 20% - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn CE. Xuất xứ: G7	Miếng	100	
VT69	Mảnh ghép điều trị tiêu không kiểm soát (Có dây)	*Mô tả: Lưới điều trị tiêu không kiểm soát (Có dây) thông qua ngã âm đạo *Kích thước: 01cm x 50cm *Chất liệu: Polyvinylidene Fluoride hoặc tương đương *Đặc tính kỹ thuật: - Vật liệu PVDF tương thích sinh học, chống lão hóa - Chống hình thành mô sẹo - Có khả năng ổn định hình dạng - Được tiệt khuẩn và đóng gói riêng lẻ *Tiêu chuẩn áp dụng: ISO, CE	Miếng	20	
VT70	Dụng cụ đặt mảnh ghép sa tạng chậu	*Mô tả: Dụng cụ đặt mảnh ghép sa tạng chậu - Có thể tái sử dụng - Thiết kế chuyên biệt cho phẫu thuật trong sa tạng chậu và tiêu không kiểm soát - Áp dụng cho kỹ thuật xuyên lỗ bịt - Bộ móc đối 2 cái trái - phải *Kích thước: Đường kính vòng 7cm *Chất liệu: Thép phẫu thuật *Tiêu chuẩn áp dụng: ISO, CE	Bộ	1	
VT71	Lưới điều trị sa sàn chậu, sa sinh dục	*Mô tả: Lưới điều trị sa từ cung, cố định từ cung vào mỏm nhô - Phẫu thuật sa từ cung bằng kỹ thuật mô mở hoặc nội soi *Kích thước: 2/4cm x 23cm *Chất liệu: Polyvinylidene Fluoride hoặc tương đương *Đặc tính kỹ thuật: - Vật liệu tương thích sinh học, chống lão hóa - Chống hình thành mô sẹo - Có khả năng ổn định hình dạng - Được tiệt khuẩn và đóng gói riêng lẻ *Tiêu chuẩn áp dụng: ISO, CE	Miếng	10	
VT72	Lưới điều trị thoát vị khe hoành	*Mô tả: Lưới điều trị thoát vị khe hoành dùng trong phẫu thuật mô nội soi *Kích thước: 08cm x 13cm *Chất liệu: Polyvinylidene Fluoride hoặc tương đương *Đặc tính kỹ thuật: - Chống rách dây chuyên - Được tiệt khuẩn và đóng gói riêng lẻ *Tiêu chuẩn áp dụng: ISO, CE	Miếng	10	

Stt	Danh mục vật tư y tế	Thông số kỹ thuật (tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
VT73	Lưới điều trị sa tạng chậu	*Mô tả: Lưới điều trị sa tạng chậu theo phương pháp phẫu thuật nội soi cố định sàn chậu vào môm nhỏ. - Phẫu thuật sa tử cung bằng kỹ thuật mổ mở hoặc nội soi *Kích thước: 04cm x 23cm *Chất liệu: Polyvinylidene Fluoride hoặc tương đương *Đặc tính kỹ thuật: - Có khả năng ổn định hình dạng - Được tiệt khuẩn và đóng gói riêng lẻ *Tiêu chuẩn áp dụng: ISO, CE	Miếng	10	
VT74	Lưới các cơ trong phúc mạc kích thước 15cm x 15cm	*Mô tả: Lưới điều trị thoát vị thành bụng, dùng trong phẫu thuật mổ hở, có 1 mặt chống dính. Vị trí đặt lưới: trong phúc mạc *Kích thước: 15cm x 15cm *Chất liệu: >85% (Polyvinylidene Fluoride) và <13% PP (Polypropylene) *Đặc tính kỹ thuật: - Vật liệu tương thích sinh học, chống lão hóa - Giảm nguy cơ xói mòn ruột - Được tiệt khuẩn và đóng gói riêng lẻ *Tiêu chuẩn áp dụng: ISO, CE	Miếng	10	
VT75	Lưới các cơ trong phúc mạc kích thước 15cm x 20cm	*Mô tả: Lưới điều trị thoát vị thành bụng, dùng trong phẫu thuật mổ hở, có 1 mặt chống dính. Vị trí đặt lưới: trong phúc mạc *Kích thước: 15cm x 20cm *Chất liệu: >85% PVDF (Polyvinylidene Fluoride) và <13% PP (Polypropylene) *Đặc tính kỹ thuật: - Vật liệu tương thích sinh học, chống lão hóa - Giảm nguy cơ xói mòn ruột - Được tiệt khuẩn và đóng gói riêng lẻ *Tiêu chuẩn áp dụng: ISO, CE	Miếng	10	
VT76	Lưới các cơ trong phúc mạc kích thước 20cm x 30cm	*Mô tả: Lưới điều trị thoát vị thành bụng, dùng trong phẫu thuật mổ hở, có 1 mặt chống dính. Vị trí đặt lưới: trong phúc mạc *Kích thước: 20cm x 30cm *Chất liệu: >85% PVDF (Polyvinylidene Fluoride) và <13% PP (Polypropylene) *Đặc tính kỹ thuật: - Vật liệu tương thích sinh học, chống lão hóa - Giảm nguy cơ xói mòn ruột - Được tiệt khuẩn và đóng gói riêng lẻ *Tiêu chuẩn áp dụng: ISO, CE	Miếng	10	
VT77	Clip cầm máu, tay cầm lắp sẵn, xoay được, loại đóng mở nhiều lần	Clip cầm máu, tay cầm lắp sẵn, xoay được, loại đóng mở nhiều lần	Hộp	700	
VT78	Bộ dẫn lưu đa chức năng, túi dịch				
VT78.1	Bộ dẫn lưu đa chức năng phủ hydrophilic, các cỡ	* Dùng trong thủ thuật dẫn lưu mật, thận ra da, dẫn lưu ổ áp xe và các mục đích dẫn lưu khác * Chất liệu thermoplastic polyurethane hoặc tương đương * Số lượng lỗ trên ống ≥ 4 (catheter có đường kính $\geq 8Fr$); ≤ 3 lỗ (catheter có đường kính $\leq 7Fr$). * Chiều dài đoạn pigtail 5 - 10cm * Thiết kế phân đầu có thể uốn cong thành dạng pigtail; tương thích dây dẫn đường tối thiểu 0.89mm * Đường kính: 6F đến 16F, chiều dài catheter: 20cm đến 40cm * Đường kính pigtail đoạn cong 6F: 15.2 \pm 1.5 (mm); 7F: 19 \pm 1.5 (mm): * Đầu tip thon nhọn dễ đẩy vào * Có phủ lớp ái nước giúp dễ dàng đẩy catheter * Có nhiều hình dạng pigtail catheter bao gồm: đầu thẳng, dạng pigtail, cong chữ V * Một bộ gồm: 01 ống dẫn lưu phủ hydrophilic dạng pigtail, 01 kim dẫn đường, 01 kim chọc, 01 bộ nối thẳng	Bộ	100	

Stt	Danh mục vật tư y tế	Thông số kỹ thuật (tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
VT78.2	Túi chứa dịch dẫn lưu	Túi chứa dịch dẫn lưu, dùng với ống dẫn lưu mật - Chất liệu Polyvinylchlorua (PVC) hoặc tương đương - Thể tích: 800ml, có đánh dấu - Ống nối dẫn lưu có khóa vận male luer-lock - Có dây để cố định túi - Có thể xả lượng dịch bằng cách mở valve xả dạng xoắn - Đóng gói tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	Cái	800	
VT79	Bộ dẫn lưu bàng quang ra da bằng trocar	- Bộ mở bàng quang ra da bao gồm: +Catheter vật liệu 100% silicone, có bóng, dài 40cm, thể tích bóng 5-10ml. +Dao mổ bằng thép không gỉ dài 72mm. +Túi nước tiểu 2000ml. +Kẹp ống thông bằng P.O.M. +Trocar có vỏ nhựa được tách đôi, chất liệu PU, các cỡ 10, 12, 14Fr. Dài 120mm. - Kích cỡ Catheter: 10, 12, 14, 16Fr. - Vô trùng.	Bộ	20	
VT80	Bộ nong lấy sỏi qua da	Bộ nong thận tán sỏi qua da F8-F18, gồm kim chọc, ống nong thận, ống dẫn lưu, dây dẫn và amplatz. - 6 nong thận, size 8,10,12,14,16,18 Fr - 1 sheath, size 18 Fr - 1 dây dẫn, 0.035inch 45cm,80cm,100cm - 2 kim chọc 18G	Bộ	50	
VT81	Ống dẫn lưu bàng quang ra da các cỡ (Ống Pezzet)	Được sử dụng chủ yếu để thông niệu quản, thông tiểu và dẫn lưu thận, hỗ trợ trong các trường hợp bị tiểu, sỏi thận, tắc nghẽn niệu đạo hay các vấn đề về bàng quang. Ống thông được sản xuất với nhiều kích thước khác nhau, từ 14 đến 28FR. Chất liệu silicone	Cái	300	
VT82	Lưỡi dao cắt đốt nội soi dạng câu dùng cho monopolar resectoscope (Storz) (resectoscope loop)	Điện cực cắt đốt cầm máu, đầu hình banh 5mm, với đầu cầm 01 chân	Cái	5	
VT83	Lưỡi dao cắt đốt nội soi dạng vòng dùng cho monopolar resectoscope (Storz) (resectoscope loop)	Điện cực cắt đốt, cỡ 24/26 Fr, dạng vòng cắt, với đầu cầm 01 chân	Cái	30	
VT84	Dây laser dùng cho tán sỏi nội soi đường kính 365µm	- Dây dẫn tia laser lõi quang học 365 micron, dài khoảng 3m, đường kính ngoài. Tiêu chuẩn: ISO, EC. Trương thích sử dụng máy laser Litho Evo, hãng Quanta System S.p.A/Y của viện	Cái	30	
VT85	Ống dẫn lưu chữ T (dẫn lưu Kehr) các cỡ	- Được làm từ nhựa PVC y tế không độc hại, không chứa DEHP. - Đường cân quan dọc thân ống. - Bề mặt ống siêu mịn để chống tắc nghẽn. - Có các size 10, 12, 14, 16, 18FG dài 20x 60cm. - Vô trùng.	Cái	500	
VT86	Ống soi mềm tương thích máy				

Stt	Danh mục vật tư y tế	Thông số kỹ thuật (tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
VT86.1	Ống soi mềm tương thích máy	Có thể xoay trái hoặc phải 90 độ bắt đầu từ trục giữa của ống trên tay cầm và chức năng chụp ảnh, khóa vị trí uốn, hút... + Chiều dài làm việc 450mm + Đường kính trong: 6Fr + Đường kính ngoài: 12Fr + Phạm vi uốn lên ≥ 210 độ + Phạm vi uốn xuống ≥ 210 độ + Hướng nhìn: 0 độ + Nhiệt độ màu: ≥ 3000 đến 7000K + Độ sâu trường ảnh: khoảng từ 3-100mm Tiêu chuẩn: FDA,ISO,CE	Cái	20	
VT86.2	Ống soi mềm tương thích máy	Có thể xoay trái hoặc phải 90 độ bắt đầu từ trục giữa của ống trên tay cầm và chức năng chụp ảnh, khóa vị trí uốn, hút... + Chiều dài làm việc 700mm + Đường kính trong: 3.6Fr + Đường kính ngoài: 8.4Fr + Phạm vi uốn lên ≥ 285 độ + Phạm vi uốn xuống ≥ 285 độ + Trường quan sát: ≥ 120 độ $\pm 10\%$ + Hướng nhìn: 0 độ + Nhiệt độ màu: ≥ 3000 đến 7000K + Độ sâu trường ảnh: khoảng từ 3-100mm Tiêu chuẩn: FDA,ISO,CE	Cái	50	
VT87	Dây laser tán sỏi cỡ 550 μ m	- Dây dẫn tia laser lõi quang học 550 micron, dài khoảng 3m, đường kính ngoài 0.75mm. Tiêu chuẩn: ISO, EC. Tương thích sử dụng máy laser Litho Evo, hãng Quanta System S.p.A/Y của viện	Cái	20	
VT88	Dây đốt laser tĩnh mạch	- Đầu đốt laser nội mạch gồm sợi quang học Ringlight radial fiber với đường kính catheter 600 μ m, 400 μ m - Máy có Thẻ SmarterCard Lưu trữ thông tin bệnh nhân (Ngày can thiệp, họ tên Bệnh nhân, giới tính, chẩn can thiệp, tĩnh mạch hiển lớn hoặc tĩnh mạch nhỏ, Tổng năng lượng đốt cho bệnh nhân) - Máy sử dụng thẻ MasterCard để kích hoạt máy và lưu trữ thông tin bệnh nhân trong thẻ từ 10 đến 30 lần can thiệp - Chiều dài của ống thông 2,5m	Cái	100	
VT89	Mạch máu nhân tạo loại chữ Y	Mạch máu nhân tạo loại chữ Y	Cái	20	
VT90	Mạch máu nhân tạo loại thẳng	Mạch máu nhân tạo loại thẳng	Cái	30	
VT91	Bao Camera nội soi	Chất liệu: Màng nhựa PE, không rò rỉ, khó xé rách. Dễ tháo, dễ luồn vào ống. - Hai vòng nhựa PP chính phẩm được ép vào nhau, không nứt, có đường kính 97mm, vòng ngoài có bề dày trung bình 1.5mm, vòng trong có bề dày 1.8mm. - Kích thước: 2.5m x 15cm. - Đóng gói bằng giấy đóng gói tiệt trùng. - Tiệt trùng bằng khí EO gas. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Cái	1.500	
VT92	Bao cao su	Dùng khám bệnh phụ khoa; phòng tránh thai	Cái	5.000	
VT93	Bình dẫn lưu màng phổi	- Bình dẫn lưu màng phổi thiết kế thẳng đứng, dung tích 1800ml. - Vật liệu Polystyrene trọng lượng nhẹ, chống sốc, chống vỡ, trong suốt. - Cơ chế một chiều kín nước (water-seal) cho phép loại bỏ không khí và chất lỏng đồng thời ngăn chặn khí và chất lỏng chảy ngược vào phổi. - Bao gồm: bộ lọc, van chảy ngược, ống kín dưới nước, nắp khoá cố định màu trắng. - Có vạch đánh dấu độ sâu 2cm tính từ đáy, vạch đánh dấu thiết lập khả năng kín nước chính xác và vạch chia thể tích (cách nhau 50ml). - Ống nối dẫn lưu có lòng trong nhẵn, chống gãy gấp, dài 180cm. - Khử trùng bằng EO.	Cái	200	

Stt	Danh mục vật tư y tế	Thông số kỹ thuật (tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
VT94	Bình dẫn lưu vết thương 200ml (hoặc tương đương) có lò xo	Bao gồm: + Bình áp lực âm 3 lò xo thể tích 200ml; + Ống nối chất liệu PVC; + Co nối chữ Y; + Ống dẫn lưu có trocar kích thước 10, 12, 14, 16, 18Fr. + Có van chống trào ngược, kẹp cố định vào giường. - Có cân quang, không chứa latex. - Đóng gói tiệt trùng;	Cái	300	
VT95	Bình dẫn lưu vết thương 400ml (hoặc tương đương) có lò xo	Bao gồm: + Bình áp lực âm 3 lò xo thể tích 400ml; + Ống nối chất liệu PVC; + Co nối chữ Y; + Ống dẫn lưu có trocar kích thước 10, 12, 14, 16, 18Fr. + Có van chống trào ngược, kẹp cố định vào giường. - Có cân quang, không chứa latex. - Đóng gói tiệt trùng;	Cái	500	
VT96	Bộ dây thở 2 bẫy nước sử dụng 1 lần các cỡ	Dây máy thở gọn sóng làm bằng vật liệu PE - EVA . bao gồm: * Đầu nối xoay luer lock (22M/15F-15M): 1 chiếc * Co nối chữ Y 2 công đo CO2 có nắp gắn liền (22M/15F-22M): 1 chiếc * đoạn limb dài 80cm (Người lớn $\theta=22\text{mm}$ / trẻ em $\theta=15\text{mm}$): 5 dây * Co nối thẳng (22F-22M): 6 cái * Co nối thẳng (22M-22M/15F): 1 cái * Bẫy nước (22M): 2 chiếc * Tiêu chuẩn ISO, FDA	Bộ	600	
VT97	Bộ dây thở dùng 1 lần cho các loại máy thở	Bộ dây gây mê bao gồm: - Khóa xoay luer lock 90 độ (22M/15F-15M): 01 chiếc - Co nối Y 2 công lấy mẫu đo CO2 có nắp gắn liền (22M/15F-22M): 01 chiếc - Ống dây vật liệu PP đường kính 22mm (người lớn), 15mm(trẻ em). Chiều dài co giãn 160cm, chiều dài gấp lại 68cm: 02 đoạn - Ống limb (ống nối) đường kính 22mm (người lớn), 15mm(trẻ em) chiều dài 100cm: 01 chiếc - Co nối thẳng (22F-22M): 06 chiếc - Co nối thẳng (22M-22M/15F): 01 chiếc Chất lượng ISO, FDA	Bộ	600	
VT98	Bộ gây tê ngoài màng cứng	- Kim đầu cong Tuohy 18G x 8cm OD 1.3mm, ID 1.0mm có cánh lớn (1.4cm x 4cm) có thể tháo rời, thân có vạch chia. - Catheter PEBA (Polyether Block Amide), OD 0.9mm x L 915mm, có vạch đánh dấu chiều dài, mặt bên có 3 lỗ bơm thuốc - Đầu nối dạng phẳng, chốt đóng mở nằm bên trong đầu nối, giảm nguy cơ rò rỉ - Bơm tiêm giảm kháng lực LOR 10ml, không latex - Lọc 0.2 μm , sử dụng 96 giờ - Co nhựa định hướng (dụng cụ kết nối dẫn đường catheter vào kim) * Tiệt trùng EO, không latex. * Tiêu chuẩn ISO hoặc chứng nhận hợp chuẩn Châu Âu.	Bộ	100	
VT99	Dụng cụ cố định nội khí quản có chống cắn	Sản phẩm bao gồm các thành phần sau : -Hai miếng dán cố định hai bên má bệnh nhân. -Băng cố định vùng gáy. -Phần cố định nội khí quản, có thể di chuyển được. Có bộ phận chống cắn ống nội khí quản - Tiêu chuẩn kỹ thuật: ISO, FDA	Cái	300	

Stt	Danh mục vật tư y tế	Thông số kỹ thuật (tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
VT100	Bộ hút đàm kín	Bộ hút đàm kín sử dụng 72h với van rửa tự động: * Đặc biệt có tới 2 van: 1 van chân không (Vacuum Valve) tự động súc rửa và 1 van một chiều * Catheter nguyên liệu không chứa DEHP, chịu được áp lực hút ≥ 55 kPa (412mmHg) trong một lần hút (15 giây) * Vỏ bọc polyurethane đảm bảo hệ thống kín * Có 1 ống nối nội khí quản * Mã hóa màu theo các cỡ: 5/6/8/10/12/14/16 FG, OD = 1.7/2.2.7/3.3/4.0/4.7/5.3 mm, chiều dài 30/45/45/45/55/55/55cm * Có ít nhất 1 CFS của quốc gia thuộc nhóm G7	Bộ	200	
VT101	Bộ lọc vi khuẩn 3 chức năng	Phin lọc vi khuẩn/vi rút và HME. - Bộ lọc sợi tinh điện, màng lọc xốp mịn (foam), hiệu quả lọc cao 99.999% (kích thước hạt <2micron) - Co nối 22F15M, 22M15F - Trọng lượng 28g - Thể tích dòng khí đi qua 120-1200ml - Khoảng chết 32ml - Trở kháng 30 L/phút: 1.4cmH ₂ O. - Độ ẩm đầu ra tại VT 500ml: 32mg/l H ₂ O - Vật liệu: vỏ ngoài Styrene / PP, màng lọc PP/PU foam - Tiêu chuẩn ISO, chứng nhận hợp chuẩn Châu Âu - DEHP Free - Xuất xứ: nhóm nước G7	Cái	6.600	
VT102	Bộ rửa kênh ống soi	tương thích các dòng dây soi tiêu hóa hãng OLYMPUS chức năng hỗ trợ vệ sinh tiết trùng dây nội soi.	Cái	3	
VT103	Bộ thắt tĩnh mạch thực quản có kênh bơm rửa van 1 chiều	- Bộ thắt tĩnh mạch thực quản bao gồm tay cầm, dây kéo, đầu bơm, đầu thắt gồm 7 vòng thắt bằng chất liệu tương thích sinh học được lắp sẵn. - Cấu trúc 2 sợi kéo. - Chiều dài 150cm. - Tương thích với tất cả ống soi có đường kính ngoài 8.6 - 13mm.	Bộ	10	
VT104	Bóng lấy sỏi 3 khoang dùng một lần	Bóng kéo sỏi với 3 kênh riêng biệt, đường kính bóng 8.5/ 11.5/ 15 mm, chiều dài làm việc 1900 mm, tương thích kênh dụng cụ tối thiểu 2.8 mm. Vị trí bơm: trên hoặc dưới Vị trí của dây dẫn hướng: dây dẫn xuyên suốt vỏ bóng	Cái	2	
VT105	Bóng nóng cơ vòng, ống thông bóng nóng (Bóng nóng thực quản, dạ dày, đại tràng)	Dùng nóng thực quản. Chiều dài bóng 5.5cm. Đường kính bóng bơm theo 3 cấp độ 13.5 - 14.5 - 15.5 hoặc 16.0 - 17.0 - 18.0 mm tương thích với 2.5-4.0-6.0 ATM hoặc 2.5-4.0-5.5 ATM. Đường kính kênh làm việc tối thiểu 2.8 mm dài 240cm. Có guidewire 0.035 inch.	Cái	2	
VT106	Bóp bóng giúp thở các cỡ	Bộ bóp bóng giúp thở Silicone hấp tiết trùng ở 121 độ C dùng nhiều lần (40 lần) có van peep các cỡ người lớn, trẻ em, sơ sinh bao gồm: 1. Bóng bóp Silicone thể tích: 1500ml/450ml/280ml 3. Van peep vật liệu PC, silicone 4. Mask silicone 5. Túi chứa oxy vật liệu silicone thể tích: 2000ml/1000ml/500ml 6. Dây oxy vật liệu PVC 2m - Trở kháng hít vào/ thở ra ≤ 5 cm cmH ₂ O - Van POP-OFF giải phóng khí khi áp suất ≤ 60 cmH ₂ O (người lớn), - Khoảng chết <6ml - Thể tích cung cấp mong đợi lên đến 675ml (người lớn), 300ml (trẻ em), 125ml (sơ sinh) - Tốc độ dòng oxy 2l/phút-15l/phút, phần trăm oxy vận chuyển từ 50%-99%(người lớn) * Có kèm nắp đậy kín * Tiêu chuẩn: ISO	Cái	50	
VT107	Bóp bóng giúp thở các cỡ sử dụng cho máy gây mê	Bóp bóng giúp thở các cỡ sử dụng cho máy gây mê bệnh viện hiện có: blease Focus; Savina (Dräger); Carestation 620 (GE)	Cái	30	

Stt	Danh mục vật tư y tế	Thông số kỹ thuật (tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
VT108	Buồng tiêm đặt dưới da	<p>1. Chất liệu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Buồng tiêm làm bằng titanium. - Catheter làm bằng silicone <p>2. Thông số kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đường kính nền ≥ 30mm. - Chiều cao ≥ 11.3mm. - Thể tích trong $t \geq 0.6$ml. - Tốc độ truyền tối đa 5ml/giây. - Catheter cỡ 8F <p>3. Đặc tính, tính năng kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Buồng tiêm cố định đặt lâu dài dưới da. - Cho phép truyền được chất cản quang, cản từ trực tiếp. - Catheter đầu đóng có van 3 chiều ngăn máu chảy vào gây tắc nghẽn, 90 ngày súc rửa một lần và không cần súc rửa bằng Heparin. - Chụp được dưới CT và MRI. <p>4. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, FDA</p>	Cái	100	
VT109	Cán dao các cỡ	Cán dao mổ số 3 (dài 125mm $\pm 5\%$), 4 (dài 125mm $\pm 5\%$), 7 (dài 160mm $\pm 5\%$) tương ứng có thể dùng với các lưỡi dao số 15, 11, 10, 18, 20; bằng thép không rỉ.	Cái	100	
VT110	Dao mổ các số	<p>Chất liệu: thép carbon</p> <p>Độ dày : 0.394 mm</p> <p>Lưỡi dao sắc, mỗi lưỡi dao được đóng gói trong lớp giấy bạc .</p> <p>Đóng gói tiệt trùng từng cái bằng tia gamma .</p> <p>Quy cách đóng gói : 100 cái / gói</p> <p>Tiêu chuẩn chất lượng : ISO , MDR</p>	Cái	12.000	
VT111	Bộ Catheter tĩnh mạch trung tâm từ ngoại vi	<p>Bộ Catheter tĩnh mạch ngoại biên 2 nòng 5F dài 55cm với:</p> <ul style="list-style-type: none"> * Nguyên liệu Polyurethan chịu áp lực cao (dòng truyền 5ml/s, thể tích mỗi <0.08ml, thiết kế tăng hiển thị dưới cản quang với các hàng lỗ khắc trên thân ống và các vạch đánh dấu, thân ống thiết kế kiểu thuôn dần (Tapper) giúp luôn dễ dàng. * Phụ kiện đặc biệt: có dây dẫn 70cm được mạ vàng, trong catheter có 1 cây định dạng (stylet) giúp tăng độ cứng và hỗ trợ luôn catheter * Các phụ kiện khác: bơm tiêm, băng dán, dao mổ, thước đo, dụng cụ cắt catheter, cánh để khâu cố định catheter (mỗi thứ 1 cái). * Tiêu chuẩn ISO 	Bộ	10	
VT112	Catheter động mạch các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> * Catheter động mạch 4 trong 1 với đa dạng kích cỡ: 18Ga dài 8cm/12cm, 20Ga dài 4.5cm/8cm (đặc biệt cỡ 20Ga x 4.5cm thích hợp đặt đường quay). * Bộ catheter 20Ga thiết kế có sleeve (ống đỡ) ở đầu ra catheter giúp chống gãy gấp khi lưu lâu và đóng gói dây dẫn nằm sẵn trong catheter . Bộ 18Ga đóng gói có thêm 1 khóa 3 ngã có dây giúp kết nối dễ dàng, tiện lợi. * Tốc độ dòng 18Ga x 8cm (66.2ml/phút); 18Ga x 12cm (53.3ml/phút) hoặc 20Ga x 4.5cm (23ml/phút), 20Ga x 8cm (18ml/phút) * Đóng gói đầy đủ phụ kiện + Guide wire đầu J 0.035" x 50cm hoặc thẳng 0.021" x 20cm + Kim dẫn thẳng 18Ga x 7cm hoặc 20Ga x 4cm + Bơm tiêm 5cc hoặc 2.5cc + Khóa 3 ngã và dao mổ (cho bộ kích cỡ catheter 18Ga) * Đạt chứng nhận hợp chuẩn châu Âu 	Bộ	120	
VT113	Catheter lấy huyết khối silicone các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> - Catheter loại bỏ máu đông trong quá trình thuyên tắc động mạch - Thành phần không chứa latex. - 100% silicone, bóng không bị phân mảnh, tích hợp stylet linh hoạt, đầu mềm, cản quang - Kích cỡ: 2F, 3F, 4F, 5F, 6F, 7F dài 40/60/80/100cm. - Thể tích bơm chất lỏng tối đa 0.05cc, 0.10cc, 0.50cc, 0.75cc, 1.25cc, 2.00cc. - Đường kính bóng khi bơm: 4mm, 5mm, 9mm, 11mm, 13mm, 14mm. - Có bơm tiêm đi kèm. - Tiệt trùng bằng EO. * Tiêu chuẩn ISO 13485 	Cái	50	

Stt	Danh mục vật tư y tế	Thông số kỹ thuật (tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
VT114	Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 nòng, các số	Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 đường - Chất liệu: Polyurethan - Kích cỡ: 4Fr, 5Fr, 7Fr, chiều dài: 08, 13, 16, 20, 30cm (5Frx20cm với tốc độ dòng chảy 34.7ml/min tại đoạn xa và 11.6ml/min tại đoạn gần, 7Frx20cm với tốc độ dòng chảy 108.6ml/min tại đoạn xa và 31.5 ml/min tại đoạn gần). - Thân ống thông có vạch đánh dấu độ dài, có đường cân quang ngầm trên vách giúp dễ phát hiện bằng tia X. - Dây dẫn bằng kim loại không gỉ tránh làm tổn thương thành mạch. - Ống thông tĩnh mạch trung tâm x 1, Kẹp+Dây buộc x 1, Thanh dẫn dây lò xo x 1, Dụng cụ nong mô x1, Dao mổ x1, Ống tiêm dây lò xo Raulerson x 1 (hoặc ống tiêm x1 và kim co Y với van x 1).	Bộ	50	
VT115	Catheter tĩnh mạch trung tâm ba nòng, các số	Catheter tĩnh mạch trung tâm 3 đường. - Chất liệu: Polyurethan - Kích cỡ: 5.5Fr, 7Fr, chiều dài: 08, 13, 16, 20, 30cm (7Frx30cm có tốc độ dòng chảy là 38.4ml/min tại đoạn xa, 18.6ml/min tại đoạn gần và 17.1ml/min tại đoạn giữa) - Thân ống thông có vạch đánh dấu độ dài, có đường cân quang ngầm trên vách giúp dễ phát hiện bằng tia X. - Dây dẫn bằng kim loại không gỉ tránh làm tổn thương thành mạch. - Ống thông tĩnh mạch trung tâm x 1, Kẹp+Dây buộc x 1, Thanh dẫn dây lò xo x 1, Dụng cụ nong mô x1, Dao mổ x1, Ống tiêm dây lò xo Raulerson x 1 (hoặc ống tiêm x1 và kim co Y với van x 1).	Hộp 10 bộ	300	
VT116	Cây đặt nội khí quản khó	* Cây dẫn đường đặt nội khí quản khó Bougie đầu cong nhẹ (Coudé angled tip) * Bọc nhựa Polymer tổng hợp * Có các vạch chia đánh dấu rõ ràng trên thân ống * Kích cỡ: 15Fr/5.0mm. Chiều dài 700m. Dùng cho ống nội khí quản 6.0-11.0 * Tiệt khuẩn EO, không latex. Sử dụng 1 lần	Cái	30	
VT117	Cây thông nòng đặt nội khí quản	Thanh dẫn đường đặt nội khí quản (stylet), bằng nhôm bọc PVC, dễ dàng thích ứng với hình dạng khác nhau của đường thở Kích cỡ: 6Fr/10Fr/14Fr. + Chiều dài ống ngoài các cỡ: 305-425mm + Đường kính ngoài các cỡ: 1.9- 4.7mm + Đường kính trong các cỡ: 1.2 -3.3mm, + Chiều dài ống nhôm các cỡ: 300 -420mm + Đường kính ống nhôm các cỡ 1.1 - 3.2mm Đóng gói tiệt trùng ETO	Cái	50	
VT118	Co nối chữ T dùng để cai máy thở	- Chất liệu: ống PVC, đầu nối PP - Cổng hút đàm 7,6mm có nắp, không cản ngắt kết nối với nguồn oxy - Có sẵn các lựa chọn van venturi loại: 28%, 35%, 40% hoặc 60% - Dây oxy 2m - Co T có kích thước 22mm M / 15mm F dùng để cung cấp oxy cho bệnh nhân sau phẫu thuật, cung cấp oxy trong lúc chuyển bệnh, hỗ trợ bệnh nhân thở trước khi tháo ống nội khí quản. - Đầu nối 15mm phù hợp với tất cả các ống nội khí quản - Tốc độ dòng có thể điều chỉnh 200cc/giây - 1200cc/ giây - Tiệt trùng bằng EO - Không DEHP, không Latex	Cái	200	
VT119	Cồn 70 độ	- Thành phần: Ethanol 70%, nước tinh khiết. Trong suốt không màu, có mùi đặc trưng. - Công dụng: dùng để khử khuẩn da, trang thiết bị y tế trước khi: Thủ thuật, phẫu thuật, tiêm chích, châm cứu, đặt ống thông, kim lườn, lấy máu thử, tiêm vắc xin. - Có giấy phép lưu hành. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016, ISO 9001:2015	Lít	2.500	
VT120	Cồn 96 độ	Cồn 96 độ	Lít	200	

Stt	Danh mục vật tư y tế	Thông số kỹ thuật (tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
VT121	Dây garo có khóa nhựa	Dùng trong lấy máu. Màu sắc: Đỏ, xanh	Cái	40	
VT122	Khăn lau khử khuẩn bề mặt	- Khăn lau diệt khuẩn bề mặt không cồn, vải không dệt: 20% Viscose + 80% Polyester. - Khăn lau chứa hoạt chất Benzalkonium Chloride 0.24%, 1,3-Propanediamine, N-(3-aminopropyl)-N-dodecyl 0.081% - Thành phần phụ gia: Nước tinh khiết, Phenoxyethanol, Propylene Glycol, ... - Kích thước khăn lớn: 200mm x 200mm, độ dày 50gsm - Đóng gói: 100 khăn/ túi, trên túi có chỗ ghi ngày tháng mở nắp - Hiệu quả diệt khuẩn trong vòng 1 phút với các loại virus, vi khuẩn: Khuẩn E.coli, Enterococcus, nấm Candida albicans, tụ cầu vàng (Staphylococcus aureus), trực khuẩn mù xanh (Pseudomonas aeruginosa), Virus bệnh đậu mùa, SARS-COV-2, H1N1, diệt khuẩn Mycobacterium terrae trong 2 phút... - Đạt tiêu chuẩn ISO, CE	Gói	400	
VT123	Tấm điện cực trung tính sử dụng cho máy đốt điện đơn cực, lưỡng cực	Tấm điện cực trung tính sử dụng cho máy đốt điện đơn cực, lưỡng cực	Cái	2.500	
VT124	Bộ dây nối, tấm điện cực trung tính				
VT124.1	Dây nối tấm điện cực trung tính	- Chuẩn kết nối thiết bị: 2 pin, chuẩn quốc tế - Chiều dài cáp $\geq 4.5m$ - Độ rộng bản cực 25 mm (chuẩn phổ thông) - Hấp được nhiệt độ cao ≥ 134 độ C hoặc tương đương - Chịu được điện áp cao $\geq 500Vp$ - Chu trình tái sử dụng: ≥ 200 lần - Bảo vệ chống gãy gấp - Tương thích với tấm điện cực trung tính dùng 1 lần. Tương thích với máy BOWA bệnh viện hiện có	Cái	5	
VT124.2	Tấm điện cực trung tính	-Sử dụng cho bệnh nhân $\geq 5kg$ -Hình oval -Diện tích bản cực $\geq 110cm^2$ -Có vòng bảo vệ an toàn điện đối xứng tối ưu và đảm bảo giám sát chất lượng tiếp xúc toàn diện/ đa hướng -Lớp Hydrogel mỏng tản nhiệt nhanh, không tích tụ nhiệt hoặc tương đương -Chống thấm chất lỏng -Thiết kế chịu lực cho dây cáp nối -Lớp đệm foam dán đàn hồi, tạo hình theo bề mặt giải phẫu. Tương thích với máy BOWA bệnh viện hiện có	Cái	1.500	
VT125	Bộ kẹp và dây cáp lưỡng cực dùng cho máy				
VT125.1	Kẹp lưỡng cực Bipolar phẫu thuật nội soi	Kẹp lưỡng cực Bipolar cực dùng cho máy lưỡng cực dùng trong phẫu thuật nội soi	Cái	5	
VT125.2	Dây cáp lưỡng cực Bipolar dành cho kẹp lưỡng cực dùng trong phẫu thuật nội soi	Dây cáp lưỡng cực Bipolar dành cho kẹp lưỡng cực dùng trong phẫu thuật nội soi	Cái	5	
VT126	Dao đốt điện 2 nút bấm sử dụng 1 lần	Dạng tay cầm, có 2 nút bấm, giác dẹt 3 chân tròn. Dây dài 3m. Thiết kế dạng thân lục giác chống trượt, tránh đầu điện cực bị quay khi sử dụng. Nút bấm mềm để kích hoạt. Tiệt trùng EO. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Cái	5.000	
VT127	Hũ bệnh phẩm các cỡ	Kích thước các cỡ Túi đựng bệnh phẩm	Cái	3.000	
VT128	Dây dẫn đường mắt	Dây dẫn đường (guide wire): dạng đầu thẳng, hỗ trợ đi vào những nhánh khó Chiều dài làm việc 4500mm và 2700 mm, có lớp phủ thấm nước (hydrophilic)	Cái	10	

Stt	Danh mục vật tư y tế	Thông số kỹ thuật (tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
VT129	Dây dẫn đường niệu quản các cỡ	- Kích cỡ: 0.032", 0.035", 0.038" - Chiều dài : ≤150cm - Chất liệu: lõi nitinol chống xoắn, phủ lớp Hydrophilic - Thiết kế linh hoạt đầu thẳng và mềm - Hạn sử dụng: 60 tháng - Đóng gói đơn chiếc, tiệt trùng bằng Ethylene Oxide (EO) Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 và Châu Âu (CE) Được lưu hành tại hai nước tham chiếu trở lên	Cái	50	
VT130	Dây hút đàm, nhớt (Ống hút dịch) các cỡ	Dây hút đàm không chứa DEHP, chịu được áp lực hút ≥412mmHg (55kPa) trong một lần hút (15 giây) -Co nối có van kiểm soát, mã hóa màu theo kích cỡ. -8 kích cỡ: 5-6-8-10-12-14-16-18 FG, dài 50cm, có thêm 2 lỗ hút (1.5-6.0mm) ở mặt bên -Có ít nhất 1 CFS của quốc gia thuộc nhóm G7	Cái	25.000	
VT131	Dây hút dịch phẫu thuật	Kích thước: dài 2m. Đường kính ống Ø8mm (± 10%), chất liệu nhựa PVC trắng trong nguyên chất, có hai đầu nối màu xanh, kích thước 38mm (± 5%) - Đóng gói bằng túi đóng gói tiệt trùng (2 lớp túi) -Tiệt trùng bằng khí EO. - Tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	5.000	
VT132	Dây nối bơm tiêm điện các cỡ	Dây nối bơm tiêm điện: * Chiều dài các cỡ: 30cm, 75cm, 140cm, 150cm. * Đường kính dây: 0.9 x 1.9mm * Luer khóa dạng xoay * Có kẹp chặn (dạng trượt) * Van 1 cánh * Tiệt trùng EO Tiêu chuẩn ISO 13485	Sợi	7.000	
VT133	Dây oxy 1 nhánh	Dây thở oxy một nhánh các cỡ dành cho người lớn/trẻ em/trẻ sơ sinh 1 tháng tuổi trở lên/ trẻ sơ sinh dưới 1 tháng tuổi, ngạnh thẳng, mềm dẻo.	Sợi	200	
VT134	Dây oxy 2 nhánh các cỡ	Dây thở oxy hai nhánh các cỡ dành cho người lớn/trẻ em/trẻ sơ sinh 1 tháng tuổi trở lên/ trẻ sơ sinh dưới 1 tháng tuổi, ngạnh cong/ngạnh thẳng, mềm dẻo. - Màu trong suốt - Dài ≥ 2 m cho đoạn dây chính + 50cm cho đoạn dây vòng đầu. - Đường kính ngoài ống oxy: Ø5 +0.3/-0.1mm - Cấu trúc lòng ống oxy và vòng đeo tai hình sao - Lưu lượng khí: 0 - 6L/phút. - Kết nối ngạnh mũi và vòng đeo chắc chắn, lực kéo lên đến 50 ± 1.5N - Dây PVC nguyên sinh, mềm dẻo, không chứa độc tố DEHP, thay bằng DEHT/DOTP an toàn.(có giấy test kiểm định chứng nhận) - Tiệt trùng bằng khí EO Tiêu chuẩn ISO 13485	Sợi	5.000	
VT135	Dây truyền máu	- Buồng nhỏ giọt hình trụ vật liệu PVC trong suốt, linh hoạt, tạo điều kiện cho việc tiếp cận trực quan và điều chỉnh nhanh chóng mức chất lỏng. - Kim chai Kẹp con lăn vật liệu Polypropylen, điều khiển lưu lượng chính xác để sử dụng liên tục trong suốt quá trình truyền mà không làm hỏng đường ống. - Ống dây dài 180cm (130cm + 50cm) mềm và chống gãy gấp cao được làm từ vật liệu PVC y tế không độc hại - Bộ lọc máu 200 micron vật liệu Nylon - Kim thép không gỉ 18G x 1 1/2" - Cổng Y tự bịt kín vật liệu ABS trong suốt, tiêm thuốc gián đoạn - Luer lock có màng lọc môi hydrophobic - Sản phẩm được khử trùng bằng khí EO (Ethylene Oxide). - Vô trùng, không độc hại, không Pyrogenic - Tiêu chuẩn ISO	Cái	3.000	

Stt	Danh mục vật tư y tế	Thông số kỹ thuật (tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
VT136	Dung dịch bôi trơn dụng cụ	Công dụng: Dùng để bôi trơn, bảo dưỡng dụng cụ Đặc điểm kỹ thuật: Tương thích với tiết khuẩn bằng hơi nước, an toàn về mặt độc tính Thành phần - Dầu trắng y tế: ≥ 30 - < 100 % theo khối lượng - Butane, Propane: ≥ 15 - < 50 % theo khối lượng - không chứa bất kỳ phụ gia có khả năng gây dị ứng. Tương thích vật liệu: - Phù hợp với tất cả các kim loại thường được sử dụng làm dụng cụ y tế	Chai	200	
VT137	Dung dịch làm sạch đa Enzyme	- Thành phần :Dung dịch tẩy rửa dụng cụ chứa 14% hỗn hợp 5 enzyme :Protease, Lipase, Amylase, Mannanase, Cellulase, tá dược và nước tinh khiết vừa đủ. - Công dụng: tẩy rửa làm sạch biofilm, chất bẩn, thủy phân máu, chứa hỗn hợp đa enzyme sử dụng để làm sạch dụng cụ phẫu thuật và dụng cụ nội soi bằng phương pháp thủ công hoặc tự động bằng máy rửa siêu âm/ máy rửa khử khuẩn. Có bảng đánh giá an toàn sản phẩm, tương thích với nhiều loại vật liệu, không gây ăn mòn kim loại. Dung dịch hiệu quả với mọi loại nước mềm hoặc nước chưa qua xử lý. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Can	250	
VT138	Dung dịch phun khử trùng bề mặt bằng đường không khí	- Thành phần: Hydrogen Peroxide 5%(w/w), phức hợp 50ppm(w/w) muối bạc, nước tinh khiết. Kết hợp với máy phun sương khô siêu hạt 99SMP, mức tiêu thụ dung dịch 2-4ml/1m ³ không khí - Công dụng: phun khử khuẩn bề mặt thông qua đường không khí dùng trong gia dụng và y tế - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016, ISO 9001:2015	Can	300	
VT139	Dung dịch rửa tay phẫu thuật Chlorhexidine 2%	- Thành phần : Chlorhexidine gluconate 2% (kl/tt), Cetearch-60 Miristyl glycol 1%, Isopropyl Alcohol 1%, Glycerol monostearate 1%, Hydroxyethyl cellulose 1%, Lauramine oxide 0,5%, hương liệu, nước tinh khiết vừa đủ. - Công dụng: Dung dịch sát khuẩn tay dùng trong gia dụng và y tế, dùng để sát khuẩn tay trước khi phẫu thuật, thủ thuật, tầm bệnh nhân trước mổ. - Có giấy phép lưu hành do cục quản lý môi trường bộ y tế cấp - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016, ISO 9001:2015	Chai	1.000	
VT140	Dung dịch rửa tay phẫu thuật Chlorhexidine 4%	- Thành phần : Chlorhexidine gluconate 4%(kl/tt), Cetearch-60 Miristyl glycol 2%, Isopropyl Alcohol 2%, Glycerol monostearate 2%, Hydroxyethyl cellulose 2%, Lauramine oxide 1%, hương liệu, nước tinh khiết vừa đủ. - Công dụng: Dung dịch sát khuẩn tay dùng trong gia dụng và y tế, rửa tay thường quy, rửa tay phẫu thuật, tầm sát khuẩn bệnh nhân trước phẫu thuật. - Có giấy phép lưu hành do cục quản lý môi trường bộ y tế cấp. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001:2015, ISO 13485:2016	Chai	1.500	
VT141	Dung dịch sát khuẩn tay nhanh	- Thành phần : Chlorhexidine Gluconate 0,5%, Ethanol 70%, Glycerol monostearate 1%, Hydroxyethyl cellulose 1%, Vitamin E 1%, Triethanollamine 2,5%, hương liệu, Nước tinh khiết vừa đủ. - Công dụng: dùng để sát khuẩn tay trước khi thăm khám, trước phẫu thuật hoặc làm thủ thuật. - Có giấy phép lưu hành do cục quản lý môi trường bộ y tế cấp - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016, ISO 9001:2015	Chai	2.000	

Stt	Danh mục vật tư y tế	Thông số kỹ thuật (tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
VT142	Găng tay khám cao su y tế có bột, các cỡ	<p>Được sản xuất từ cao su thiên nhiên chất lượng cao (đã ly tâm loại trừ các yếu tố tạp chất, độc tố, tác nhân gây dị ứng...), có phủ bột chống dính, thấm thấu được, không gây kích ứng da tay.</p> <p>Chưa tiết trùng. Không phân biệt tay trái và tay phải, thuận cả 2 tay, bền, không rách, không lủng, có viền mép, bề mặt nhám hoặc nhẵn, ôm sát lòng bàn tay, dễ thao tác khi sử dụng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chiều dài (min): 240 mm. - Chiều dày 1 lớp (min): 0.10mm - Chiều rộng: size XS: 70±10mm; size S: 80±10mm; size M: 95±10mm; size L: 111±10mm; size XL: ≥ 110 mm. - Cường lực kéo đứt: trước già hóa ≥ 7N; sau già hóa ≥ 6N. - Độ đàn hồi: trước già hóa ≥ 650%, sau già hóa ≥ 500%. - Hàm lượng Protein: ≤ 200µg/dm² - Lượng bột: ≤ 10mg/dm² - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485; CE hoặc CFS 	Đôi	500.000	
VT143	Găng tay y tế không bột, các cỡ	<p>Găng tay sạch không bột, các cỡ</p> <p>Chất liệu: 100% nitrile (Acrylonitrile -- butadiene), phủ Polymer hoặc chlorine để làm trơn.</p> <p>Găng tay có các ngón thẳng, phù hợp với hình dáng bàn tay của người sử dụng, bề mặt nhám.</p> <p>Chiều dài găng tay: tối thiểu 240 mm</p> <p>Độ rộng: 85 - 115mm</p> <p>Kích cỡ: XS, S, M, L.</p>	Đôi	100.000	
VT144	Găng tay phẫu thuật tiết trùng, các cỡ	<p>Sản xuất theo tiêu chuẩn: ISO 10282-2014 và TCVN 6344. Găng tay được sản xuất từ cao su thiên nhiên chất lượng cao (đã ly tâm loại trừ các yếu tố tạp chất, độc tố, tác nhân gây dị ứng...), có phủ bột ngô biến tính chống dính, thấm thấu được (Theo Dược điển Mỹ), không bị dị ứng khi sử dụng. Sản phẩm được sản xuất theo công nghệ chất lượng cao. Tiết trùng bằng khí EO, tiết trùng từng đôi một. Găng có tay phải tay trái riêng biệt, bền, không rách, không lủng, có viền mép, bề mặt nhám hoặc nhẵn, ôm sát lòng bàn tay, dễ thao tác khi sử dụng. Găng có khả năng chống sự rò rỉ điện đối với các thiết bị hỗ trợ mổ cao tần.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chiều dài (min): 280 mm. - Chiều dày 1 lớp: 0,15±0,03 mm. - Chiều rộng: số 6.5: 83±5mm; số 7.0: 89±5mm; số 7.5: 95±5mm; số 8.0: 102±6mm. - Cường lực kéo đứt: trước già hóa ≥ 14N; sau già hóa ≥ 12.5N. - Độ đàn hồi: trước già hóa ≥ 700%, sau già hóa ≥ 550%. - Hàm lượng Protein: ≤ 200µg/dm² - Lượng bột: ≤ 15mg/dm² - Mức độ nhiễm tĩnh điện: <100 V - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001:2015; ISO 13485:2016; CE; CFS - Có phiếu kiểm tra chất lượng sản phẩm do Trung tâm đo lường chất lượng III kiểm nghiệm. Có giấy CFS. 	Đôi	100.000	
VT145	Gel siêu âm dùng trong y tế	<p>Sản xuất từ: Nước, Propylene glycol, Hydroxyl ethyl cellulose, glycerin, sodium benzoate ...</p> <p>-Gel siêu âm giúp tạo môi trường thu nhận tín hiệu siêu âm, được dùng trong siêu âm, chẩn đoán hình ảnh y khoa. Gel không có tính chất ăn mòn, không gây hồng đầu đỏ và không gây dị ứng da. Chỉ sử dụng bên ngoài.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Màu sắc: Không màu hoặc màu xanh. - Độ pH: 6,5 ± 1 - Tan hoàn toàn trong nước, không gây ngứa, không gây rát da, dễ rửa bằng nước sạch. - Không mùi, không chứa chất ăn mòn, không chứa muối. - Giới hạn nhiễm khuẩn: + Không có formaldehyde; vô khuẩn; không phát hiện vi khuẩn Staphylococcus và vi khuẩn Pseudomonas aeruginosa. + Tổng số vi khuẩn hiếu khí ≤ 10 CFU/g. + Tổng số nấm ≤ 10 CFU/g 	Lít	400	

Stt	Danh mục vật tư y tế	Thông số kỹ thuật (tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
VT146	Giấy điện tim 6 cân (110mm x 140mm), có sọc	Giấy Có sọc Kích thước: 110mm x 140mm x 200 tờ	Xấp	2.000	
VT147	Giấy đo điện tim	Sử dụng được cho máy điện tim 6 cân Kenz Cardico 601 của Bệnh viện	Cuộn	10	
VT148	Giấy monitor sản khoa	Loại giấy dùng trong sản khoa	Xấp	30	
VT149	Giấy y tế khô 40*25cm	Công dụng: - Làm giấy lót cho trẻ em - Làm giấy thấm lót cho sản phụ - Dùng giấy lau trong siêu âm ở các phòng siêu âm - Dùng làm khăn choàng trong nha khoa Kích thước: - Giấy y tế lớn 40x25cm	Kg	500	
VT150	Kẹp rốn trẻ sơ sinh	- Chất liệu: nhựa PP nguyên sinh. - Các khớp răng đều, thẳng hàng; các góc cạnh không sắc nhọn, độ trơn láng cao. - Tiệt trùng bằng khí E.O, không độc hại, không gây kích ứng.	Cái	300	
VT151	Mô vịt nhựa sử dụng 1 lần		Cái	2.000	
VT152	Vòng tránh thai	Bằng nhựa polyethylene kết hợp với một ít dây đồng quấn quanh thân của vòng tránh thai.	Cái	300	
VT153	Khẩu trang than hoạt tính	•Gồm 4 lớp: + Lớp 1 (màng ngoài): Vải không dệt 100% Polypropylene, định lượng: 30g/m ² ± 1. + Lớp 2: lớp than hoạt tính. Bề mặt than bám chặt, phân bố đều, trơn, định lượng: 30g/m ² ± 1. Nhận danh thành phần chính: polyethylene terephthalate và than hoạt tính. + Lớp 3: Lớp vi lọc thấu khí không thấm nước có hiệu suất lọc BFE > 99% + Lớp 4 (Màng trong tiếp xúc da mặt): Vải không dệt 100% Polypropylene, không thấm nước, định lượng: 30g/m ² ± 1. - Dây đeo: là dây thun dạng dẹp (14 – 16 kim) - Thanh nẹp mũi bằng nhựa PE: bề rộng 2,5 - 2,7mm, bề dày: 0,45mm – 1mm - Đóng gói: 50 cái/hộp - Tiêu chuẩn: ISO 13485	Cái	31.000	
VT154	Khẩu trang y tế 3 lớp	Thành phần của khẩu trang gồm: - Gồm 3 lớp: 2 lớp ngoài bằng vải không dệt – Spunbond (mặt ngoài và mặt trong tiếp xúc da); Là vải không dệt không thấm nước: thành phần là 100% Polypropylen (hoặc hợp chất tương tự); - 1 lớp giữa là lớp vi lọc thấu khí: màng vi lọc ngăn chống vi khuẩn, nấm, virus và lọc các loại các hạt bụi loại nguy hiểm có hại. Trên khẩu trang có các nếp gấp. - Dây đeo: là dây thun mềm dạng dẹp - Thanh nẹp mũi bằng nhựa PE (hoặc PP): - Lớp lọc cao cấp, đạt hiệu suất lọc khuẩn BFE ≥ 98% - Hiệu suất lọc bụi PFE ≥ 98% đạt cấp độ 3 - Trở lực hô hấp không lớn hơn 9 mmH ₂ O. - Chì (Pb) ≤ 1.0 mg/kg sản phẩm - Thủy ngân (Hg) ≤ 0.12 mg/ kg sản phẩm - Antimon (Sb) ≤ 0.1 mg/kg sản phẩm - Cadiun (Cd) ≤ 0.1 mg/ kg sản phẩm - Đóng gói: 50 cái/hộp - Tiêu chuẩn: ISO 13485	Cái	400.000	
VT155	Khẩu trang y tế tiệt trùng	Chất liệu: Vải không dệt Poly Propylene PP. - Thanh tựa mũi giúp khẩu trang đúng vị trí và tạo độ kín. - Thiết kế 3 lớp, ôm sát mũi miệng. - Tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide.	Cái	15.000	

Stt	Danh mục vật tư y tế	Thông số kỹ thuật (tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
VT156	Khóa 3 chắc có dây, các loại	Khóa 3 ngã kèm dây * Van 3 cánh xoay dễ dàng * Luer khóa cố định * Đường kính dây: 3.0 x 4.1mm * Dây dài 10cm, 25cm, 50cm, 75cm, 100 cm * Tiệt trùng EO. Tiêu chuẩn ISO 9001:2015, ISO 13485:2016, ISO 14001:2015. Sản phẩm được sản xuất tại Việt Nam	Cái	25.000	
VT157	Khóa 3 chắc không dây, các loại	Khóa 3 ngã không dây * Van 3 cánh xoay dễ dàng * Luer khóa dạng xoay * Tiệt trùng EO Tiêu chuẩn ISO 9001:2015, ISO 13485:2016, ISO 14001:2015. Sản phẩm được sản xuất tại Việt Nam	Cái	3.000	
VT158	Kim bướm các cỡ	Kim 2 Cánh Bướm 23G kim làm bằng chất liệu crom và niken trắng silicol, sản phẩm tiệt trùng bằng khí EO bao bì có miếng giấy thoát khí 2x2 cm, dây nối có đường kính trong 1.13mm đường kính ngoài 2.62 mm dây nối cường lực không thay đổi tính chất vật lý và hóa học khi nhiệt độ môi trường thay đổi. Tiêu chuẩn : ISO 13485:2016, ISO 9001:2015	Cái	3.000	
VT159	Kim Châm cứu các cỡ	Kim châm cứu dùng cho điều trị trong Châm cứu - Đường kính: 0.16-0.45mm - Chiều dài: ≥ 13 - Kim châm cứu vô trùng dùng 1 lần, được khử trùng - Đầu kim được mài sắc, đánh bóng sắc nét, không có vết nhám - Đầu kim không có bất kỳ đoạn móc hoặc uốn cong nào sau khi tác động mức áp lực và lực châm theo tiêu chuẩn. - Áp lực chịu tác động của kim: ≥ 0.4N - Lực châm: ≥ 0.7N - Độ cứng của thân kim ≥ 480 - Thân kim được cuộn chặt quanh 1 trục gá + Kim vi nhôm	Cây	790.000	
VT160	Kim chích cầm máu đại tràng	Dùng chích cầm máu, chích xơ qua nội soi. Kim đầu kim loại dài ≥ 4mm, đầu vát. Đường kính dây ≥ 2.3mm, dài 2300mm. (± 5%)	Cái	20	
VT161	Kim chọc dò, gây tê tủy sống	Mũi kim dạng Quincke cải tiến giảm thiểu tối đa tổn thương. Hub trong suốt và được thiết kế đặc biệt giúp nhận biết ngay lập tức dịch não tủy thoát ra. Tay cầm nhiều rãnh gân chống trượt. Thành kim mỏng hơn 30% thông thường giúp giảm thời gian làm thủ thuật, tránh biến chứng rò dịch não tủy. Chiều dài kim 90mm; các số từ 18->25G.	Cái	1.500	
VT162	Kim gây tê đám rối thần kinh	Kim gây tê đám rối thần kinh - Vật liệu thân kim: thép không gỉ - Vật liệu dây kết nối: ABS, kết nối mạ thiếc - Lớp phủ polymer NanoLine siêu mỏng, bề mặt trơn mịn - Điểm đánh dấu độ sâu trên kim cách nhau 10mm - Đầu kim phân âm: với 2 góc nghiêng trên đầu kim hỗ trợ hiển thị đầu kim rõ dưới siêu âm - Có dây bơm thuốc, dây kết nối máy kích thích thần kinh. Chuôi kim (Hub) tiêu chuẩn ISO 80369-7 Luer - Kích cỡ 21G x 100mm, 20G x 120mm, 20G x 150mm, 22G x 50mm, 25G x 35mm - Đóng gói tiệt khuẩn EO. Sử dụng 1 lần. Không chứa latex, không chứa PHT Tiêu chuẩn ISO, chứng nhận hợp chuẩn Châu Âu. Xuất xứ: Tây Âu. Có ít nhất 1CFS thuộc G7	Cái	200	
VT163	Kim kẹp và clip Polymer kẹp mạch máu nội soi, các cỡ				
VT163.1	Kim kẹp clip Polymer kẹp mạch máu nội soi, các cỡ	Dụng cụ kẹp clip nội soi nùm xoay mã màu tương ứng theo từng cỡ clip, chất liệu thép không gỉ, là một khối, có công bơm rửa, đk 5-10mm, dài 330mm, sử dụng nhiều lần, hấp tiệt trùng nhiệt độ cao.	Cái	10	

Stt	Danh mục vật tư y tế	Thông số kỹ thuật (tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
VT163.2	Clip Polymer kẹp mạch máu, các cỡ đi cùng kim kẹp clip Polymer kẹp mạch máu nội soi	Clip kẹp mạch máu vĩnh viễn polymer các cỡ Có khoá an toàn với mũ chống trượt với chân bám 360 độ, gai dọc thân clip và cơ chế khoá đầu clip. Cơ chế gấp mở linh hoạt, kẹp được mạch máu ≥ 2 mm ≤ 16 mm. chất liệu Polymer, không hấp phụ, tương hợp sinh học cao, không bị ảnh hưởng bởi CT, MRI, chuẩn hóa màu theo từng cỡ clip.	Cái	10.000	
VT164	Bộ kim kẹp, clip titan kẹp mạch máu các cỡ				
VT164.1	Kim kẹp clip titan kẹp mạch máu size S, M	Kẹp clip titan mô hồ các cỡ gấp góc 25 độ, dài 200mm, hấp diệt trùng nhiệt độ cao.	Cái	10	
VT164.2	Clip titan kẹp mạch máu các cỡ đi cùng kim kẹp clip titan kẹp mạch máu	Clip kẹp mạch máu vĩnh viễn titan, kích thước 3,1x 4,2mm, lòng clip dạng diamond và đóng clip từ đầu tránh trượt	Cái	1.000	
VT164.3	Clip titan kẹp mạch máu các cỡ đi cùng kim kẹp clip titan kẹp mạch máu	Clip kẹp mạch máu vĩnh viễn titan, kích thước 3,1x 4,2mm, lòng clip dạng diamond và đóng clip từ đầu tránh trượt	Cái	2.000	
VT165	Bộ kim kẹp, clip titan kẹp mạch máu cỡ ML, L				
VT165.1	Kim kẹp clip titan kẹp mạch máu size ML, L	Dụng cụ kẹp clip nội soi núm xoay mã màu tương ứng theo từng cỡ clip. chất liệu thép không rỉ, là một khối, có công bơm rủa, dài 330mm, sử dụng nhiều lần, hấp diệt trùng nhiệt độ cao.	Cái	10	
VT165.2	Clip titan kẹp mạch máu các cỡ đi cùng kim kẹp clip titan kẹp mạch máu	Clip kẹp mạch máu vĩnh viễn titan, kích thước 3,1x 4,2mm, lòng clip dạng diamond và đóng clip từ đầu tránh trượt	Cái	1.000	
VT165.3	Clip titan kẹp mạch máu các cỡ đi cùng kim kẹp clip titan kẹp mạch máu	Clip kẹp mạch máu vĩnh viễn titan, kích thước 3,1x 4,2mm, lòng clip dạng diamond và đóng clip từ đầu tránh trượt	Cái	2.000	
VT166	Kim lấy thuốc, các số	Thành phần cấu tạo: - Kim: được làm bằng thép không gỉ mạ Crom hoặc Niken - Đầu kim vát 3 cạnh (độ vát mũi kim góc khoảng 12°), sắc nhọn, không gờ, có nắp chụp kim khít bảo vệ đầu kim tốt, thành kim mỏng, trơn láng - Thân kim nhẵn, tròn đều, có đủ độ cứng cơ khí, không bị cong vênh, không tạp chất bên trong, được phủ Silicone. - Đế (đốc) kim làm bằng nhựa PP (Polypropylen) y tế, có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. Kim số 18G -26G - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Tiêu chuẩn: ISO 13485: 2016; ISO 14001: 2015; ISO 9001: 2015	Cái	100.000	

Stt	Danh mục vật tư y tế	Thông số kỹ thuật (tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
VT167	Kim luồn tĩnh mạch ngoại biên, các số	<p>1. Chất liệu: - Cannula chất liệu PUR có 3 đường cân quan ngắm; đầu thon đôi; thân cannula có phủ dịch thuốc.</p> <p>- Kim 3 mặt vát được silic hóa, sắc, nhọn, chất liệu thép không gỉ;</p> <p>2. Thông số kỹ thuật:</p> <p>- Kim 16G dài 42mm, đường kính ngoài 1,60mm, tốc độ dòng chảy 135ml/phút</p> <p>- Kim 18G dài 40mm, đường kính ngoài 1,20mm, tốc độ dòng chảy 100ml/phút;</p> <p>- Kim 20G dài 32mm, đường kính ngoài 1,00mm, tốc độ dòng chảy 60ml/phút;</p> <p>- Kim 22G dài 25mm, đường kính ngoài 0,80mm, tốc độ dòng chảy 30ml/phút;</p> <p>- Kim 24G dài 19mm, đường kính ngoài 0,70mm, tốc độ dòng chảy 18ml/phút;</p> <p>3. Đặc tính, tính năng kỹ thuật: Kim luồn tĩnh mạch 16G, 18G, 20G, 22G, 24G.</p> <p>- 3 mặt vát, có cánh có công tiêm thuốc, đầu kim được silic hóa;</p> <p>- Thời gian lưu 72h</p> <p>- Tương thích với MRI;</p> <p>- Có mã màu giúp phân biệt các cỡ kim luồn;</p> <p>4. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485. CE.</p> <p>5. Sản phẩm được sản xuất tại Việt Nam.</p>	Cái	60.000	
VT168	Kim sinh thiết bán tự động có kim dẫn đường, các cỡ	<p>* Mục đích: Thiết bị sinh thiết bán tự động, sinh thiết mô mềm như Gan/Phôi/Tuyến tiền liệt.</p> <p>* Hệ thống bán tự động loại tru-cut với 2 độ xuyên sâu (10-20mm), trên thân ống có vạch chia độ sâu</p> <p>* Stylet: Thép không gỉ AISI304, được kết nối với hệ thống có rãnh để giữ mẫu vào trong, còi và đầu xuyên thấu.</p> <p>* Có kèm kim dẫn đường</p> <p>* Mã hóa màu theo các kích cỡ kim: 14G, 16G, 18G, 20G. Chiều dài 07-10-15-18-20-25cm</p> <p>* Tiệt trùng EO, không chứa latex</p> <p>* Tiêu chuẩn ISO 13485; chứng nhận hợp chuẩn Châu Âu.</p> <p>Xuất xứ: Châu Âu</p>	Cái	700	
VT169	Lọ hút đàm kín có dây, các số	<p>Lọ lấy mẫu đàm, vật liệu không chứa DEHP, chịu được áp lực hút $\geq 412\text{mmHg}$ (55kPa) trong 15 giây, gồm:</p> <p>- 1 dây hút dịch loại trẻ em 8FG, 10FG x 32cm, loại người lớn 12FG, 14FGx 55cm. Dây có 3 lỗ hút, (2 lỗ nằm ở mặt bên), để tối đa hóa lượng dịch được hút và giảm nguy cơ tắc nghẽn</p> <p>- 1 dây nối dài 47cm, đầu nối có van nhân, để kết nối với máy hút</p> <p>- 1 lọ đựng 25ml có vạch chia thể tích, 1 nắp dây để đóng và bảo quản mẫu</p> <p>- Có ít nhất 1 CFS của quốc gia thuộc nhóm G7</p>	Cái	400	
VT170	Lọc khuẩn dùng cho máy đo chức năng hô hấp	<p>Lọc khuẩn đo chức năng hô hấp tương thích với máy đo chức năng hô hấp Koko</p> <p>- Vỏ ngoài làm từ vật liệu nhựa ABS</p> <p>- Đường kính 92mm</p> <p>- Màng lọc: sợi lọc cotton tĩnh điện</p> <p>- Hiệu quả lọc khuẩn 99.999% (0.5microns), lọc vi rút 99.99% (0.027 microns)</p> <p>- Trở kháng < 30pa tại 30L/phút, < 60pa tại 60L/phút</p> <p>- Co nối bệnh nhân 28,7 mm</p> <p>- Co nối với máy 48mm</p> <p>- Trọng lượng 39.5g</p> <p>- Đóng gói vô trùng EO</p>	Cái	500	

Stt	Danh mục vật tư y tế	Thông số kỹ thuật (tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
VT171	Mask oxy có túi, các size	Mask thở oxy có túi, nồng độ cao bao gồm: - Mask thở vật liệu PVC - Co nối Female - Túi trữ khí 1000ml, PVC Folio, van màng silicone độ dày 0,4mm - Dây đeo cổ định dài 48cm - Kẹp mũi nhôm - Dây oxy dài 190cm/210cm - Mask oxy cung cấp 80-100% oxy nồng độ cao, tốc độ dòng 10-15l/phút - Không DEHP, không latex. Chất lượng ISO, FDA	Cái	1.500	
VT172	Mặt nạ xông khí dung, các size	- Chất liệu: Mask thở PVC y tế, bầu chứa thuốc vật liệu nhựa PP - Kích thước: Mask thở đường kính 2 lỗ xả trái phải 20mm ± 0,2 mm - Tốc độ phun tối đa 3ml/10 phút. Kích thước hạt 3-7.5micro. - Ống dây kết nối 190cm hoặc 210cm ± 10 cm - Dây thun đeo cổ định dài 48 cm ± 5 cm - Kẹp mũi nhôm Đóng gói riêng lẻ từng cái - Tiêu chuẩn ISO, FDA	Cái	2.000	
VT173	Mặt nạ gây mê	* Mặt nạ gây mê chất liệu PVC, móc cài 4 châu HDPE, mã hóa màu theo size, van silicone, kết cấu PC. các size người lớn, trẻ em, sơ sinh (15M -22F) * Dây đủ size cỡ người lớn, trẻ em, sơ sinh tương ứng các số 0, 1,2,3,4,5,6 * Van không kim loại được sử dụng trong suốt quá trình MRI	Cái	50	
VT174	Mask thanh quản 2 nòng, các số	Mặt nạ thanh quản 2 nòng, sử dụng nhiều lần (lên đến 40 lần), có tích hợp 1 nòng đặt sonde dạ dày - Chất liệu: silicon tương thích sinh học, không kích ứng, không latex - Tích hợp ống dẫn lưu dịch dạ dày ra ngoài qua hầu họng, giảm nguy cơ hít sặc - Kích cỡ 1; 1,5; 2; 2,5; 3; 4; 5; trọng lượng từ <5kg - >70kg - Thẻ tích bóng chèn 4 - 40 ml, tùy cỡ - Kích thước sonde dạ dày tương ứng từ 8 - 16 Fr - Thân ống được gia cố vòng lo xo bên trong chống cản và không bị gập gãy tắc nghẽn - Bóng silicon 2 lớp mềm, trên lưng bóng có khí đệm bảo vệ thanh quản vừa hít vừa thở. Giảm thiểu tác động lên huyết động - Các size 3,0 trở lên có kèm theo stylet	Cái	30	
VT175	Miếng dán điện cực tim	- Miếng dán điện cực không chứa PVC, không chứa latex, hình tròn kích thước 45 x 42mm. - Lớp nền xốp polyethylen (PE) phủ keo Acrylic kháng nước. - Gel rắn, pH trung tính, không dị ứng da. - Cầm biến ABS được phủ lớp Ag/AgCl đảm bảo tính dẫn điện. - Núm giữa bằng thép không gỉ. - Tính linh hoạt của foam (xốp) giữ điện cực ở vị trí ổn định, tăng hiệu quả khi đo. Chẩn đoán chính xác do giảm thiểu giả ảnh. - Hạn sử dụng 36 tháng. Tiêu chuẩn ISO 13485; chứng nhận hợp chuẩn Châu Âu. Xuất xứ: Châu Âu	Cái	50.000	
VT176	Mở khí quản 2 nòng có lỗ thông khí các loại, các số	Ống mở khí quản vật liệu không chứa DEHP, có 5 lỗ thông khí cong 105 độ, kết nối với dây máy thở qua cơ nối của ống, không kết nối qua nòng trong - Có hoặc không có bóng. Loại có bóng: Bóng nhung mềm, thành mỏng (0.06mm), đường kính lớn (các số >7 có đường kính bóng 30mm) - 2 nòng trong thành mỏng (ID nòng chênh 1mm so với ID ống), có vòng kéo (mẫu ngắt) để dễ tháo. - Các cỡ 6.0, 7.0, 7.5, 8.0, 8.5, 9.0, OD từ 9.2 - 13.3mm, chiều dài ống từ 64.5 - 81mm, đường kính bóng từ 20-30mm - Linh kiện: dây cố định 2 cánh, chốt vệ sinh nòng trong	Cái	50	

Stt	Danh mục vật tư y tế	Thông số kỹ thuật (tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
VT177	Mở khí quản 2 nòng không lỗ thông khí các loại, các cỡ	<p>Ống mở khí quản vật liệu không chứa DEHP, cong 105 độ, kết nối với dây máy thở qua co nối của ống, không kết nối qua nòng trong</p> <p>- Có bóng hoặc không bóng. Loại có bóng: bóng nhưng mềm, thành mỏng (0.06mm), đường kính lớn (các số >7 có đường kính bóng 30mm)</p> <p>- 2 nòng trong thành mỏng (ID nòng chênh 1mm so với ID ống), có vòng kéo (mẫu ngắt) để dễ tháo.</p> <p>Các cỡ 6.0, 7.0, 7.5, 8.0, 8.5, 9.0, OD từ 9.2 - 13.3mm, chiều dài ống từ 64.5 - 81mm, đường kính bóng từ 20-30mm</p>	Cái	50	
VT178	Mũi phẫu thuật	<p>-Chất liệu: Làm bằng Vải không dệt không thấm kéo sợi 100% polypropylene (PP), màu xanh, dạng tròn, xếp, mềm mại, chắc chắn, dày dặn, không dễ rách khi sử dụng.</p> <p>-Vải có màu xanh, không mùi, sạch, mật độ mũi chỉ may ≥ 3 mũi/cm, mật độ đường may vết sỏ ≥ 4 mũi/cm.</p> <p>-Kích thước: Rộng 2cm \pm 2,5cm x chiều dài chưa kéo giãn: 18cm \pm 21cm, định lượng 14gam/m². Chiều dài tối đa khi kéo giãn: khoảng 52 (\pm2)cm.</p> <p>-Thuần không Latex: Màu trắng, bằng rộng 4-5mm. Đường kính: 45-60cm.</p> <p>Thun mềm 2 sợi chắc chắn, co giãn, ôn khít vòng đầu.</p> <p>-Không gây kích ứng, Có kiểm định nguyên liệu không độc tố. Không thấm nước, thoáng khí, thoải mái.</p> <p>-Quy cách đóng gói: 100 cái/ gói.</p> <p>-Tiêu chuẩn : ISO 13485: 2016, ISO 9001:2015, CE, GMP, FDA</p>	Cái	50.000	
VT179	Ống dẫn lưu ổ bụng, các size	Dùng để dẫn lưu trong ổ bụng, gồm các size	Cái	3.000	
VT180	Ống đặt nội khí quản có bóng các cỡ	<p>Ống nội khí quản có bóng, vật liệu PVC phủ silicone</p> <p>- Bóng hình trụ, thành bóng mỏng (0.07 - 0.12mm), thể tích lớn (3.5 - 24.0ml) áp lực thấp (≤ 25cmH₂O), có 1 vạch đánh dấu dày đậm gần bóng</p> <p>- Các số: 3.0 đến 10, OD từ 4.2-13.6mm, đường kính bóng từ 12-28mm</p> <p>- Đóng gói vô trùng. Xuất xứ Châu Âu</p>	Cái	6.000	
VT181	Nội khí quản lò xo có bóng phủ silicone	<p>Ống nội khí quản lò xo có bóng</p> <p>- Chất liệu PVC nhạy nhiệt, phủ silicone, không chứa phthalate.</p> <p>- Bóng có thành mỏng (0.07-0.12mm), thể tích lớn (3.0-24.0ml), áp lực thấp (≤ 25cmH₂O)</p> <p>- Kích cỡ: 2.5 - 10, đường kính ngoài từ 4.2 - 14.2mm, đường kính bóng từ 8.0 - 32mm</p> <p>Thông số một số size thường dùng: số 7.0 (OD 10.2 mm, thể tích bóng 13ml, đường kính bóng 23mm)</p> <p>7.5 (OD 11.0 mm, thể tích bóng 14ml, đường kính bóng 25mm)</p> <p>8.0 (OD 11.6 mm, thể tích bóng 15ml, đường kính bóng 26mm)</p> <p>Xuất xứ Châu Âu</p>	Cái	100	
VT182	Ống nội phế quản 2 nòng các cỡ	<p>Ống nội phế quản 2 nòng trái/phải</p> <p>* Vật liệu PVC nhạy nhiệt, phủ silicone. Không chứa latex, không chứa DEHP.</p> <p>* Phụ kiện: 4 dây hút đàm vật liệu không chứa DEHP, loại có van kiểm soát, thanh dẫn đường (stylet), bộ co nối gồm: Co Y, 2 co 15mm, 2 ống nối bằng silicon có kẹp, 2 co xoay</p> <p>* 2 bóng mềm mịn thể tích lớn, áp lực thấp, bóng phế quản phải có hình chữ P</p> <p>* Các số - chiều dài - đường kính bóng khí quản - đường kính bóng phế quản (mm):</p> <p>24Fr - 330mm - 14,0mm- 12,0mm;</p> <p>26Fr - 350mm - 20,0mm - 15,0mm;</p> <p>28Fr - 355mm - 20,0mm - 16,0mm;</p> <p>32Fr - 415mm - 21,0mm - 16,0mm;</p> <p>35Fr - 415mm - 23,0mm - 18,0mm;</p> <p>37Fr - 415mm - 25,0mm - 18,0mm;</p> <p>39Fr - 415mm - 30,0mm - 20,0mm;</p> <p>41Fr - 415mm - 32,0mm - 22,0mm</p> <p>* Xuất xứ Châu Âu</p>	Cái	10	

Stt	Danh mục vật tư y tế	Thông số kỹ thuật (tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
VT183	Ống nâng dùng trong gây mê	Bộ dây máy gây mê cao tần, đa hướng, dùng một lần, dùng cho người lớn, được thiết kế với hiệu năng cao giúp loại bỏ tắc nghẽn và rò rỉ bên trong dây. - Loại dây đa hướng được làm từ vật liệu Polypropylene cấp độ y tế, giúp dễ cố định dây, thuận tiện cho việc sử dụng và cất giữ. - Chiều dài: 180cm, đường kính: 22mm. - Thiết kế co chữ Y có rãnh khắc giúp loại bỏ việc tắc nghẽn và rò rỉ bên trong ống dây. - Đầu nối chữ L có công lấy mẫu khí. - Kích thước các đầu nối tuân thủ theo ISO 5356-1. - Tiệt trùng: Ethylen Oxide. Tiêu chuẩn ISO 9001:2015, ISO 13485:2016, ISO 14001:2015. Sản phẩm được sản xuất tại Việt Nam	Bộ	3.000	
VT184	Ống nối dây máy thở gọn sóng không co giãn	Ống nối dây máy thở cao tần, loại đa hướng được làm từ nhựa (EVA + PP)/Polypropylene (PP) cấp độ y tế. - Cấu tạo gồm các thành phần: đoạn ống thở, đầu nối ống, nắp đậy cổng hút, co nối xoay chữ T linh hoạt xoay 360 độ kích thước 22M/15F - Tích hợp cổng đo nồng độ CO ₂ và hút dịch. - Thiết kế chuyên biệt không rò rỉ, dễ dàng xoay cổng quay. - Đầu nối PP/SBC, kích thước 22F - Độ bền kết nối: ≥ 45 N. - Tồn dư EO/ECH sau tiệt trùng ≤ 60 mg/sản phẩm theo ISO 10993-7 - Tiệt trùng: Ethylen Oxide. Tiêu chuẩn ISO 9001:2015, ISO 13485:2016, ISO 14001:2015. Sản phẩm được sản xuất tại Việt Nam	Cái	3.000	
VT185	Ống thông dạ dây silicon các cỡ	• 100% silicone y tế cho khả năng tương thích sinh học vượt trội. • Độ mềm phù hợp và tính linh hoạt tuyệt vời để tăng cường sự thoải mái cho bệnh nhân. • Đầu nhọn để chèn dễ dàng. • Đánh dấu độ sâu để xác nhận vị trí. • Nắp kèm theo để đảm bảo an toàn. • Đóng gói tiệt trùng Kích cỡ từ 4Fr đến 20Fr. Chiều dài 400mm (4Fr-6Fr); 800mm (8Fr-10Fr); 1200mm (12Fr-20Fr) Tiêu chuẩn: ISO	Cái	1.200	
VT186	Ống thông dạ dây, các số (loại thường)	* Ống có nắp gắn vào đầu nối chống lấy nhiễm và có cân quang dọc thân ống, vật liệu PVC mềm có độ đàn hồi phù hợp * Có 4 lỗ dẫn lưu so le nhau để tăng tốc độ dòng * Có các vạch đánh dấu 45,55,65 và 75cm từ đầu xa * Tương thích với bơm tiêm và nguồn hút kích thước lớn * Kích cỡ: 8FG (OD/ID=2.65/1.5mm), 10FG (OD/ID=3.35mm/2.0mm), 12FG (OD/ID=4.0mm/2.45mm), 14FG (OD/ID = 4.65mm/2.95mm), 16FG (OD/ID=5.35mm/3.40mm), 18FG (OD/ID=6.0mm/3.9mm). Chiều dài 125cm * Đóng gói tiệt trùng, Không chứa DEHP	Cái	1.000	
VT187	Ống thông đường thở các cỡ (Airway)	*Thiết kế hình dạng giải phẫu, cạnh tròn mềm giảm tổn thương * Làm bằng vật liệu PE. Mã hóa màu block theo size 00/40; 0/50; 1/60; 2/70; 3/80; 4/90; 5/100; 6/110 * Đóng gói tiệt trùng EO * Chứng nhận ISO, FDA	Cái	4.000	
VT188	Ống thông phổi các cỡ	- Ống thông dẫn lưu lồng ngực được làm từ PVC y tế, không độc hại, không chứa Phthalate, không chứa DEHP, không chứa latex, không gây sốt. - Đầu xa mờ mịn và tròn với mắt to giúp dẫn lưu tối đa. - Ống thông được chia vạch mỗi 2cm tính từ mắt cuối cùng để xác định độ sâu. - Đầu gần được trang bị đầu nối lưới tròn giúp kẹp tốt hơn và đâm xuyên dễ dàng hơn. - Kích cỡ và chiều dài: 450mm (12,14,16,20,24,28,32,36FG) - Vô trùng bằng EO.	Cái	200	

Stt	Danh mục vật tư y tế	Thông số kỹ thuật (tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
VT189	Que đèn lười tiết trùng	- Gỗ tự nhiên, thớ mịn, đồng nhất, không lõi, không cong vênh.. Đạt độ cứng, nhẵn cao, an toàn trong sử dụng. Sấy khô, nhẵn bóng, màu vàng sáng - Tổng số nấm men + mốc 2.0×10^1 CFU/g; vi khuẩn hiếu khí 2.0×10^1 CFU/g - Kích thước: 150mm x 20mm x 2mm. - Sản phẩm được tiết trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O) Tiêu chuẩn: ISO 13485:2016;ISO 14001: 2015;ISO 9001: 2015	Que	10.000	
VT190	Que làm pap	Que lấy mẫu bệnh phẩm, que xét nghiệm được chế tạo bằng gỗ thông đã trích nhựa dùng để lấy tế bào và niêm dịch cổ tử cung, phát hiện sớm ung thư cổ tử cung nhanh và chính xác. - Không làm tổn thương cổ tử cung của bệnh nhân. - Thao tác sử dụng dễ dàng.	Que	2.000	
VT191	Que lấy bệnh phẩm	Nguyên liệu: đầu bông của que tăm bông sử dụng Bông y tế 100% sợi cotton từ bông xơ tự nhiên, đã được loại bỏ lớp sáp, không ẩm ướt, sợi chắc, mịn; Không mùi lạ; Màu sắc hoàn toàn trắng, màu trắng tự nhiên; Không có tạp chất, chỉ có sợi bông. -Đường kính đầu bông khoảng 5mm, thân que đường kính 2,5mm. Thân nhựa dài khoảng 150mm. Thân que được làm từ nhựa tiết khuẩn. Phần đầu thân que được khử nhiệt giúp đầu bông bám chắc thân que. Đặc tính bông: + Tốc độ chìm (hút nước) $\leq 8s$ +Khả năng hút nước > 100g Đóng gói: 5 que/túi, 100 que/gói Tiệt trùng bằng khí EO Gas	Que	2.500	
VT192	Que thử đường huyết có kèm kim	"Que thử đường huyết cho kết quả đúng theo protocol của ISO 15197:2013: 100% kết quả đo nằm trong vòng sai số ± 10 mg/dL và 100% kết quả đo nằm trong vòng sai số ± 15 mg/dL với Pp chuẩn ở nồng độ 100mg/dL 99,3% kết quả đo nằm trong vòng sai số $\pm 10\%$ và 100% kết quả đo nằm trong vòng sai số $\pm 15\%$ với Pp chuẩn ở nồng độ $\geq 100\text{mg/dL}</math>- Kết quả tương ứng với nồng độ đường trong huyết tương theo IFCC và được hiệu chuẩn với các giá trị tham chiếu thu được bằng phương pháp Hexokinase (phương pháp định lượng Glucose máu chính xác nhất hiện nay)- Không thẻ mã hóa (không dùng code)- Phạm vi đo Glucose là 10 - 600 mg/dL, hoặc 0,6 - 33,3mmol/L- Giới hạn hematocrite là 10 - 65%.- Đo được 4 loại máu (máu tĩnh mạch, tĩnh mạch, động mạch, máu trẻ sơ sinh),- Thử được ở những vị trí khác nhau như: đầu ngón tay, lòng bàn tay, cánh tay hoặc bắp tay- Thời gian đo <math>< 4</math> giây,- Mẫu máu đo 0.6\mu\text{L}</math>- Que thử hút máu bằng mao dẫn- Vùng nhận máu rộng 5 mm giúp dễ dàng lấy máu- Chất liệu que thử: hợp kim vàng và palladium-Xuất xứ: Mỹ$	Que	25.000	
VT193	Sáp cầm máu xương	*Chất liệu: 70% sáp ong tự nhiên, 18% parafin và 12% IPP (Isopropyl Palmitate) * Trọng lượng 2.5gr * Không bị hấp thụ và không có tác dụng sinh hóa, được sử dụng để kiểm soát chảy máu trên bề mặt xương bị thương trong quá trình phẫu thuật điều chỉnh xương *Đóng gói bằng bao bì kép, hạn sử dụng 5 năm. Khử trùng bằng tia Gamma	Miếng	200	
VT194	Sáp Paraffin	Dạng sáp màu trắng, không mùi, không vị, điểm nóng chảy khoảng 47-55độ C, không gây kích ứng da. Loại chuyên dùng trong vật lý trị liệu.	Kg	50	
VT195	Sensor cảm biến Oxy	Dây cảm biến đo SPO2, dùng nhiều lần. Dài 0,9m -3m, đầu nối 7 pin, 9 pin, 14 pin... tương thích với các Monitoring Sensor thay thế cho các máy thở tương thích với các máy thở tại Bệnh viện.	Cái	76	

Stt	Danh mục vật tư y tế	Thông số kỹ thuật (tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
VT196	Bộ dẫn truyền cảm ứng 1 đường	Bộ đo huyết áp động mạch xâm lấn 1 đường loại cho người lớn có van khóa lấy mẫu máu kín bao gồm: 2 đoạn dây chính màu đỏ dài 60inch/ 12inch và 1 đoạn dây phụ màu xanh 60inch (OD 2.8mm x ID 1.27mm), khóa 4 ngã, 1 khóa lấy mẫu máu kín, transducer DPT 3cc, dây truyền dịch IV 0.16"-60L. Thông số kỹ thuật + Quá áp -400 đến 6000 mmHg + Cân bằng tại 0: ±40mmHg + Điều kiện cân bằng 100 ±3mmHg + Độ nhạy: 5,0µ V/V/mmHg ± 1%. + Trở kháng đầu vào (kích thích): 350 ohms. + Trở kháng đầu ra: 300 ohms. + Nhiệt độ hoạt động: 15°C-40°C. + Áp lực hoạt động: -30 đến 300mmHg. + Tốc độ dòng thấp (3ml/hr) 1.9ml < dòng < 5.0ml/hr ~ 276 mmHg. Tốc độ dòng cao (125ml/phút) ~276mmHg + Đối xứng đầu dò (Symmetry): 1 ±5%	Bộ	320	
VT197	Mono J dẫn lưu bề thận	- Ống dẫn lưu thận bao gồm: + Ống thông dẫn lưu đầu pigtail có khóa làm từ polyurethane, dài 30cm ± 0.5cm. Đầu có chỉ làm từ PP. + Nút bịt kín và Trocar làm từ thép không gỉ. + Kim Chiba đầu vát 18G dài 20cm ± 0.5cm làm từ thép không gỉ. + Kim chọc trước 18G làm từ thép không gỉ dài 20cm. + Que nong làm từ PTFE dài 22cm. + Dây dẫn đường làm từ thép không gỉ dài 150cm ± 0.5cm. Đường kính 0.035" - 0.038". + Ống dẫn lưu làm từ PU dài 21cm. Đường kính ngoài 5.8mm. + Dao mổ làm từ thép không gỉ dài 72mm ± 5mm. + Túi đựng nước tiểu làm từ PVC dung tích 2000cc ± 10%. + Đĩa giữ ống thông làm từ PVC. - Kích cỡ: từ 6Fr đến 18Fr. Đường kính ngoài: từ 2mm đến 6mm. Tương thích dây dẫn đường 0.035" và 0.038". - Vỏ trùng bằng EO.	Bộ	20	
VT198	Thông niệu quản double J các cỡ (6Fr, 7Fr)	* Bao gồm: Ống thông JJ hai đầu mở và cây đẩy - Kích thước: 6Fr, 7Fr - Chất liệu: Ống thông JJ làm bằng polyurethane (PU) - Chiều dài: 24cm-30cm (tối thiểu phải có 26cm, 28cm, 30cm) - Hạn sử dụng: 60 tháng - Đóng gói đơn chiếc, tiệt trùng bằng Ethylene Oxide (EO) Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 và CE	Cái	500	
VT199	Bộ đo nước tiểu theo từng ml	- Túi nước tiểu 2 lít có kẹp và van xả chữ T, kèm bầu lượng 500ml 4 ngăn trong suốt dễ quan sát. - Buồng thu có hệ thống chống tràn và bộ lọc kỹ nước giảm nguy cơ nhiễm trùng đường tiết niệu. - Ống dẫn lưu nước tiểu dài 120cm chống gập. - Có dây treo giường. - Có nối đầu thuận tròn, có cổng lấy mẫu thử giữa dòng. - Đóng gói riêng lẻ, vô trùng.	Bộ	10	
VT200	Ống Feeding tube các cỡ	* Dây cho ăn vật liệu PVC y tế, trong suốt, cân quang dọc thân ống. * Thiết kế đầu xa đóng, bo tròn, mềm dễ dàng đưa vào giảm tổn thương niêm mạc. 2 mắt bên không đối nhau giúp tăng lưu lượng dòng chất lỏng. Đầu gắn gắn với bộ nối luer có nắp đậy. Sử dụng ≤ 7 ngày * Kích cỡ: 5FG (OD 1.68mm, ID 0,80mm), 6FG (OD 1.98mm, ID 1.05mm), 8FG (OD 2.65mm, ID 1.50mm), 10FG (OD 3.35mm, ID 2.00mm). Chiều dài 50cm * Đóng gói tiệt trùng EO. Không chứa DEHP, tiêu chuẩn ISO	Cái	300	

Stt	Danh mục vật tư y tế	Thông số kỹ thuật (tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
VT201	Túi cho ăn	Túi vật liệu PVC y tế, thể tích túi: 1000ml, 1200ml, sử dụng 24h Ống PVC chiều dài 150cm Loại: Trọng lực Dễ dàng lắp đáy và treo Cổng thoát phía dưới cho phép thoát nước hoàn toàn Có bộ điều chỉnh lưu lượng Sử dụng 1 lần, tiệt trùng EO	Cái	300	
VT202	Túi hậu môn nhân tạo	Túi hậu môn nhân tạo 1 mảnh, xả được, loại đục - Thiết kế màng 5 lớp không rò rỉ chất lỏng và mùi, vật liệu bên ngoài lớp vải không dệt. Số trên túi giúp dễ dàng truy xuất nguồn gốc với ngày và mã sản phẩm - Có lọc carbon - Có lớp keo hydrocolloid không gây dị ứng và tương thích với da - Có khóa cuộn - Kích cỡ 24cmx14cm, vòng đế 12-70mm - Sử dụng 1 lần - Đạt tiêu chuẩn ISO13485, chứng nhận hợp chuẩn Hoa Kỳ	Cái	1.000	
VT203	Ống thông hậu môn	* Ống thông hậu môn được làm từ nhựa PVC y tế, không độc hại, không gây kích ứng, (Phthalate free) * Ống mềm trong suốt, có 1 lỗ bên dẫn lưu ở đầu xa, đầu gần kết nối với thiết bị hút mã hóa màu để dễ dàng nhận dạng kích thước * Ống dài 400mm với các size: 12FG-14FG-16FG-18FG-20FG-22FG-24FG-26FG-28FG * Sử dụng 1 lần, vô trùng bằng EO * Tiêu chuẩn ISO hoặc CE	Cái	300	
VT204	Vôi Soda	Vôi soda y tế hấp thụ CO2 dùng trong gây mê - Cấu tạo từ hỗn hợp gồm: 82.08% Canxi Hydroxit và 3.4% Natri Hydroxit, 14-19% H2O. Không chứa KOH hoặc BaOH - Độ pH ≤ 13.5, độ cứng ≤ 97%, độ ẩm 12-18%, kích thước hạt 4x2mm, mật độ khoảng 75g/100ml - Khả năng ngâm (hấp thụ CO2) > 1kg vôi soda hấp thụ 130l CO2 (26%) - Chỉ thị màu: hạt từ trắng chuyển sang tím khi đạt cân bằng - Đạt chuẩn ISO 13485, chứng nhận an toàn vật liệu vôi Soda theo Quy định (EC) số 1907/2006 - Đóng gói 5kg/can	Kg	200	
VT205	Vòng đeo tay bệnh nhân có nút bấm	Chất liệu : Nhựa trung tính, không gây kích ứng da, không thấm nước; các màu xanh, đỏ, vàng, hồng. - Chiều dài: 235mm, rộng: 22mm- Phần băng tên: dài 60mm, rộng 20mm- Phần quai đeo: Nút bấm và khóa cố định; có 12 lỗ phù hợp với kích cỡ tay của bệnh nhân.- Có 2 loại: Người lớn, trẻ em. - Tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	6.000	
VT206	Túi đựng nước tiểu có dây treo	Túi đựng nước tiểu có dây treo làm bằng vật liệu nhựa PVC cao cấp, có khóa vận, dây dẫn dài 0.75 m (± 20%), đường kính ngoài 6.8mm (± 20%), đường kính van tháo dịch 9.2 mm (± 20%); tính năng chống trào ngược có lỗ treo, không gây độc hại không gây kích ứng các vạch chia dung tích đều, giúp theo dõi hành trình bơm nước tiểu dễ dàng. Nắp xoay trơn và khít không rò rỉ. - Tiệt trùng bằng EO gas.	Cái	5.000	
VT207	Ống thông Latex 2 nhánh, các số	Ống thông tiểu 2 nhánh, các số 12-30Fr, thể tích bóng ≥20ml/cc và ≤45ml/cc, tốc độ dòng cao 180 - 2300ml/phút. Một số size thông dụng 16Fr: ≥174ml/phút, 28Fr: ≥1971ml/phút, 30Fr: ≥2300ml/phút - Vật liệu cao su thiên nhiên phủ silicone, không chứa DEHP. - Đầu ống có 2 lỗ dẫn lưu lớn, kích thước mỗi lỗ từ 3-8mm. - Van cứng, dùng được cho cả bơm tiêm đầu luer lock và luer slip. * Sử dụng lên đến 14 ngày. Đóng gói vô trùng	Cái	300	
VT208	Ống thông tiểu 1 nhánh, các số	Ống thông tiểu 1 nhánh vật liệu PVC nhạy nhiệt, không độc hại, không chứa DBP, BBP, DEHP. - Lỗ dẫn lưu so le. Có nổi hình phễu. - Các số: 6Fr - 24Fr. Chiều dài 40cm - Có CFS	Cái	100	

Stt	Danh mục vật tư y tế	Thông số kỹ thuật (tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
VT209	Ống thông tiểu 2 nhánh, các số	* Ống thông tiểu 2 nhánh, loại người lớn, các số 12-30Fr, thể tích bóng $\geq 20\text{ml/cc}$ và $\leq 45\text{ml/cc}$, tốc độ dòng cao 180 - 2300ml/phút. Một số size thông dụng 16Fr: $\geq 174\text{ml/phút}$, 28Fr: $\geq 1971\text{ml/phút}$, 30Fr: $\geq 2300\text{ml/phút}$ - Vật liệu cao su thiên nhiên phủ silicone, không chứa DEHP. - Đầu ống có 2 lỗ dẫn lưu lớn, kích thước mỗi lỗ từ 3-8mm. - Van cứng, dùng được cho cả bơm tiêm đầu luer lock và luer slip. * Sử dụng lên đến 14 ngày. Đóng gói vô trùng	Sợi	4.000	
VT210	Ống thông tiểu Silicone 2 nhánh, các cỡ	Ống thông tiểu foley 2 nhánh 100% silicone, loại người lớn, các số 12Fr-26Fr, - Thể tích bóng số 12-14: $\geq 5\text{ml/cc}$ và $\leq 15\text{ml/cc}$, số 16-26: $\geq 30\text{ml/cc}$ và $\leq 45\text{ml/cc}$ - Tốc độ dòng cao: 260-2600 ml/phút. Một số size thông dụng: 14Fr: $\geq 500\text{ml/phút}$, 16Fr: $\geq 650\text{ml/phút}$, 18Fr: $\geq 960\text{ml/phút}$ - Đầu ống có 2 lỗ dẫn lưu lớn, kích thước mỗi lỗ từ 3-8mm - Van cứng, dùng được cho cả bơm tiêm đầu luer lock và luer slip * Không chứa DEHP, có đường cân quang. Sử dụng lên đến 30 ngày. Đóng gói vô trùng.	Cái	300	
VT211	Sonde Foley 3 chạc các số	* Ống thông tiểu 3 nhánh, loại người lớn, các số 16-26Fr, thể tích bóng $\geq 30\text{ml/cc}$ và $\leq 45\text{ml/cc}$, tốc độ dòng cao 392 - 1345ml/phút. Một số size thông dụng 18Fr: $\geq 710\text{ml/phút}$, 20Fr: $\geq 733\text{ml/phút}$ - Vật liệu cao su thiên nhiên phủ silicone, không chứa DEHP. - Đầu ống có 3 lỗ: 2 lỗ dẫn lưu lớn, mịn và 1 lỗ súc rửa, kích thước mỗi lỗ từ 3-8mm. - Van cứng, dùng được cho cả bơm tiêm đầu luer lock và luer slip. * Sử dụng lên đến 14 ngày. Đóng gói vô trùng	Cái	350	
VT212	Ống thông tiểu Silicone 3 nhánh, các cỡ	Ống thông tiểu foley 3 nhánh 100% silicone, loại người lớn, các số 16Fr-26Fr, - Thể tích bóng: $\geq 30\text{ml/cc}$ và $\leq 45\text{ml/cc}$ - Tốc độ dòng cao: 650-2600 ml/phút. Một số size cụ thể: 18Fr: $\geq 960\text{ml/phút}$, 20Fr: $\geq 1200\text{ml/phút}$ - Đầu ống có 3 lỗ: 2 lỗ dẫn lưu lớn, mịn và 1 lỗ súc rửa, kích thước mỗi lỗ từ 3-8mm - Van cứng, dùng được cho cả bơm tiêm đầu luer lock và luer slip * Không chứa DEHP, có đường cân quang. Sử dụng lên đến 30 ngày. Đóng gói vô trùng.	Cái	100	
VT213	Điện cực dán dùng cho máy điện cơ EMG 2-4 kênh	Chất liệu: Cảm biến Ag/AgCl. Chất liệu tiếp xúc da: HydroGel. Dây dẫn: Cu/Sn với vỏ bọc PVC Kết nối: CuZn/Ni với vỏ bọc PE Kiểu kết nối: 1.5mm chuẩn DIN42802/ 0.7mm chuẩn Pin / 1mm Pin/ Snap / Bipolar Kích thước: 20x25mm, diện tích tiếp xúc da: 500 mm ² , dây dài 8 - 250 cm Đạt tiêu chuẩn REACH & RoHS, không Latex, Phthalates - Tiêu chuẩn: ISO, CE, FSC, FDA	Miếng	20	
VT214	Điện cực kim dùng cho máy điện cơ EMG 2-4 kênh	- Chất liệu: Thép không gỉ, đầu nối điện cực kim được mạ vàng. - Kích cỡ: dài 30mm, đường kính kim 0.55mm, chuẩn 28G, diện tích ghi 0.07 mm ² - Đầu nhọn kim vát Robotic để chèn kim tốt hơn và giảm đau. Chuôi kim màu đỏ - Tiệt trùng bằng phương pháp Ethylene oxide Đạt tiêu chuẩn REACH & RoHS, không Latex, Phthalates - Tiêu chuẩn: ISO, CE, FSC, FDA	Cây	100	
VT215	Điện cực nhẵn dùng cho máy điện cơ EMG 2-4 kênh	Chất liệu: Cảm biến: thép không gỉ, Dây dẫn: Cu/Sn với vỏ bọc PVC, Kết nối: Cu/Au với vỏ bọc PVC. Kiểu kết nối: 1.5mm chuẩn DIN42802 / 5 pole Din. Dây dài 100cm. Đạt tiêu chuẩn REACH & RoHS, không Nikel, Latex, Phthalates - Tiêu chuẩn: ISO, CE, FSC, FDA	Cái	2	

Stt	Danh mục vật tư y tế	Thông số kỹ thuật (tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
VT216	Kim điện cực dùng cho máy điện cơ EMG 2-4 kênh	<p>Chất liệu: Thép không gỉ, không chứa mù cao su tự nhiên, chuỗi kim màu xanh lá.</p> <p>-Kích cỡ: Chiều dài kim 37mm, chuẩn 26G (Gauge), đường kính 0,45mm, diện tích ghi 0,085mm², mũi vác 15° (độ), chiều dài dây cáp 1,25m.</p> <p>-Tiệt khuẩn: đã được khử trùng EtO, hạn dùng 36 tháng</p>	Cây	100	
VT217	Tấm trải y tế 1m*2m	<p>Kích thước: 1m x 2m. Chất liệu màng nhựa PE, màu trắng sữa nguyên chất.</p> <p>Dày 0.06mm. Tiệt trùng.</p> <p>Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485; ISO 9001; ISO 14001</p>	Tấm	3.000	
VT218	Bộ dây truyền dịch 20 giọt	<p>- Dây truyền dịch 20 giọt/ml</p> <p>Dây dẫn: Dài 1500mm, được làm từ nhựa nguyên sinh PVC trắng silicon có độ đàn hồi cao. Chứng nhận đạt không có chất gây tan huyết. Có công tắc thuốc chữ Y. Đầu nối kim thiết kế khóa vận để khóa chặt kim (Luer lock). Van thoát khí (van lọc khí): Nhựa nguyên sinh đạt tiêu chuẩn, có thiết kế màng lọc khuẩn 0.2µm vô khuẩn. Bầu đếm giọt dung tích ≥ 8.5ml. Đường kính ngoài 14.2mm - 14.5mm. Dài 45mm, có thành dây đều: 0.9mm. Có màng lọc dịch 15µm.</p> <p>- Kim: 21G, 23G và các cỡ khác theo yêu cầu.</p> <p>- Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí E.O, không gây sốt, không độc tố, không chất DEHP.</p> <p>Tiêu chuẩn: ISO 13485; CE</p>	Sợi	100.000	
VT219	Dây đếm giọt truyền kháng sinh	<p>Bộ dây truyền dịch 2 ngăn cứng - mềm, đếm giọt chính xác.</p> <p>- Lưu lượng chuẩn 20 giọt/ml</p> <p>- Chiều dài dây ≥ 1.8m.</p> <p>- Đường kính trong dây: 3.1mm. Đường kính ngoài dây 4.2mm.</p> <p>- Chịu áp lực 2 bar. Sử dụng được cho máy truyền dịch tự động.</p> <p>- Thiết kế bầu nhỏ giọt 2 ngăn cứng mềm, có màng lọc dịch 15µm tại bầu dịch. Tổng thể tích thực tế bầu 2 ngăn ≥ 13.4 ml ± 0.2 ml. Chiều dài bầu dịch: 85,5mm.</p> <p>- Màng lọc dịch có chức năng đuổi khí và ngắt dịch tự động.</p> <p>- Màng lọc kỹ nước PTFE có thể lọc vi khuẩn tại van thông khí với hiệu suất 99.99%.</p> <p>- Kim đâm xuyên nút sản xuất bằng vật liệu PS nguyên sinh.</p> <p>- Đầu khóa vận xoắn Luer lock.</p> <p>- Công tắc thuốc chữ Y an toàn, latex free</p> <p>- Bộ điều chỉnh lưu lượng chính xác từ 0-300 ml/h. Có khóa khẩn cấp chữ C.</p> <p>- Dây PVC nguyên sinh, mềm dẻo, không chứa độc tố DEHP</p> <p>- Tiệt trùng bằng khí EO</p> <p>Tiêu chuẩn ISO 13485</p>	Bộ	5.000	
VT220	Bơm tiêm insulin	<p>- Bơm tiêm insulin vô trùng sử dụng 1 lần, khoảng chết thấp tránh lãng phí thuốc và đảm bảo liều lượng chính xác.</p> <p>- Cấu tạo gồm Xilanh, pittong, nắp bảo vệ kim, nắp dưới đáy; vật liệu Polypropylen y tế, không độc hại, tương thích các loại thuốc để phân phối thuốc</p> <p>- Kim tích hợp với bơm, được phủ silicone để giảm thiểu đau, thành kim mỏng và có 3 mặt vát. Kích cỡ 30G x 5/16"</p> <p>- Vòng đệm cao su tự nhiên trở về mặt hóa học tương thích với tất cả các loại thuốc</p> <p>- Vạch chia từng đơn vị đậm và rõ nét với thang đo U-100 (1ml, 0.5ml)</p> <p>- Ống tiêm insulin được đóng gói trong màng nhựa/ vi đóng gói 2 lớp</p> <p>- Tiêu chuẩn ISO, CE</p>	Cái	10.000	

Stt	Danh mục vật tư y tế	Thông số kỹ thuật (tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
VT221	Bơm tiêm 1 ml vô trùng, đóng gói riêng	<p>- Xy lanh dung tích 1ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhãn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét không mờ nhòe.</p> <p>- Pit tông: nhựa PP trong suốt, có khía bề gãy để hủy, không cong vênh, không có ba vĩa. Núm đẩy có gờ tăng độ ma sát khi tiêm</p> <p>- Gioăng có núm bơm hết hành trình giúp tiêm hết thuốc, đạt khoảng chết ≤ 0.03ml, khí và dung dịch tiêm không lọt qua được gioăng.</p> <p>- Kim làm bằng thép không gỉ mạ Crom hoặc Niken, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. Nắp chụp kim chế tạo từ nhựa PP dùng trong y tế, khí bảo vệ đầu kim tốt.</p> <p>Kim 26G và các cỡ khác</p> <p>- Sản phẩm được đóng gói riêng từng cái, tiệt trùng bằng khí EO, không DEHP.</p> <p>Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE</p>	Cái	4.000	
VT222	Bơm tiêm 5ml	<p>- Dung tích: 5ml</p> <p>- Xy lanh: Sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh Polypropylen, nhãn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích in rõ nét, không bị nhòe mờ khi sử dụng. Dung tích chia độ tổng cộng 6ml.</p> <p>- Pit tông: nhựa PP trong suốt, có khía bề gãy để hủy, không cong vênh, không có ba vĩa. Núm đẩy có gờ tăng độ ma sát khi tiêm</p> <p>- Gioăng có núm bơm hết hành trình giúp tiêm hết thuốc, khí và dung dịch tiêm không lọt qua được gioăng.</p> <p>- Kim làm bằng thép không gỉ mạ Crom hoặc Niken, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. Nắp chụp kim chế tạo từ nhựa PP dùng trong y tế, khí bảo vệ đầu kim tốt.</p> <p>Kim 23G, 25G và các cỡ khác</p> <p>- Sản phẩm được đóng gói riêng từng cái, tiệt trùng bằng khí EO.</p> <p>Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE</p>	Cái	200.000	
VT223	Bơm tiêm 10ml	<p>- Dung tích: 10ml</p> <p>- Xy lanh: Sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh, nhãn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích in rõ nét, không bị nhòe mờ khi sử dụng. Dung tích chia độ tổng cộng 12ml.</p> <p>- Pit tông: nhựa PP trong suốt, có khía bề gãy để hủy, không cong vênh, không có ba vĩa. Núm đẩy có gờ tăng độ ma sát khi tiêm</p> <p>- Gioăng có núm bơm hết hành trình giúp tiêm hết thuốc, khí và dung dịch tiêm không lọt qua được gioăng.</p> <p>- Kim làm bằng thép không gỉ mạ Crom hoặc Niken, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. Nắp chụp kim chế tạo từ nhựa PP dùng trong y tế, khí bảo vệ đầu kim tốt.</p> <p>Kim 23G và các cỡ khác</p> <p>- Sản phẩm được đóng gói riêng từng cái, tiệt trùng bằng khí EO, không DEHP.</p> <p>Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE</p>	Cái	120.000	

Stt	Danh mục vật tư y tế	Thông số kỹ thuật (tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
VT224	Bơm tiêm 20 ml	<ul style="list-style-type: none"> - Dung tích: 20ml - Xy lanh: được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh, trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. - Pit tông: nhựa PP trong suốt, có khía bề gãy để hủy, không cong vênh, không có ba vĩa. Núm đẩy có gờ tăng độ ma sát khi tiêm - Gioăng có núm bơm hết hành trình giúp tiêm hết thuốc, khí và dung dịch tiêm không lọt qua được gioăng. - Kim làm bằng thép không gỉ mạ Crom hoặc Niken, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. Nắp chụp kim chế tạo từ nhựa PP dùng trong y tế, kín bảo vệ đầu kim tốt. Kim 23G và các cỡ khác - Sản phẩm được đóng gói riêng từng cái, tiệt trùng bằng khí EO, không DEHP. Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE. 	Cái	35.000	
VT225	Bơm tiêm 50ml dùng cho máy bơm điện	<ul style="list-style-type: none"> Bơm tiêm điện 50ml: Bơm tiêm được làm bằng nhựa PP dùng trong y tế trong suốt để quan sát bên trong, không có chất DEHP, không Latex, không chứa Pyrogen, thân bơm tiêm chia vạch rõ ràng vạch chia tối đa 60ml thể hiện rõ 1ml, giúp theo dõi hành trình bơm thuốc dễ dàng. - Pit tông dễ dàng rút thể tích tối đa, Gioăng kép mềm dẻo phủ silicone y tế, khí và dung dịch không lọt qua gioăng ở đầu bịt Pit tông phù hợp với các loại máy bơm tiêm điện. - Có đầu khóa vặn xoắn Luer Lock dễ dàng kết nối với dây nối và kim tiêm. - Đường kính ngoài thân bơm tiêm 32mm, khoảng cách từ vành đuôi xy lanh đến đuôi Pit tông (khi Pit tông bơm hết hành trình) là 24mm. - Đóng gói từng cái (một mặt giấy, một mặt trong suốt) đảm bảo độ vô trùng và rất an toàn trước sử dụng. Tiệt trùng bằng EO - Tiêu chuẩn chất lượng FDA 	Cái	5.000	
VT226	Bơm tiêm 50ml vô trùng, đóng gói riêng	<ul style="list-style-type: none"> - Dung tích : 50mm1 Xy lanh: Sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh, trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích in rõ nét, không bị nhòe mờ khi sử dụng. - Pit tông: Trong suốt, có khía bề gãy để hủy, không cong vênh, không có ba vĩa. Núm đẩy có gờ tăng độ ma sát khi tiêm. - Gioăng: Làm từ nhựa PVC dùng trong y tế, mềm dẻo, bề mặt gioăng nhẵn, độ đàn hồi cao, di chuyển dễ dàng tạo được độ kín- kín khí giữa pit tông với xy lanh nên khí và dung dịch tiêm không lọt qua được gioăng. - Kim làm bằng thép không gỉ mạ Crom hoặc Niken, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. Nắp chụp kim chế tạo từ nhựa PP dùng trong y tế, kín bảo vệ đầu kim tốt. Kim 23G và các cỡ khác - Sản phẩm được đóng gói riêng từng cái, tiệt trùng bằng khí EO, không DEHP. Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE 	Cái	3.000	
VT227	Bơm 50ml cho ăn	<ul style="list-style-type: none"> - Dung tích: 50ml - Xy lanh: Nhựa nguyên sinh đạt tiêu chuẩn, trong suốt, không chứa DEHP, không độc hại, không ảnh hưởng tới sức khỏe. Đốc to lắp vừa dây cho ăn và các dụng cụ y tế chuyên dụng. Vạch chia dung tích tối đa 60ml. - Pit tông: Nhựa nguyên sinh đạt tiêu chuẩn, trong suốt, không chứa DEHP, không độc hại, không ảnh hưởng tới sức khỏe. Có khía bề gãy để hủy chống sử dụng lại. - Gioăng: Nguyên liệu nguyên sinh đạt tiêu chuẩn, mềm, tạo độ kín kín khí giữa pit tông với xy lanh, không gây độc, không ảnh hưởng sức khỏe. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O) Tiêu chuẩn: ISO 13485 	Cái	3.500	
VT228	Bóng đèn xenon	Tương thích với nguồn sáng nội soi hãng Olympus (CLV-190, -290SL)	Cái	7	

Stt	Danh mục vật tư y tế	Thông số kỹ thuật (tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
VT229	Dây gây mê (gọn sóng) người lớn, trẻ em	Bộ dây máy gây mê cao tần, dây gọn sóng, dùng một lần, dùng cho người lớn/trẻ em, được thiết kế với hiệu năng cao giúp loại bỏ tắc nghẽn và rò rỉ bên trong dây. - Loại dây gọn sóng được làm từ vật liệu Polyethylene cấp độ y tế, trọng lượng nhẹ giúp giảm tải hệ thống. - Chiều dài: 160cm, đường kính: 22mm (người lớn), 15mm (trẻ em). - Thiết kế co chữ Y có rãnh khắc giúp loại bỏ việc tắc nghẽn và rò rỉ bên trong ống dây, - Đầu nối chữ L có cổng lấy mẫu khí. - Tiệt trùng: Ethylen Oxide. Tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	1.000	
VT230	Thùng lọng cắt polyp	Thùng lọng cắt polyp không cuống và tổn thương phẳng Tay cầm đánh dấu đo lường. Dài 230cm. Đường kính loop: 20 mm	Cái	60	
VT231	Ngáng miệng nhựa có dây	Ngáng miệng nhựa có dây choàng. Đường kính trong 20x26mm ($\pm 5\%$), tương thích với mọi ống soi tiêu hóa.	Cái	1.500	
VT232	Rọ lấy sỏi đường mật	Rọ dùng trong đường mật	Cái	20	
VT233	Bộ nong đường mật	Bộ nong dùng trong đường mật	Bộ	5	
VT234	Rọ lấy sỏi	- Kích cỡ: 1.8Fr; 2,2Fr - Đường kính mở của rọ: ≥ 10 mm - Chiều dài: ≥ 120 cm, loại 4 dây đầu tròn - Chất liệu: Nitinol - Thiết kế tay cầm linh hoạt có thể tháo lắp được, dễ dàng thao tác bằng một tay - Đóng gói đơn chiếc, tiệt trùng bằng Ethylene Oxide (EO) Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, (CE)	Bên minh có món thay loại dùng cho	200	
VT235	Rọ lấy sỏi đường mật loại 8 dây	Rọ lấy sỏi 8 dây tích hợp tay cầm, thiết kế đầu rọ có núm hình hạt đậu (hình viên đạn) giúp dễ dàng đưa rọ vào ống mật, xoay được, tương thích với tay cầm tán sỏi cấp cứu, Có kênh bơm tưới rửa/thuốc cân quang, không cần dùng dây dẫn hướng Chiều dài làm việc 1900mm, tương thích với kênh dụng cụ 2.8mm trở lên, đường kính rọ 20mm.	Cái	5	
VT236	Rọ lấy sỏi đường mật loại 4 dây	- Rọ dùng cho lấy sỏi mật và dị vật đường tiêu hóa. - Sử dụng 1 lần. - Thiết kế dạng 4 sợi, hình kim cương. - Đường kính mở rọ: 25 mm/ 30 mm/ 35 mm. - Đường kính thân: ≥ 2.3 mm. - Chiều dài làm việc: ≥ 2000 mm - Có ngõ bơm thuốc cân quang trên tay cầm. - Sử dụng cho kênh sinh thiết ≥ 2.8 mm.	Cái	20	
VT237	Guidewire đường mật	Dây dẫn hướng sử dụng một lần. - Đầu dây siêu mượt và linh hoạt, ưu nước để dễ dàng xuyên qua các vùng hẹp. - Làm bằng hợp kim niken-titan chất lượng cao, chống xoắn và hỗ trợ tốt giúp tạo cảm giác thoải mái. - Hình: ảnh rõ nét và dễ định vị dưới X-quang. - Thiết kế thân ống có hoa văn xoắn ốc hai màu. - Chiều dài làm việc: ≥ 4500 mm. - Đường kính: 0.035 inch. - Loại đầu cứng thẳng, tối ưu hóa độ cứng của dây.	Cái	20	
VT238	Pigtail các cỡ dẫn lưu đường mật	Chất liệu nhựa LDPE, có 2 điểm đánh dấu cân quang bằng chất liệu Tantalum ở 2 đầu. - Stent thẳng có đoạn giữa (trung tâm) hơi cong hoặc đuôi heo 2 đầu (cong 2 đầu). - Đường kính ngoài: 8.5 Fr - 10 Fr - Đường kính trong lòng stent: 2.2 - 2.4mm. - Chiều dài từ 7-10cm, mỗi kích cỡ cách nhau 1cm. - Tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	50	
VT239	Van hút ống nội soi siêu âm	Van hút dùng cho ống soi siêu âm. Tương thích với máy nội soi Olympus	Cái	2	

Stt	Danh mục vật tư y tế	Thông số kỹ thuật (tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
VT240	Van hút ống soi	Van hút dùng cho các dòng ống soi: dạ dày, đại tràng, và ống tá tràng. Tương thích với máy nội soi Olympus	Cái	10	
VT241	Van kênh sinh thiết ống soi	Van sinh thiết dùng cho các dòng ống: dạ dày, đại tràng và ống tá tràng. Tương thích với máy nội soi Olympus	Cái	15	
VT242	Van khí nước ống soi	Van khí nước dùng cho các dòng ống soi. Tương thích với máy nội soi Olympus	Cái	10	
VT243	Ruột dụng cụ nội soi Theo máy BV đã có	Ruột dụng cụ nội soi. Kim kẹp nội soi kiểu Maryland, đơn cực (WA69350M), Kéo Metzenbaum nội soi đơn cực (WA69370M) Chiều dài 330 mm. Đường kính 5 mm.	Cái	50	
VT244	Vỏ dụng cụ nội soi Theo máy BV đã có	Vỏ dụng cụ nội soi đơn cực (WA69300M) Chiều dài 330 mm. Đường kính 5 mm Tay cầm đơn cực (WA69001M)	Cái	50	
VT245	Kềm sinh thiết có răng cưa	Kim sinh thiết ngậm cá sấu, có kim, tương thích dùng cho dạ dày (FB-210K) và đại tràng (FB-210U) Đầu có lỗ giúp lấy lượng sinh thiết nhiều, dùng một lần Tương thích với kênh sinh thiết 2.8 mm, chiều dài kềm là 1550 mm (FB-210K) và 2300 mm (FB-210U).	Cái	10	
VT246	Dây dẫn khí nước, khí CO2 máy nội soi	Dây dẫn kết nối bình nước và máy bơm khí nội soi	Cái	2	
VT247	Bình khí nước dùng cho máy nội soi	Bình nước có dùng khí CO2. Dùng cho các dòng ống soi dạ dày, đại tràng và tá tràng của Olympus	Cái	4	
VT248	Bình nước	Bình nước Dùng cho các dòng ống soi dạ dày, đại tràng và tá tràng của Olympus	Cái	10	
VT249	Bộ Catherter thông nhú nội soi	Canrula đường mật loại 2 kênh Khả năng liên thị dưới nội soi huỳnh quang Tích hợp C-Hook, V-Sheath và V-Marking Độ rộng đầu tip 4.5 Fr Chiều dài làm việc 170 cm Tương thích kênh dụng cụ ống soi 2.8 mm Tương thích Guidewire 0.035 inch	Cái	3	
VT250	Dao cung cắt cơ vòng	Có đánh dấu ở cuối đoạn dụng cụ, kết nối với ống soi, tương thích với kênh dụng cụ 2.8mm. Chiều dài làm việc 1700 mm. Đường kính đầu cuối 4.5 Fr. Tương thích dây dẫn 0.035. 3 kênh dụng cụ riêng biệt. Nhìn thấy được dưới nhuộm soi. Tích hợp C-Hook, V-Sheath và V-marking	Cái	2	
VT251	Bộ dẫn lưu qua da	Bộ dẫn lưu đa chức năng bao gồm: - Ống thông dẫn lưu đa chức năng làm từ polyurethane mềm, chống gãy gập. Cân quang Đầu xa ống thông được phủ một lớp phủ ái nước (hydrophilic). Lỗ dẫn lưu hình ovan lớn với lông dẫn lưu lớn để tối đa khả năng dẫn lưu. Đầu ống hình đuôi lợn (pigtail), có khoá. Chiều dài 30cm ± 0.5cm. Đầu có chỉ làm bằng vật liệu PP. Kích cỡ ống thông: 6-7-8-9-10-12-14-16-18Fr. Tương thích dây dẫn đường 0.035" và 0.038". - Kim Trocar: Chiều dài 30cm ± 0.5cm. Chất liệu thép không gỉ. - Tiết trùng bằng EO.	Bộ	300	
VT252	Chổi rửa kênh	Chổi rửa kênh ống nội soi dạ dày đại tràng Tay cầm có lỗ	Cái	5	
VT253	Dao kim cắt cơ vòng	Dao kim dùng để cắt cơ vòng với lớp phủ đất biệt an toàn, Có 3 kênh tách riêng cho dây dẫn, dao cắt và bơm cân quang. Nhìn thấy được dưới soi nhuộm màu. Kênh dụng cụ tối thiểu 2.8 mm. Chiều dài làm việc 1700 mm. Đường kính đầu cuối 5 Fr. Đường kính kim 0.2 mm. Chiều dài kim 5mm, tương thích dây dẫn 0.035.	Cái	2	

Stt	Danh mục vật tư y tế	Thông số kỹ thuật (tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
VT254	Bộ đẩy Stent đường mật, các cỡ	Ống dẫn lưu: stent đường mật loại thẳng, có thể nhìn thấy rõ được dưới tia X, đường kính stent 7/8.5/10 Fr. Tương thích với kênh sinh thiết từ 2.8mm trở lên. Chiều dài giữa 2 vạt: có thể lựa chọn giữa các loại có chiều dài: 80mm/ 90mm/ 100mm/ 120mm.	Cái	20	
VT255	Kềm sinh thiết dùng cho dạ dày, đại tràng	Kim sinh thiết, ngàm hình oval (20 cái/hộp) - Kềm sinh thiết ngàm oval - Phân biệt màu để dễ nhận dạng cơ quan lấy sinh thiết - Chiều dài làm việc: ≥ 2300 mm. - Đường kính kênh dụng cụ là 2.8mm. - Độ mở ngàm dài 7.2mm	Cái	200	
VT256	Kềm sinh thiết ngoài cá sấu	Dùng trong nội soi phế quản	Cái	10	
VT257	Bộ vòng thắt endoloop, tay cầm lắp sẵn	Bộ vòng thắt gồm tay cầm và vòng thắt. - Chuyên dùng cho nội soi điều trị thủng đường tiêu hóa, hỗ trợ ESD/EMR, kiểm soát cầm máu và thắt polyp. - Sử dụng một lần. - Thiết kế vòng đối thuận tiện cho việc thắt và thả nhiều lần. - Chiều dài của tay cầm 300 mm. - Tương thích với kênh dụng cụ tối thiểu 2.8 mm. - Đường kính vòng thắt: 30mm/ 40mm. - Chiều dài vòng thắt: 55mm/ 70mm.	Cái	50	
VT258	Bộ kit gồm dây thờ, bình làm ấm máy HFNC	Gồm dây thờ, bình làm ấm máy HFNC	Bộ	10	
VT259	Bộ dụng cụ UnoMeter Abdo-Pressure		Bộ	10	
VT260	Nhiệt kế điện tử	Nhiệt kế điện tử	Cái	50	
VT261	Nhiệt kế thủy ngân	Nhiệt kế thủy ngân	Cái	100	
VT262	Bộ máy đo huyết áp cơ bao gồm ống nghe	Cấu hình: - 01 đồng hồ đo áp lực - Hệ thống bơm khí: 01 bóng bơm khí; 02 ống dẫn khí; 01 van xả khí - 01 dải băng cuộn tay bằng cotton, dành cho người lớn kích thước 140x500mm - 01 bao hơi cao su kích thước 120x220mm - 01 túi đựng giả da - 01 ống nghe - Hệ thống bơm bằng cao su, quả bóp có van chắc chắn. để vận hành	Cái	100	
VT263	Bộ máy đo huyết áp điện tử	Bộ máy đo huyết áp điện tử	Bộ	80	
VT264	Băng bột bó 10cm x 2,7m	Kích thước: 10cm x 270cm, thao tác dễ dàng nhanh chóng, ít hao bột và độ cứng tốt (đi chịu sức nặng trên bột 3 tuần), độ nóng ít (hơi ẩm) và độ dư lắng ít Thời gian khô: 2'15" - 2'40" Chất lượng: ISO 13485	Cuộn	1.000	
VT265	Băng bột bó 15cm x 2,7m	Kích thước: 15cm x 270cm, thao tác dễ dàng nhanh chóng, ít hao bột và độ cứng tốt (đi chịu sức nặng trên bột 3 tuần), độ nóng ít (hơi ẩm) và độ dư lắng ít Thời gian khô: 2'15" - 2'40" Chất lượng: ISO 13485	Cuộn	1.000	

Stt	Danh mục vật tư y tế	Thông số kỹ thuật (tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
VT266	Bông lót bó bột 10cm x 2,7m	-Bông không hút nước được hình thành từ tập hợp các sợi trong quả bông, không loại mỡ (chưa tiệt trùng) - nguyên liệu 100% sợi Bông xơ tự nhiên. Bông được quấn lại thành cuộn. -Sợi mảnh, mềm, trơn, được chải kỹ, có độ đàn hồi cao và không còn quá nhiều nút, không mùi, bông chưa tẩy trắng, có màu hơi ngà vàng bóng. Chất liệu sợi bông với độ dày tối ưu, êm, bảo vệ da, tăng độ an toàn khi tháo bột, bông không thấm nước, không gây kích ứng khi sử dụng. -Bề mặt được xử lý bằng tia nước áp lực cao giúp bề mặt mịn, không xơ thừa. -Kích thước: 0,1m x 2,7m, chưa tiệt trùng, định lượng màng 120gsm. -Đóng gói: 10 cuộn/gói -Tiêu chuẩn ISO 9001:2015, ISO 13485:2016, GMP, CE, FDA	Cuộn	300	
VT267	Bông lót bó bột 15cm x 2,7m	-Bông không hút nước được hình thành từ tập hợp các sợi trong quả bông, không loại mỡ (chưa tiệt trùng) - nguyên liệu 100% sợi Bông xơ tự nhiên. Bông được quấn lại thành cuộn. -Sợi mảnh, mềm, trơn, được chải kỹ, có độ đàn hồi cao và không còn quá nhiều nút, không mùi, bông chưa tẩy trắng, có màu hơi ngà vàng bóng. Chất liệu sợi bông với độ dày tối ưu, êm, bảo vệ da, tăng độ an toàn khi tháo bột. -Bề mặt được xử lý bằng tia nước áp lực cao giúp bề mặt mịn, không xơ thừa. -Kích thước: 0,15m x 2,7m, chưa tiệt trùng, định lượng màng 120gsm. -Đóng gói: 10 cuộn/gói -Tiêu chuẩn ISO 9001:2015, ISO 13485:2016, GMP, CE, FDA	Cuộn	300	
VT268	Đai cố định khớp vai trái/phải, các cỡ	- Cố định, ổn định khớp vai. Vải cotton, vải không dệt, vải có lỗ thoáng khí. Khóa Velcro. - Gồm 2 phần được làm từ đệm mút và vải tự dính, vải cotton, vải không dệt, vải có lỗ thoáng khí. Có thiết kế khóa Velcro (băng dính dính) để cố định đai. Phần 1 nâng đỡ tay ở tư thế điều trị, phần 2 quấn quanh người giúp cố định tay và khớp vai không bị di lệch, hai phần kết hợp với nhau bởi băng dính dính. Kích cỡ: gồm các cỡ tương ứng với độ dài từ khuỷu tay đến bàn tay.	Cái	120	
VT269	Băng cố định khớp vai các cỡ	Làm từ đệm mút có lỗ thoáng khí, vải cotton và hệ thống băng dính dính giúp cố định, ổn định khớp vai ở tư thế điều trị. Các điểm nối dán dính chắc, có lỗ thoáng khí, nhiều size, có phân biệt bên trái, bên phải. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Cái	30	
VT270	Nẹp cẳng tay (dùng cố định ngoài)	Sản phẩm được sản xuất từ chất liệu vải dệt kim, vải có lỗ thoáng khí, vải cao lông, các thanh nẹp bằng hợp kim nhôm bán to cùng với hệ thống khóa Velcro. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Cái	140	
VT271	Nẹp cánh tay (dùng cố định ngoài)	Vải dệt kim, có lỗ thoáng khí, Băng dính dính, nẹp hợp kim nhôm. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Cái	80	
VT272	Nẹp chân ngón/dài (dùng cố định ngoài), các cỡ	Vải dệt kim, vải có lỗ thoáng khí, băng dính dính, nẹp hợp kim nhôm. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Cái	80	
VT273	Nẹp chống xoay ngón/dài (dùng cố định ngoài), các cỡ	Chất liệu vải có lỗ thoáng khí. Khóa velcro, nẹp hợp kim nhôm, hệ thống dán xé, Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Cái	100	
VT274	Nẹp cổ bàn tay (dùng cố định ngoài)	Chất liệu vải dệt kim, vải có lỗ thoáng khí, vải cao lông. Băng dính dính (khóa Velcro), nẹp hợp kim nhôm, dài 18-25cm - Tiêu chuẩn: ISO 13485:2016	Cái	100	
VT275	Nẹp cổ cứng (dùng ngoài)	Chức năng: Cố định đốt sống cổ. Chất liệu 2 mảnh mút EVA, khóa Velcro, hệ thống dán xé ngoài nhập. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Cái	90	
VT276	Nẹp cổ mềm (dùng ngoài)	Được sản xuất từ chất liệu mút xốp mềm, vải cotton nhẹ và thoáng khí. Có hệ thống khóa Velcro. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Cái	90	

Stt	Danh mục vật tư y tế	Thông số kỹ thuật (tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
VT277	Nẹp đùi	Làm từ vải cotton, vải không dệt, vải có lỗ thoáng khí. Có khóa Velcro và hệ thống thanh nẹp hợp kim nhôm được phân bố theo tư thế điều trị. Dùng sơ cứu cố định sau chấn thương, sau phẫu thuật khớp gối. Các cỡ. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Cái	360	
VT278	Bơm tiêm cân quang 1 nòng tương thích máy Medrad	01 xilanh 200ml, chất liệu nhựa PET 01 ống đổ thuốc chữ J, chất liệu LDPE, dài 250mm. 01 dây nối áp lực cao, chất liệu nhựa PVC, dài 150cm, đường kính trong 1.8mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE Tương thích với máy bệnh viện đang sử dụng	Bộ	300	
VT279	Bộ xy lanh 200ml dùng cho máy bơm tiêm điện	Bộ xilanh 200ml dùng cho máy bơm thuốc cân quang hai nòng OptiVantage. Một bộ sản phẩm đóng gói gồm: 2 xilanh 200ml bằng chất liệu PP trong suốt kèm piston bằng nhựa ABS không chứa DEHP; 2 ống lấy thuốc nhanh chữ J bằng PE; 1 dây nối áp lực cao chữ Y bằng PC và PVC dài 150cm với hai van một chiều, kết nối gồm 2 đầu female và 1 đầu luer lock. Chịu áp lực cao 350psi, luer lock. nẹp thuốc bằng ống hút nhanh. Tương thích hoàn toàn với máy bơm tiêm, có dấu chỉ phát hiện nhanh ống bơm đã được mỗi thuốc. Tiệt khuẩn bằng công nghệ E.O.	Bộ	250	
VT280	Bơm tiêm cân quang 2 nòng dùng cho máy bơm tiêm thuốc cân quang Optivantage DH máy CT 256 lát	02 xilanh 200ml, chất liệu nhựa PET 02 ống đổ thuốc chữ J, chất liệu LDPE, dài 250mm 02 đầu kim nhựa, chất liệu nhựa ABS 01 dây nối áp lực cao chữ Y, chất liệu nhựa PVC trong suốt, chiều dài 150cm, đường kính trong 1.8mm Đạt tiêu chuẩn ISO13485, CE Tương thích với máy bệnh viện đang sử dụng	Bộ	350	
VT281	Phim X-quang nha khoa 3x4cm	Kích thước 3x4cm, Phim nhạy ánh sáng, độ tương phản cao, hình ảnh rõ nét Phim X-quang nha khoa thường quy, xử lý với hóa chất rửa phim hòa tan trong điều kiện không có phòng tối	Tấm	300	
VT282	Phim MRI và DR loại in nhiệt cỡ 20x25cm	Công nghệ in phim kỹ thuật số trực tiếp DDI - Mật độ quang học: $\leq 0.25 - \geq 3.2$ - Phim nhạy sáng, không bị ảnh hưởng (hồng phim) bởi ánh sáng ban ngày - Có nền polyethylene terephthalate (PET) dày 168 μm , tương đương 80% trọng lượng, phủ một lớp muối bạc hữu cơ hàm lượng khoảng 1.0 g/m^2 trong chất kết dính lưu cơ và một lượng nhỏ các chất phụ gia, bao phủ bên ngoài bởi một lớp bảo vệ trong suốt - Phim sản xuất chính hãng và tương thích với các dòng máy in phim khô Agfa - Lưu trữ phim trước khi in ở nhiệt độ 4-25 độ C - Chứng nhận lưu hành (FSC): Châu Âu, Úc	Tấm	8.000	
VT283	Phim MRI và DR loại in nhiệt cỡ 20x25cm	- Kích cỡ: 20cm x 25cm - Phim khô kỹ thuật số công nghệ in laser - Tương thích với các dòng máy in Drypix series & Tự động nhận diện được số lượng phim thay hộp mới - Xuất xứ: Các nước công nghiệp phát triển G7 hoặc Châu Âu - Cấu tạo phim 4 lớp + Lớp trên: $\geq 86\%$ gelatin độ dày: 2.0 $\mu\text{m} \pm 0.5 \mu\text{m}$ + Lớp nền xanh: $\geq 99,5\%$ polyethylene terephthalate; độ dày: 169 $\mu\text{m} \pm 3 \mu\text{m}$ + Lớp nhạy: $\geq 36\%$ light sensitive agents; độ dày: 10.0 $\mu\text{m} \pm 1 \mu\text{m}$ + Lớp dưới: $\geq 86\%$ gelatin độ dày: 3.0 $\mu\text{m} \pm 0.5 \mu\text{m}$ - Có giấy phép bán hàng thuộc bản quyền của nhà sản xuất hoặc giấy cam kết đáp ứng hàng hóa của hãng sản xuất. - Có chứng nhận đạt tiêu chuẩn: ISO, CFS hoặc tương đương	Tấm	9.000	

Stt	Danh mục vật tư y tế	Thông số kỹ thuật (tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
VT284	Phim MRI và DR loại in nhiệt cỡ 25x30cm	<p>Công nghệ in phim kỹ thuật số trực tiếp DDI</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mật độ quang học: $\leq 0.25 - \geq 3.2$ - Phim nạp lộ sáng, không bị ảnh hưởng (hồng phim) bởi ánh sáng ban ngày - Có nền polyethylene terephthalate (PET) dày 168 μm, tương đương 80% trọng lượng, phủ một lớp muối bạc hữu cơ hàm lượng khoảng 1.0 g/m² trong chất kết dính hữu cơ và một lượng nhỏ các chất phụ gia, bao phủ bên ngoài bởi một lớp bảo vệ trong suốt - Phim sản xuất chính hãng và tương thích với các dòng máy in phim khô Agfa - Lưu trữ phim trước khi in ở nhiệt độ 4-25 độ C - Chứng nhận lưu hành (FSC): Châu Âu, Úc 	Tấm	20.000	
VT285	Phim MRI và DR loại in nhiệt cỡ 25x30cm	<p>Công nghệ in phim kỹ thuật số trực tiếp DDI</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mật độ quang học: $\leq 0.25 - \geq 3.2$ - Phim nạp lộ sáng, không bị ảnh hưởng (hồng phim) bởi ánh sáng ban ngày - Có nền polyethylene terephthalate (PET) dày 168 μm, tương đương 80% trọng lượng, phủ một lớp muối bạc hữu cơ hàm lượng khoảng 1.0 g/m² trong chất kết dính hữu cơ và một lượng nhỏ các chất phụ gia, bao phủ bên ngoài bởi một lớp bảo vệ trong suốt - Phim sản xuất chính hãng và tương thích với các dòng máy in phim khô Agfa - Lưu trữ phim trước khi in ở nhiệt độ 4-25 độ C - Chứng nhận lưu hành (FSC): Châu Âu, Úc 	Tấm	21.000	
VT286	Phim MRI và DR loại in nhiệt cỡ 35x43cm	<p>Công nghệ in phim kỹ thuật số trực tiếp DDI</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mật độ quang học: $\leq 0.25 - \geq 3.2$ - Phim nạp lộ sáng, không bị ảnh hưởng (hồng phim) bởi ánh sáng ban ngày - Có nền polyethylene terephthalate (PET) dày 168 μm, tương đương 80% trọng lượng, phủ một lớp muối bạc hữu cơ hàm lượng khoảng 1.0 g/m² trong chất kết dính hữu cơ và một lượng nhỏ các chất phụ gia, bao phủ bên ngoài bởi một lớp bảo vệ trong suốt - Phim sản xuất chính hãng và tương thích với các dòng máy in phim khô Agfa - Lưu trữ phim trước khi in ở nhiệt độ 4-25 độ C - Chứng nhận lưu hành (FSC): Châu Âu, Úc 	Tấm	15.000	
VT287	Phim MRI và DR loại in laser cỡ 35x43cm	<ul style="list-style-type: none"> - Kích cỡ: 35cm x 43cm - Phim khô kỹ thuật số công nghệ in laser - Tương thích với các dòng máy in Drypix series & Tự động nhận diện được số lượng phim thay hộp mới - Xuất xứ: Các nước công nghiệp phát triển G7 hoặc Châu Âu - Cấu tạo phim 4 lớp + Lớp trên: $\geq 86\%$ gelatin độ dày: 2.0 $\mu\text{m} \pm 0.5 \mu\text{m}$ + Lớp nền xanh: $\geq 99,5\%$ polyethylene terephthalate; độ dày: 169 $\mu\text{m} \pm 3 \mu\text{m}$ + Lớp nhạy: $\geq 36\%$ light sensitive agents; độ dày: 10.0 $\mu\text{m} \pm 1 \mu\text{m}$ + Lớp dưới: $\geq 86\%$ gelatin độ dày: 3.0 $\mu\text{m} \pm 0.5 \mu\text{m}$ - Có giấy phép bán hàng thuộc bản quyền của nhà sản xuất hoặc giấy cam kết đáp ứng hàng hóa của hãng sản xuất. - Có chứng nhận đạt tiêu chuẩn: ISO, CFS hoặc tương đương 	Tấm	16.000	

Stt	Danh mục vật tư y tế	Thông số kỹ thuật (tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
VT288	Phim khô laser 26x36cm	- Kích cỡ: 26cm x 36cm - Phim khô kỹ thuật số công nghệ in laser - Tương thích với các đồng máy in Drypix series & Tự động nhận diện được số lượng phim thay hộp mới - Xuất xứ: Các nước công nghiệp phát triển G7 hoặc Châu Âu - Cấu tạo phim 4 lớp + Lớp trên: $\geq 86\%$ gelatin độ dày: $2.0 \mu\text{m} \pm 0.5 \mu\text{m}$ + Lớp nền xanh: $\geq 99,5\%$ polyethylene terephthalate; độ dày: $169 \mu\text{m} \pm 3 \mu\text{m}$ + Lớp nhạy: $\geq 36\%$ light sensitive agents; độ dày: $10.0 \mu\text{m} \pm 1 \mu\text{m}$ + Lớp dưới: $\geq 86\%$ gelatin độ dày: $3.0 \mu\text{m} \pm 0.5 \mu\text{m}$ - Có giấy phép bán hàng thuộc bản quyền của nhà sản xuất hoặc giấy cam kết đáp ứng hàng hóa của hãng sản xuất. - Có chứng nhận đạt tiêu chuẩn: ISO, CFS hoặc tương đương	Tấm	475.000	
VT289	Phim X-quang khô laser 20x25cm	- Kích cỡ: 20cm x 25cm - Phim khô kỹ thuật số công nghệ in nhiệt - Cấu tạo phim 4 lớp: + Protective Layer: $\geq 85\%$ Polyvinyl alcohol độ dày: $1,5 \mu\text{m} \pm 0.5 \mu\text{m}$ + Film Base: $\geq 99,5\%$ polyethylene terephthalate; độ dày: $169 \mu\text{m} \pm 1 \mu\text{m}$ + Thermo-sensitive Layer: $\geq 60\%$ microcapsule; độ dày: $11.0 \mu\text{m} \pm 1 \mu\text{m}$ + Protective Layer: $\geq 70\%$ Polyvinyl alcohol độ dày: $2.0 \mu\text{m} \pm 0.5 \mu\text{m}$ - Có giấy phép bán hàng thuộc bản quyền của nhà sản xuất hoặc giấy cam kết đáp ứng hàng hóa của hãng sản xuất. - Có chứng nhận đạt tiêu chuẩn: ISO, CFS hoặc tương đương	Tấm	14.500	
VT290	Dịch lọc thận loại I (Dịch lọc A)	Can 10 lít dd đậm đặc chứa: • Natri clorid: 2708.69g • Kali clorid: 67.10g • Calciclorid.2H ₂ O: 99.24 g • Magnesi clorid.6H ₂ O: 45.75g • Acid acetic băng: 81.00g • Glucose H ₂ O : 494.99g • Nước tinh khiết vừa đủ: 10 lít Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 và EC	Can	4.700	
VT291	Dịch lọc thận loại II (Dịch lọc B)	Can 10 lít dd đậm đặc chứa: • Natri Bicarbonate: 840g • Dinatri Edetat. 2H ₂ O: 0,5 g • Nước tinh khiết vừa đủ. 10 lít Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 và EC	Can	6.000	
VT292	Dung dịch khử khuẩn máy thận nhân tạo	1000 ml chứa 500 gam acid citric khan. Tác dụng: làm sạch, khử Can- xi và khử trùng nhiệt máy chạy thận nhân tạo; diệt vi khuẩn, nấm, lao và virus (bao gồm HBV, HCV và HIV) ở 83 độ C thời gian khử khuẩn 15 phút Tiêu chuẩn chất lượng: EC	Can	130	
VT293	Dung dịch rửa màng lọc	Thành phần dung dịch chứa: - Hydrogen peroxide: 25% - Peroxyacetic acid: 5% - Acetic Acid: 9% - Nước: 61 % Công dụng: làm sạch và khử trùng màng lọc thận nhân tạo. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	Can	50	
VT294	Que thử sau rửa màng lọc	Que thử nồng độ của peroxide còn tồn dư trong đường dịch thẩm phân hoặc quả lọc sau khi khử khuẩn bằng các chất khử khuẩn axit paracetic hoặc peroxide	Que	10.000	
VT295	Que thử trước rửa màng lọc	Que thử nồng độ của axit peracetic trong dung dịch sát khuẩn quả lọc	Que	3.700	

Stt	Danh mục vật tư y tế	Thông số kỹ thuật (tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
VT296	Quả lọc máu hấp phụ, thể tích hấp phụ 330ml	Quả lọc máu hấp phụ dùng lọc các chất trung gian gây viêm và các cytokine. Chất liệu vỏ: Polycarbonate (PC). Vật liệu hấp phụ: hạt Resin, Styren-Divinylbenzen Copolymers liên kết ngang kép (Double Cross-linked Styrene-divinylbenzene Copolymers), có phủ Colledion. Thể tích hấp phụ: 330ml. Tốc độ máu tối đa 700ml/phút. Dài hấp phụ: 10kDa-60kDa. Độ chịu lực của hạt hấp phụ 8.1N. Đạt Tiêu chuẩn CE (MDR) do tổ chức/cơ quan được Cơ quan Y tế Châu Âu (EMA) chấp thuận cấp. Phương pháp tiệt trùng: Chiếu xạ (bức xạ tia Gamma).	Quả	60	
VT297	Quả lọc hấp phụ HA 130	Quả lọc máu hấp phụ dùng để hấp phụ độc tố ure. Chất liệu vỏ: Polycarbonate (PC). Vật liệu hấp phụ: hạt Resin, Styren-Divinylbenzen Copolymers liên kết ngang kép (Double Cross-linked Styrene-divinylbenzene Copolymers), có phủ Colledion. Thể tích hấp phụ: 130ml. Tốc độ máu tối đa 450ml/phút. Dài hấp phụ: 5-30kDa. Độ chịu lực của hạt hấp phụ 8.1N. Đạt Tiêu chuẩn CE (MDR) do tổ chức/cơ quan được Cơ quan Y tế Châu Âu (EMA) chấp thuận cấp. Phương pháp tiệt trùng: Chiếu xạ (bức xạ tia Gamma).	Quả	100	
VT298	Dây nối quả giữa quả hấp phụ và quả lọc	Chất liệu dây: nhựa PVC y tế, không gây kích ứng, không Latex, không có chất gây sốt. Mặt trong của thành ống trơn, nhẵn giúp giảm lực cản của máu và hiện tượng đóng cặn. Ống dây mềm dẻo bảo thoát máu. Kích thước dây: đường kính trong là 4,4mm, đường kính ngoài là 6,7mm, độ dài dây là 800mm. Tương thích với các loại máy. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, EC	Cái	109	
VT299	Bộ dây dẫn kèm quả lọc máu liên tục dùng cho máy Omni loại OMNIset 1.6m2	- Bao gồm các đoạn ống, dây dẫn và bầu khí được lắp sẵn trên tấm kit để tải tự động trên máy - Sản phẩm bao gồm tấm kit gồm phần trung tâm và hai cửa xoay bên có tích hợp các thành phần sau: + Dây dẫn động mạch có các dây dẫn phụ chứa citrate/heparin, công chọc kim để lấy máu và đầu nhọn + Dây dẫn máu tĩnh mạch có dây dẫn phụ chứa can-xi và túi chứa 2l chất thải dịch môi + Dây dẫn dịch thẩm tách kèm túi làm ấm + Dây dẫn dịch xả + Dây dẫn dịch bù + Túi dịch thải 7l + Màng lọc tương thích máy tại đơn vị + 05 bộ đo áp lực lọc khí bằng áp suất kèm màng lọc 0,2 µm + Toàn bộ quả lọc và phụ kiện đi kèm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide. - Lưu lượng dịch thẩm tách tối đa 8000 ml/giờ - Lưu lượng máu tối đa: 500 ml/phút hoặc 250ml/phút với chống đông vùng bằng Citrate - Dải áp lực: -400 mmHg lên tới +500 mmHg - Đạt tiêu chuẩn ISO, CE (hoặc tương đương).	Bộ	100	

Stt	Danh mục vật tư y tế	Thông số kỹ thuật (tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
VT300	Bộ dây dẫn kèm quả lọc máu liên tục dùng cho máy Omni loại OMNIset plus 1.6m2	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ dây máu kèm đầu nối mờ và màng lọc tối thiểu 1.6m2 cho liệu pháp CVVHD, CVVHDF, kết hợp với lọc máu hấp phụ, bao gồm: + Dây dẫn động mạch có các dây dẫn phụ chứa citrate/heparin; + Dây dẫn tĩnh mạch có dây dẫn phụ chứa canxi và túi chứa ít nhất 2 lít chất thải dịch môi; + Dây dẫn dịch thấm tách kèm túi làm ấm; + Dây dẫn dịch thải kèm công lấy mẫu; + Dây dẫn dịch bù; + Túi dịch thải 7 lít; + 5 Bộ đo áp lực kèm màng lọc 0,2µm. + Tiệt trùng bằng Ethylene Oxide. - Lưu lượng dịch thấm tách tối đa: 8000 ml/giờ - Lưu lượng máu tối đa: 500 ml/phút hoặc 250ml/phút với chống đông vùng bằng Citrate - Dải áp lực: -400 mmHg lên tới + 500 mmHg - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 - Tiêu chuẩn chế tạo: chứng nhận CE 	Bộ	60	
VT301	Túi xả dùng cho máy Omni	<ul style="list-style-type: none"> - Túi đựng dung dịch xả thể tích 7000ml: là một phụ kiện nằm trong bộ Quả lọc kèm dây dẫn máu (đã bao gồm 1 túi) - Đạt tiêu chuẩn ISO, CE (hoặc tương đương). 	Túi	10	
VT302	Kim chạy thận nhân tạo các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> - Kim AVF 16G*1. Chiều dài dây 30cm, làm bằng nhựa PVC không chứa chất phụ gia DEHP, ống dây có ID 3.5mm, OD 5.5mm, mặt trong dây trơn láng ngăn chặn máu đông tụ. Cánh bướm mềm, dễ cầm, dễ dán bằng dính, xoay được 360°. - Kích thước kim 16G dài 25mm được làm từ thép y tế không gỉ SUS 304, thành mỏng, đầu kim sắc nhọn được phủ silicone - Trục bánh xe xoay được, gờ chống trượt. Có đầu nối Luer- lock kết nối được với tất cả các loại dây chạy thận. Trên dây dẫn có khóa chặn dòng điều chỉnh lưu lượng dòng chảy. - Phân biệt cỡ kim theo màu sắc của cánh kim, trên cánh có gờ chống trượt và cỡ kim in nổi. - Đóng gói từng cái (một mặt giấy, một mặt trong suốt). Tiệt trùng bằng EO gas - Ống kim được cấu tạo từ thép y tế 	Cái	30.000	
VT303	Bộ tiệt trùng dùng trong chạy thận nhân tạo	<ul style="list-style-type: none"> Bao gồm: <u>Gói 1:</u> Gạc thận nhân tạo 3,5 x 4,5 cm x 40 lớp: 2 cái (được làm từ gạc hút nước 100% cotton có độ thấm hút cao, có chỉ số sợi dọc và ngang là 32/1. Khả năng hút nước: Trung bình 1 gam gạc giữ được từ 5 gam nước trở lên) <u>Gói 2:</u> - Khăn trải chống thấm 45cm x 60cm : 01 cái (chất liệu liệu là màng PE mặt trên bán thấm có khả năng thấm hút, mặt dưới chống thấm.) - Gạc lót đốc kim 3,5 x 5 cm x 4 lớp: 2 cái (Nguyên liệu gạc không dẹt thấm nước, màu trắng) - Gạc phẫu thuật không dẹt 7,5 x 7,5 cm x 6 lớp : 4 cái (Nguyên liệu gạc không dẹt thấm nước, màu trắng). - Đóng gói: túi ép, hàn kín miệng, không rò rỉ Tiệt trùng bằng EO gas Tiêu chuẩn: FDA, CE, 13485 	Bộ	15.000	

Stt	Danh mục vật tư y tế	Thông số kỹ thuật (tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
VT304	Bộ dây máu chạy thận 4 trong 1	Bộ dây chạy thận nhân tạo gồm: Động mạch và Tĩnh mạch. Kèm phin lọc khí Transducer Protector, dây truyền dịch 1500mm và túi xả 2000ml. - Ống dây được làm nhựa PVC theo tiêu chuẩn y tế, không chứa Latex, không chứa DEHP thay thế bằng DOTP an toàn và tương thích với nhiều loại máy chạy thận. 1. Động mạch: - Dây chủ ID 4.6mm - OD 6.8mm - Đường kính dây bơm máu khoảng 8.0mm*12mm*400mm - Bầu chứa loại trung 22mm - Có nhánh đo áp lực trước màng, dây bơm thuốc. 2. Tĩnh mạch: - Dây chủ ID 4.6mm - OD 6.8mm - Bầu chứa loại trung 22mm gồm lưới lọc bên trong bầu với đường kính lỗ khoảng 0.23mm. Có nhánh đo áp lực - Các đầu nối, khóa kẹp, nắp đậy làm: nhựa PP/PE dùng trong y tế. - Thể tích làm đầy ≥ 160 ml - Bao bì đóng gói thân thiện môi trường (một mặt giấy, một mặt trong suốt) - Tiệt khuẩn bằng EO, Đạt CE	Bộ	14.000	
VT305	Màng lọc nước cho máy lọc thận, diện tích màng 2.2m ² , chất liệu Polysulfone	Màng lọc dịch Diasafe, Polysulfone, diện tích màng 2.2 m ² . Dùng cho máy chạy thận nhân tạo model 4008S	Cái	40	
VT306	Màng lọc thận Highflux, diện tích màng 2.1 m ²	Nguyên liệu: màng lọc làm từ sợi Polynephron, không chứa Bisphenol-A(BPA) và DEHP. Diện tích: 2.1 m ² . Thể tích mỗi: 127mL. Hệ số siêu lọc: KUF: 82 (mL/giờ/mmHg).TMP: 500mmHg. Độ dày thành sợi: 40 μ m. Vỏ quả lọc: Polypropylene. Độ thanh thải (Qb: 300ml/min): Ure: 291 ml/min Creatinine : 275 ml/min Phosphate: 265 ml/min Vitamin B12: 206 ml/min Tiệt trùng: Tia Gamma Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, EC	Cái	500	
VT307	Màng lọc thận Highflux, diện tích màng 2.0 m ²	Màng lọc thận High Flux; chất liệu: amembris; tiệt khuẩn bằng tia Gamma; diện tích bề mặt 2.0 m ² , thể tích mỗi : 119 ml , hệ số siêu lọc =111 (ml/h/mmHg) Qb=300ml/ phút; Độ thanh thải: Ure = 287 ml/phút, Creatinine = 271 ml/phút, Phosphat = 271 ml/phút, Vit B12 = 195 ml/phút; Hệ số sàng 2-microglobulin > 0.8; Albumin < 0.001	Cái	200	
VT308	Màng lọc thận Highflux, diện tích màng 1,9 m ²	Chất liệu màng Helixone. Sợi màng được sản xuất theo công nghệ Nano - controlled spinning. Diện tích màng 1,8m ² . Chất liệu vỏ bọc polypropylene. Thể tích mỗi 95ml. Độ thanh thải ở tốc độ máu 300ml/phút: Urea 279, Creatinin 259. Hệ số siêu lọc (được đo trên máu người) 53 (ml/h x mmHg). Hệ số sàng lọc: Beta2microglobulin (B2M)=0,7, Albumin <0,001. Phương pháp tiệt trùng hơi nước trong lồng sợi Inline steam.	Cái	1.000	
VT309	Màng lọc thận Lowflux, diện tích màng 1,9 m ²	Màng lọc thận Low Flux; chất liệu: α Polysulfone Pro; tiệt khuẩn tia Gamma không ôxy; diện tích bề mặt 1,9 m ² , thể tích mỗi : 120 ml , kuf =17 ml/h/mmHg. Tốc độ máu Qb=300ml/phút, Tốc độ dịch Qd= 500ml/phút; độ thanh thải: Ure 276 ml/phút, Creatinin 254 ml/phút, Phosphate 203 ml/phút, Vitamin B12: 125 ml/phút	Cái	1.200	
VT310	Màng lọc thận, diện tích màng 1.8 m ²	Quả lọc Helixone , diện tích 1,8m ² , hệ số siêu lọc 14, Thể tích mỗi 95 ml. Thanh thải (Urea: 303, Creatinine: 260, Phosphate: 233, Vitamin B12: 146). Độ dày thành 35 μ m, đường kính sợi 185 μ m. Tiệt trùng bằng hơi nước từng sợi màng Inline.	Cái	300	

Stt	Danh mục vật tư y tế	Thông số kỹ thuật (tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
VT311	Quả lọc thận Super Highflux 17 m ² (sợi Polynephron) ELISIO-17HX	Nguyên liệu: màng lọc làm từ sợi Polynephron, không chứa Bisphenol-A(BPA) và DEHP. Diện tích: 1.7 m ² . Thể tích mỗi: 102mL. Hệ số siêu lọc: KUF: 67 (mL/giờ/mmHg). Độ dày thành sợi: 40 μm. Vỏ quả lọc: Polypropylene. Độ thanh thải (với Qb: 300ml/min): Ure: 282 ml/min Creatinine : 270 ml/min Phosphate: 255 ml/min Vitamin B12: 195 ml/min Myoglobin: 116 ml/min β ₂ -Microglobulin = 1 Inulin = 1 Albumin = 0.0024 Tiệt trùng: Tia Gamma Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, EC	Cái	200	
VT312	Màng lọc thận Highflux, diện tích màng 1,7 m ²	Nguyên liệu: màng lọc làm từ sợi Polynephron, không chứa Bisphenol-A(BPA) và DEHP. Diện tích: 1,7 m ² . Thể tích mỗi: 105mL. Hệ số siêu lọc: KUF: 74 (mL/giờ/mmHg). TMP: 500mmHg. Độ dày thành sợi: 40 μm. Vỏ quả lọc: Polypropylene. Độ thanh thải (với Qb: 300ml/min): Ure: 285 ml/min Creatinine : 268 ml/min Phosphate: 254 ml/min Vitamin B12: 190 ml/min Tiệt trùng: Tia Gamma Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, EC	Cái	1.000	
VT313	Màng lọc thận Lowflux, diện tích màng 1,7 m ²	Nguyên liệu: màng lọc làm từ sợi Polynephron, không chứa Bisphenol-A(BPA) và DEHP. Diện tích: 1.7 m ² . Thể tích mỗi: 104mL. Hệ số siêu lọc: KUF: 18 (mL/giờ/mmHg). TMP: 500mmHg. Độ dày thành sợi: 40 μm. Vỏ quả lọc: Polypropylene Độ thanh thải (với Qb: 300ml/min): Ure: 267 ml/min Creatinine : 246 ml/min Phosphate: 205 ml/min Vitamin B12: 124 ml/min. Tiệt trùng: Tia Gamma Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, EC	Cái	800	
VT314	Màng lọc thận Ultra	Màng Polysulfone khả năng hấp thụ cao, có khả năng loại bỏ vi khuẩn và nội độc tố > 10 ⁶ IU /ml, tuổi thọ màng lọc : 150 lần chạy thận/ khoảng 900 giờ, có tính ổn định cao tương thích với máy Dialog +	Cái	90	
VT315	Catheter chạy thận nhân tạo 2 nòng, các cỡ	*Catheter chạy thận 2 nòng 12Fr, bao gồm : -Thân catheter nguyên liệu Polyurethan, đặc biệt hai nhánh nối phụ nguyên liệu silicon mềm, trong suốt giúp dễ quan sát và an toàn, chiều dài 16cm hoặc 20cm -Đầu tip mềm thiết kế hình nón giúp đưa vào dễ dàng, ngăn ngừa chấn thương -Các phụ kiện khác: Dây dẫn đường Nitinol đầu J 0.035" x 70cm, 2 Cây nong 10Fr x 15cm và 11.5Fr x 20cm, Bơm tiêm 5ml, Kim Y dẫn đường 18G x 7cm, Dao mổ số 11 * Thể tích mỗi A(động mạch)=1.4cc, V(tĩnh mạch)=1.5cc * Tốc độ dòng: 12Fx16cm V= 261~334 ml/phút, A= 252~322 ml/phút 12Fx20cm V= 239~305 ml/phút, A= 243~311 ml/phút	Bộ	110	

Stt	Danh mục vật tư y tế	Thông số kỹ thuật (tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
VT316	Catheter cổ hầm dùng trong lọc máu lại	<p>1. Chất liệu: catheter làm bằng polyurethane, có cân quang</p> <p>2. Thông số kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chiều dài từ đầu tip đến cuff là 15-27 cm, đường kính 14.5Fr, đường kính gấp cong trung bình là 1.04 inch - Tốc độ dòng chảy lên đến 500 ml/phút - Các bộ phận đi kèm: 01 thông luồn catheter 15Fr có van khóa khí tự động, 01 cây nong 10-12Fr, 01 stylet (rùi chọn), 01 cây tạo đường hầm, 02 nắp dây, 01 cây nong 8Fr, 01 dây guidewire 0.038", 01 kim dò 18G và 02 băng gạc 2x2 inch, có dao <p>3. Đặc tính, tính năng kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đầu catheter thiết kế đối xứng hạn chế sự tái lọc, tỷ lệ tái lọc bằng hoặc dưới 1%; trên 4 lỗ bên, van khóa khí tự động ngăn ngừa truyền tắc khí và máu trào ngược. <p>4. Tiêu chuẩn: FDA, ISO 13485</p>	Cái	15	
VT317	Kim gây tê hậu nhãn cầu	Sử dụng bơm tiêm có kim dài 3 cm, mũi kim đi vuông góc với da, tiêm sâu được 1cm	Cái	300	
VT318	Thuốc nhuộm bao trong mô Phaco	Dung dịch nhuộm bao Trypan Blue 0.06%, Lọ 1ml. Dung dịch màu xanh chứa trong lọ thủy tinh, tiệt trùng	Lọ	60	
VT319	Dao phẫu thuật 15°	Dao mổ phụ (Stab Knifes) 15 độ, Chọc tiền phòng trong mô Phaco, vật liệu: lưỡi thép không gỉ, cán nhựa. Hộp 05 cái, Được đóng gói vô trùng từng cái.	Cái	500	
VT320	Bộ dao mổ phaco (Dao mổ mắt 2.8mm)	<p>Dao mổ mắt chính 2.2mm/2.4mm/2.8mm/3.0mm/3.2mm (Clear Corneal Knifes):</p> <p>Lưỡi dao: thép không gỉ, vát 2 mặt (vát đôi) gấp góc 45 độ</p> <p>Cán dao nhựa: Polybutylene Terephthalate</p> <p>Toàn bộ dao mổ được đựng trong khay bảo vệ có chất liệu Polycarbonate</p> <p>Đóng gói vô trùng.</p>	Cái	500	
VT321	Cassette cho máy Phaco Visalis 500	<ul style="list-style-type: none"> - Cassette quản lý dịch với túi đựng dịch - Tương thích với máy phaco Visalis 500 	Cái	60	
VT322	Chất nhầy, dung dịch hỗ trợ dùng trong phẫu thuật đặt thủy tinh thể nhân tạo	<p>1- Dịch nhầy mô Phaco</p> <p>2- Tính năng kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành phần: Natri Hyaluronate 2% (20mg/ml) - Trọng lượng phân tử: 3.000.000 daltons. - Độ thẩm thấu: 300 – 350 mOsm/kg. - Độ pH: 6.8 đến 7.6. - Độ nhớt: 900.000 mPas. - Độ dẻo: 240 - Sử dụng trong phẫu thuật đục thủy tinh thể. - Quy cách: ống 1.1ml, đóng gói tiệt trùng (EO). <p>3- ISQ 13485, CE</p>	Cái	500	

Stt	Danh mục vật tư y tế	Thông số kỹ thuật (tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
VT323	Thủy tinh thể đa tiêu	<p>*Thủy tinh thể nhân tạo mềm, một mảnh, đa tiêu điểm kéo dài tiêu điểm EDOF, dải tiêu điểm liên tục.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dải công suất: từ +5.0D tới +30.0D (bước chuyển +0.5D) - Đường kính phần quang học 6.0mm - Chiều dài thủy tinh thể 10.8mm hoặc 12.4mm - Chỉ số Abbe: 42.8 - pACD: 5.20 - Chỉ số khúc xạ: 1.457 tại 35 độ C. - Thiết kế phần quang học: g hỗ trợ nhìn gần: +3.0D - Khả năng lọc tia cực tím: Tại bước sóng 370nm - liên tục phòng ngừa đục bao sau. - Thiết kế càng: 2 Càng kín không gấp góc - Chất liệu: Acrylic ưa nước (chứa 26% nước) - Đóng gói: Đóng vỉ plastic - Kích thước vết mổ : Từ 2.2 mm - Hãng số A: 118.5 - Dụng cụ kèm theo : Cartridge và injector - Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE - Xuất xứ: Châu Âu 	Cái	50	
VT324	Thủy tinh thể đơn tiêu	<p>1- Thủy tinh thể nhân tạo đơn tiêu 1 mảnh</p> <p>2- Tính năng kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: 25% Hydrophilic Acrylic - Lọc tia UV, ánh sáng tím và ánh sáng xanh - Thiết kế Optic: đơn tiêu, phi cầu - Đường kính Optic: 6.00 mm - Thiết kế Haptic: Tấm Haptic - Kích thước Haptic: 11.00 mm - Góc Haptic: 0 độ - Hãng số A: 118.0, Srk-T: 118.7, Srk-II: 119.0 - Chỉ số abe: 58 - Phạm vi diop: Từ -20.00D đến +45.00D (0.50D gia số). - Chỉ số khúc xạ ướt: 1.462 (589 nm) - Injector được đề xuất: Acrijet FLY 1.8 (tới 22.5 D), Acrijet FLY 2.2 (tới 32.00 D) - Hộp 1 cái 3- ISO 13485, CE 	Cái	500	
VT325	Dung dịch chà ri sét	<p>Công dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm sáng bóng dụng cụ - Loại bỏ vết mờ ở gi sét - Có khả năng tái tạo lớp Crom oxit trên bề mặt dụng cụ sau khi đánh gi/khử ở màu để tránh nhanh bị gi sét trở lại - Thu động hoá dụng cụ mới <p>Sử dụng được với bề rửa siêu âm, bồn ngâm và máy rửa khử khuẩn tự động</p> <p>Nồng độ sử dụng: 10-20%</p> <p>Thời gian ngâm: 30 - 60 phút</p> <p>Thành phần: Axit Nitric ($\geq 1 - < 5\%$) và Axit Phosphoric ($\geq 15 - < 30\%$), chất hoạt động bề mặt</p>	Can	67	
VT326	Hóa chất làm khô dụng cụ	<p>Công dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ làm khô, làm bóng dụng cụ, tránh tạo thành đốm nước trên bề mặt dụng cụ - Sử dụng cho máy rửa khử khuẩn tự động <p>Thành phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> Axit citric (% theo khối lượng): $\geq 15\%$ Chất hoạt động bề mặt không ion: $\leq 10\%$ Nồng độ sử dụng tối đa: $\leq 1.5\text{ mL/L}$ pH của dung dịch pha loãng ở nồng độ sử dụng (0.1%): ≤ 3.0 	Lít	10	

Stt	Danh mục vật tư y tế	Thông số kỹ thuật (tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
VT327	Hóa chất ngâm dụng cụ	-Thành phần chính: phức hợp phenolic tổng hợp (Aryphenol và halogen alkylphenol), polyphosphate, trisodium phosphate, chất rửa tan máu, chất chống ăn mòn dụng cụ. -Tác dụng: là chất khử khuẩn có phổ diệt khuẩn rộng, có thể diệt tất cả virus (gồm Hepatitis B và HIV), vi khuẩn (gồm Tuberculosis) và nấm.	Gói	3.000	
VT328	Bình kèm tiêm	Bình Cắm Pen Inox Φ 5x14cm	Cái	130	
VT329	Bình kèm tiếp liệu (bình kèm tiêm, loại cao)	Bình Cắm Pen Inox Φ 5x16cm	Cái	80	
VT330	Hộp đựng vật sắc nhọn y tế 6,8 Lit	Chất liệu: Nhựa HDPE, kháng trùng. - Kích thước: 32 x 13.5 x 30.5cm - Màu sắc: Màu vàng y tế, nắp đỏ - Tiêu chuẩn: + Thân bình có đường kẻ ngang ở mức 3/4 + Phía dưới có biểu tượng và dòng chữ chỉ định vật sắc nhọn. + Miệng bình thiết kế dạng răng cưa và đủ lớn để cho vật sắc nhọn mà không cần lực đẩy. + Nắp có thể đóng mở và có khóa cài chắc chắn. + Có tay xách	Cái	4.000	
VT331	Hộp đựng vật sắc nhọn y tế 1,5 lit	Chất liệu: Nhựa HDPE, kháng trùng. - Kích thước: 10 x 10 x 20cm - Màu vàng y tế, nắp đỏ - Nắp bình kín, miệng bình thiết kế dạng răng cưa và có lỗ thày kim. - Tiêu chuẩn: + Thân bình có đường kẻ ngang ở mức 3/4 và phía trên có dòng chữ: "không chứa quá vạch này" + Phía dưới có biểu tượng và dòng chữ chỉ định vật sắc nhọn. + Miệng bình thiết kế dạng răng cưa và đủ lớn để cho vật sắc nhọn mà không cần lực đẩy. + Nắp có thể đóng mở và có khóa cài chắc chắn. + Có tay xách - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001; ISO 13485; ISO 14001	Cái	3.500	
VT332	Hộp gòn	Hộp đựng gòn inox Φ 8.5 x 7 cm	Cái	117	
VT333	Khay quả đậu lớn	Kích thước 26 x 13x 3.5 cm (\pm 5%) Chất liệu Inox. Năm sản xuất thiết bị: 2024 trở về sau. Mới 100%	Cái	48	
VT334	Khay quả đậu nhỏ	Kích thước 21x10 x 2,5 cm (\pm 5%) Chất liệu Inox. Năm sản xuất thiết bị: 2024 trở về sau. Mới 100%	Cái	32	
VT335	Kềm cong không máu 16cm	Kích thước: 16cm (\pm 5%), hai đầu cong Chất liệu thép không gỉ. tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất thiết bị: ISO 13485. ISO 9001. Năm sản xuất thiết bị: 2024 trở về sau. Mới 100%	Cái	100	
VT336	Kềm thẳng có máu 16cm	Kích thước: 16cm (\pm 5%) Chất liệu thép không gỉ. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất thiết bị: CE. ISO 13485. ISO 9001. Năm sản xuất thiết bị: 2024 trở về sau. Mới 100%	Cái	60	
VT337	Kềm thẳng không máu 16cm	Kích thước: 16cm (\pm 5%) Chất liệu thép không gỉ. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất thiết bị: CE. ISO 13485. ISO 9001. Năm sản xuất thiết bị: 2024 trở về sau. Mới 100%	Cái	115	

Stt	Danh mục vật tư y tế	Thông số kỹ thuật (tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
VT338	Kéo cắt chỉ cong	Kích thước : 16cm (±5%), Hai đầu cong mũi nhọn Chất liệu thép không gỉ, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất thiết bị: ISO 13485. ISO 9001. Năm sản xuất thiết bị: 2024 trở về sau. Mới 100%	Cái	162	
VT339	Kéo cắt chỉ thẳng	Kích thước : 16cm (±5%), Hai đầu thẳng mũi nhọn Chất liệu thép không gỉ, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất thiết bị: ISO 13485. ISO 9001. Năm sản xuất thiết bị: 2024 trở về sau. Mới 100%	Cái	137	
VT340	Nhíp có máu	Nĩa có máu : 1x2 răng Kích thước: 16cm (±5%), Chất liệu thép không gỉ Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất thiết bị: ISO 13485. ISO 9001.CE. Năm sản xuất thiết bị: 2024 trở về sau. Mới 100%	Cái	40	
VT341	Nhíp không máu	Nĩa không máu Kích thước: 16cm (±5%), Chất liệu thép không gỉ Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất thiết bị: ISO 13485. ISO 9001.CE. Năm sản xuất thiết bị: 2023 trở về sau. Mới 100%	Cái	160	
VT342	Mâm tiêm lớn	Chất liệu inox 304. Khay inox 22x32cm hoặc Khay inox 30x40cm	Cái	19	
VT343	Mâm tiêm nhỏ	Chất liệu inox 304. Khay inox 9x18cm hoặc Khay inox 13x22cm	Cái	37	
VT344	Bộ tiêu phẫu		Bộ	10	
VT345	Bộ phụ kiện máy	Bộ phụ kiện bao gồm: 1. 12 Cuộn giấy in kết quả tiết khuẩn 2. 03 Băng mực in kết quả tiết khuẩn (ruy-băng) 3. 06 đĩa nhựa khuếch tán hóa chất máy ST100S 4. 12 hộp thu cassette thải	Bộ	1	
VT346	Dung dịch khử khuẩn mức độ cao dụng cụ y tế	- Thành phần : Ortho-Phthalaldehyde 0.55% , Ph = 7.2-8.2 , không gây ăn mòn dụng cụ , có băng tương thích chất liệu dụng cụ. Tái sử dụng trong vòng 14 ngày , phần còn lại trong bình có thể sử dụng trong vòng 75 ngày sau khi mở nắp, có que thử kèm theo. Khử khuẩn mức độ cao ngâm trong 5 phút. - Công dụng: dung dịch khử khuẩn mức độ cao cho các loại dụng cụ y tế thiết yếu sử dụng nhiều lần, các loại dụng cụ chịu nhiệt, không chịu nhiệt, dùng cho các loại dụng cụ nội soi bằng máy rửa, khử khuẩn ống nội soi. - Có giấy phép lưu hành do cục quản lý môi trường bộ y tế cấp - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016, ISO 9001:2015	Can	418	
VT347	Enzyme làm sạch dụng cụ rửa bằng máy (Hóa chất sử dụng cho máy rửa dụng cụ)	Công dụng: Làm sạch chứa enzyme và kiềm nhẹ cho máy rửa khử khuẩn tự động Thành phần tối thiểu: Enzymes (proteases) 1.5-2.0 % theo khối lượng, Chất hoạt động bề mặt 1-5% theo khối lượng Chất hỗ trợ hòa tan, chất bảo quản, chất tạo phức, tạo kiềm,... Đặc tính: Ít bọt, không yêu cầu trung hòa Tương thích tất cả các loại vật liệu thiết bị y tế, bao gồm cả nhôm và nhôm anod,... Đáp ứng kiểm nghiệm về độc tính tế bào pH của dung dịch sử dụng: 10.0 ± 4% Có thể sử dụng với tất cả các loại nước (RO, nước mềm, nước cứng) Nồng độ sử dụng tối thiểu đối với nước RO: ≤ 1 mL/L	Lít	315	
VT348	Băng đựng CASSETTE đựng hóa chất cho máy Sterrad	- Băng đựng hóa chất H2O2 dùng cho máy tiệt trùng nhiệt độ thấp STERRAD 100S - Mỗi băng gồm 10 cell mỗi cell chứa 1,8ml H2O2 58%	Băng	270	

Stt	Danh mục vật tư y tế	Thông số kỹ thuật (tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
VT349	Que test kiểm tra pha rửa của máy rửa và khử khuẩn tự động	Chỉ thị Browne STF được thiết kế theo tiêu chuẩn ISO 15883. Kiểm tra tải và làm sạch cho máy rửa khử khuẩn dụng cụ. Browne STF Load Check được thiết kế để sử dụng trong mọi chu kỳ, chỉ báo được đặt trong giá đỡ, được nạp vào giỏ cùng với các dụng cụ. Chỉ báo Kiểm tra tải Browne STF được in bằng màu đỏ tươi công thức "chất bẩn" an toàn để xử lý, dễ nhìn và đọc kết quả. Kích thước: 100mmx50mm Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016 & ISO EN 13485:2016	Que	2.200	
VT350	Que test sử dụng cho máy nhiệt độ cao	Que thử hóa học đa thông số dùng trong máy tiệt khuẩn nhiệt độ cao không có than chì và độc tố. An toàn và thân thiện với môi trường. Màu thay đổi từ trắng sang đen trong 3 phút ở 134 °C hoặc 8 phút ở 121 °C. Kích thước: 142mm x 15mm. Hạn sử dụng: 5 năm Test chỉ thị hóa học Browne được phân loại theo ISO 11140-1 nhóm 4, ISO 13485:2016 & ISO EN 13485:2016	Que	40.000	
VT351	Que test sử dụng cho máy nhiệt độ thấp	Que chỉ thị hóa học dùng cho máy tiệt khuẩn hydrogen Peroxide, đảm bảo kiểm tra nồng độ hydrogen peroxide trong mỗi gói dụng cụ trong quá trình khử khuẩn, dùng để phân biệt giữa dụng cụ đã khử khuẩn và chưa khử khuẩn bằng cách thay đổi que thử từ màu đỏ tươi/hồng sang màu cam/vàng. Kích thước: 70mmx22mm Đạt tiêu chuẩn ISO 11140-1, FDA, Chứng nhận CE, ISO 13485:2016	Que	10.000	
VT352		Băng keo chỉ thị nhiệt dùng trong máy hấp ướt đi kèm chỉ thị. Không chứa chì Độ dày: 0.14mm, độ bám dính 19N /25mm, sức căng: 87N / 25mm, độ giãn: 7% Kích thước 18mm x50m Chuyển từ màu xanh sang đen hoặc nâu Đạt tiêu chuẩn ISO 11140-1 Nhóm 1, ISO 13485:2016 & ISO EN 13485:2016	Cuộn	120	
VT353	Túi ép tiệt trùng cho máy nhiệt độ cao 100mm x 200mm (hoặc tương đương)	Túi ép dùng cho máy tiệt trùng kích thước 100mm x 200mm Chất liệu: *Màng ép bằng PET và PP, độ dày (trọng lượng màng ép là 53±5g/m2 PP: 40±5µm, PET: 12±2µm) Tiêu chuẩn Châu Âu EN 868-3 *Giấy y tế là 60 g/m2, độ dày 83±5µm, độ xốp 1000ml/mn; độ thấm khí 11.4µm/(Pa.s), độ bền kéo/MD: 2.1kN/m, độ bền kéo/CD: 1.1kN/m, độ xé rách 600-650±200mN Độ pH: 5.0-8.0, Hàm lượng Clorua <0.05%, Sunfat <0.25% Có chỉ thị màu (chuyển màu đồng nhất sau khi tiệt khuẩn) Có 3 mỗi hàn độc lập, màng ép PET/PP 5 lớp không bị rách. Không chứa chì, kim loại nặng và vật liệu độc hại. Nhiệt độ hàn túi: 180±5 °C Sử dụng cho các máy tiệt khuẩn hơi nước, EO và formaldehyde Sản phẩm được kiểm tra đạt tiêu chuẩn ISO 11607-1, ISO 11140-1 and EN 868-5 Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Cuộn	30	

Stt	Danh mục vật tư y tế	Thông số kỹ thuật (tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
VT354	Túi ép tiệt trùng cho máy nhiệt độ cao 150mm x 200m (hoặc tương đương)	Túi ép dùng cho máy tiệt trùng kích thước 150mm x 200m Chất liệu: *Màng ép bằng PET và PP, độ dày (trọng lượng màng ép là 53±5g/m ² PP: 40±5µm, PET: 12±2µm) *Giấy y tế là 60 g/m ² , độ dày 83±5µm, độ xốp 1000ml/mn; độ thấm khí 11.4µm/(Pa.s), độ bền kéo/MD: 2.1kN/m, độ bền kéo/CD: 1.1kN/m, độ xé rách 600-650±200mN Độ pH: 5.0 -8.0, Hàm lượng Clorua <0.05%, Sunfat<0.25% Có chỉ thị màu (chuyển màu đồng nhất sau khi tiệt khuẩn) Có 3 mối hàn độc lập, màng ép PET/PP 5 lớp không bị rách. Không chứa chì, kim loại nặng và vật liệu độc hại. Nhiệt độ hàn túi: 180±5 °C Sử dụng cho các máy tiệt khuẩn hơi nước, EO và formaldehyde Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 .	Cuộn	100	
VT355	Túi ép tiệt trùng cho máy nhiệt độ cao 200mmx 200m (hoặc tương đương)	Túi ép dùng cho máy tiệt trùng kích thước 200mm x 200m Chất liệu: *Màng ép bằng PET và PP, độ dày (trọng lượng màng ép là 53±5g/m ² PP: 40±5µm, PET: 12±2µm) Tiêu chuẩn Châu Âu EN 868-3 *Giấy y tế là 60 g/m ² , độ dày 83±5µm, độ xốp 1000ml/mn; độ thấm khí 11.4µm/(Pa.s), độ bền kéo/MD: 2.1kN/m, độ bền kéo/CD: 1.1kN/m, độ xé rách 600-650±200mN Độ pH: 5.0 -8.0, Hàm lượng Clorua <0.05%, Sunfat<0.25% Có chỉ thị màu (chuyển màu đồng nhất sau khi tiệt khuẩn) Có 3 mối hàn độc lập, màng ép PET/PP 5 lớp không bị rách. Không chứa chì, kim loại nặng và vật liệu độc hại. Nhiệt độ hàn túi:180±5 °C Sử dụng cho các máy tiệt khuẩn hơi nước , EO và formaldehyde Sản phẩm được kiểm tra đạt tiêu chuẩn ISO 11607-1, ISO 11140-1 and EN 868-5 Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 .	Cuộn	250	
VT356	Túi ép tiệt trùng cho máy nhiệt độ cao 250mm x 200m (hoặc tương đương)	Túi ép dùng cho máy tiệt trùng kích thước 250mm x 200m Chất liệu: *Màng ép bằng PET và PP, độ dày (trọng lượng màng ép là 53±5g/m ² PP: 40±5µm, PET: 12±2µm) *Giấy y tế là 60 g/m ² , độ dày 83±5µm, độ xốp 1000ml/mn; độ thấm khí 11.4µm/(Pa.s), độ bền kéo/MD: 2.1kN/m, độ bền kéo/CD: 1.1kN/m, độ xé rách 600-650±200mN Độ pH: 5.0 -8.0, Hàm lượng Clorua <0.05%, Sunfat<0.25% Có chỉ thị màu (chuyển màu đồng nhất sau khi tiệt khuẩn) Có 3 mối hàn độc lập, màng ép PET/PP 5 lớp không bị rách. Không chứa chì, kim loại nặng và vật liệu độc hại. Nhiệt độ hàn túi:180±5 °C Sử dụng cho các máy tiệt khuẩn hơi nước , EO và formaldehyde Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 .	Cuộn	40	

Stt	Danh mục vật tư y tế	Thông số kỹ thuật (tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
VT357	Túi ép tiệt trùng cho máy nhiệt độ cao 300mm x 200m (hoặc tương đương)	Túi ép dùng cho máy tiệt trùng kích thước 300mm x 200m Chất liệu: *Màng ép bằng PET và PP, độ dày (trọng lượng màng ép là 53±5g/m2 PP: 40±5µm, PET: 12±2µm) Tiêu chuẩn Châu Âu EN 868-3 *Giấy y tế là 60 g/m2, độ dày 83±5µm, độ xốp 1000ml/mn; độ thấm khí 11.4µm/(Pa.s), độ bền kéo/MD: 2.1kN/m, độ bền kéo/CD: 1.1kN/m, độ xé rách 600-650±200mN Độ pH: 5.0 -8.0, Hàm lượng Clorua <0.05%, Sunfat<0.25% Có chỉ thị màu (chuyển màu đồng nhất sau khi tiệt khuẩn) Có 3 mối hàn độc lập, màng ép PET/PP 5 lớp không bị rách. Không chứa chì, kim loại nặng và vật liệu độc hại. Nhiệt độ hàn túi:180±5 °C Sử dụng cho các máy tiệt khuẩn hơi nước , EO và formaldehyde Sản phẩm được kiểm tra đạt tiêu chuẩn ISO 11607-1, ISO 11140-1 and EN 868-5 Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 .	Cuộn	40	
VT358	Túi ép tiệt trùng cho máy nhiệt độ cao 350mm x 200m (hoặc tương đương)	Túi ép dùng cho máy tiệt trùng kích thước 350mm x 200m Chất liệu: *Màng ép bằng PET và PP, độ dày (trọng lượng màng ép là 53±5g/m2 PP: 40±5µm, PET: 12±2µm) *Giấy y tế là 60 g/m2, độ dày 83±5µm, độ xốp 1000ml/mn; độ thấm khí 11.4µm/(Pa.s), độ bền kéo/MD: 2.1kN/m, độ bền kéo/CD: 1.1kN/m, độ xé rách 600-650±200mN Độ pH: 5.0 -8.0, Hàm lượng Clorua <0.05%, Sunfat<0.25% Có chỉ thị màu (chuyển màu đồng nhất sau khi tiệt khuẩn) Có 3 mối hàn độc lập, màng ép PET/PP 5 lớp không bị rách. Không chứa chì, kim loại nặng và vật liệu độc hại. Nhiệt độ hàn túi:180±5 °C Sử dụng cho các máy tiệt khuẩn hơi nước , EO và formaldehyde Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 .	Cuộn	10	
VT359	Túi ép tiệt trùng cho máy nhiệt độ cao 75mm x 200m (hoặc tương đương)	Túi ép dùng cho máy tiệt trùng kích thước 75mm x 200m Chất liệu: *Màng ép bằng PET và PP, độ dày (trọng lượng màng ép là 53±5g/m2 PP: 40±5µm, PET: 12±2µm) Tiêu chuẩn Châu Âu EN 868-3 *Giấy y tế là 60 g/m2, độ dày 83±5µm, độ xốp 1000ml/mn; độ thấm khí 11.4µm/(Pa.s), độ bền kéo/MD: 2.1kN/m, độ bền kéo/CD: 1.1kN/m, độ xé rách 600-650±200mN Độ pH: 5.0 -8.0, Hàm lượng Clorua <0.05%, Sunfat<0.25% Có chỉ thị màu (chuyển màu đồng nhất sau khi tiệt khuẩn) Có 3 mối hàn độc lập, màng ép PET/PP 5 lớp không bị rách. Không chứa chì, kim loại nặng và vật liệu độc hại. Nhiệt độ hàn túi:180±5 °C Sử dụng cho các máy tiệt khuẩn hơi nước , EO và formaldehyde Sản phẩm được kiểm tra đạt tiêu chuẩn ISO 11607-1, ISO 11140-1 and EN 868-5 Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 .	Cuộn	30	

Stt	Danh mục vật tư y tế	Thông số kỹ thuật (tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
VT360	Túi ép tiệt trùng nhiệt độ thấp 100mm x 70m (hoặc tương đương)	<p>Túi ép tiệt khuẩn Tyvek dùng cho máy tiệt khuẩn nhiệt độ thấp Hydrogen Peroxide kích thước 100mmx70m.</p> <p>Lớp Tyvek: cấu tạo bằng vật liệu Tyvek 1073B, theo tiêu chuẩn châu Âu EN 868-9 giúp H₂O₂ thẩm thấu để diệt khuẩn cho dụng cụ.</p> <p>Chất liệu:</p> <p>Trọng lượng 74.65 g/m², độ dày tối thiểu 175µm, độ tách lớp: 1.8-3.6 N, tính thấm khí 609MI/min, độ đâm thủng 7488 J/m²</p> <p>Độ bền kéo/MD: 193N/2.54 cm; Độ bền kéo/CD: 208N/2.54 cm.</p> <p>Độ giãn/MD: 22%; Độ giãn/CD: 26%</p> <p>Độ thấm khí uốn cong: 609MI/min; Độ mờ 92%, Rào chắn vi khuẩn >4LRV</p> <p>*Màng ép bằng PET và PP, độ dày tối thiểu 55µm.</p> <p>Lớp trong suốt giúp quan sát được dụng cụ bên trong, H₂O₂ không thẩm thấu vào bằng mặt này</p> <p>Có chỉ thị hóa học chuyển từ vàng sang xanh dương - màu được hiển thị trên thanh đối chứng trên bao bì khi tiếp xúc với H₂O₂.</p> <p>Có 3 mối hàn độc lập, màng ép PET/PP 5 lớp không bị rách.</p> <p>Không chứa chì, kim loại nặng và vật liệu độc hại.</p> <p>Sử dụng được cho máy nhiệt độ thấp với công nghệ hơi Hydrogen Peroxide và Plasma</p> <p>Nhiệt độ hàn túi: 110±5 °C</p> <p>Sản phẩm được kiểm tra đạt tiêu chuẩn ISO 11607-1, ISO 11140-1 and EN 868-5</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485</p>	Cuộn	10	
VT361	Túi ép tiệt trùng nhiệt độ thấp 150mm x 70m (hoặc tương đương)	<p>Túi ép tiệt khuẩn Tyvek dùng cho máy tiệt khuẩn nhiệt độ thấp Hydrogen Peroxide kích thước 150mmx70m.</p> <p>Lớp Tyvek: cấu tạo bằng vật liệu Tyvek 1073B, theo tiêu chuẩn châu Âu EN 868-9 giúp H₂O₂ thẩm thấu để diệt khuẩn cho dụng cụ.</p> <p>Chất liệu:</p> <p>Trọng lượng 74.65 g/m², độ dày tối thiểu 175µm, độ tách lớp: 1.8-3.6 N, tính thấm khí 609MI/min, độ đâm thủng 7488 J/m²</p> <p>Độ bền kéo/MD: 193N/2.54 cm; Độ bền kéo/CD: 208N/2.54 cm.</p> <p>Độ giãn/MD: 22%; Độ giãn/CD: 26%</p> <p>Độ thấm khí uốn cong: 609MI/min; Độ mờ 92%, Rào chắn vi khuẩn >4LRV</p> <p>*Màng ép bằng PET và PP, độ dày tối thiểu 55µm.</p> <p>Lớp trong suốt giúp quan sát được dụng cụ bên trong, H₂O₂ không thẩm thấu vào bằng mặt này</p> <p>Có chỉ thị hóa học chuyển từ vàng sang xanh dương - màu được hiển thị trên thanh đối chứng trên bao bì khi tiếp xúc với H₂O₂.</p> <p>Có 3 mối hàn độc lập, màng ép PET/PP 5 lớp không bị rách.</p> <p>Không chứa chì, kim loại nặng và vật liệu độc hại.</p> <p>Sử dụng được cho máy nhiệt độ thấp với công nghệ hơi Hydrogen Peroxide và Plasma</p> <p>Nhiệt độ hàn túi: 110±5 °C</p> <p>Sản phẩm được kiểm tra đạt tiêu chuẩn ISO 11607-1, ISO 11140-1 and EN 868-5</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485</p>	Cuộn	40	

Stt	Danh mục vật tư y tế	Thông số kỹ thuật (tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
VT362	Túi ép tiệt trùng nhiệt độ thấp 200mm x 70m (hoặc trong đưng)	<p>Túi ép tiệt khuẩn Tyvek dùng cho máy tiệt khuẩn nhiệt độ thấp Hydrogen Peroxide kích thước 200mmx70m.</p> <p>Lớp Tyvek: cấu tạo bằng vật liệu Tyvek 1073B, theo tiêu chuẩn châu Âu EN 868-9 giúp H₂O₂ thẩm thấu để diệt khuẩn cho dụng cụ.</p> <p>Chất liệu:</p> <p>Trọng lượng 74.65 g/m², độ dày tối thiểu 175µm, độ tách lớp: 1.8-3.6 N, tính thấm khí 609Ml/min, độ đâm thủng 7488 J/m²</p> <p>Độ bền kéo/MD: 193N/2.54 cm; Độ bền kéo/CD: 208N/2.54 cm.</p> <p>Độ giãn/MD: 22%; Độ giãn/CD: 26%</p> <p>Độ thấm khí uốn cong: 609Ml/min; Độ mờ 92%, Rào chắn vi khuẩn >4LRV</p> <p>*Màng ép bằng PET và PP, độ dày tối thiểu 55µm.</p> <p>Lớp trong suốt giúp quan sát được dụng cụ bên trong, H₂O₂ không thẩm thấu vào bằng mặt này</p> <p>Có chỉ thị hóa-học chuyển từ vàng sang xanh dương - màu được hiển thị trên thanh đối chứng trên bao bì khi tiếp xúc với H₂O₂.</p> <p>Có 3 mối hàn độc lập, màng ép PET/PP 5 lớp không bị rách.</p> <p>Không chứa chì, kim loại nặng và vật liệu độc hại.</p> <p>Sử dụng được cho máy nhiệt độ thấp với công nghệ hơi Hydrogen Peroxide và Plasma</p> <p>Nhiệt độ hàn túi: 110±5 °C</p> <p>Sản phẩm được kiểm tra đạt tiêu chuẩn ISO 11607-1, ISO 11140-1 and EN 868-5</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485</p>	Cuộn	50	
VT363	Túi ép tiệt trùng nhiệt độ thấp 250mm x 70m (hoặc trong đưng)	<p>Túi ép tiệt khuẩn Tyvek dùng cho máy tiệt khuẩn nhiệt độ thấp Hydrogen Peroxide kích thước 250mmx70m.</p> <p>Lớp Tyvek: cấu tạo bằng vật liệu Tyvek 1073B, theo tiêu chuẩn châu Âu EN 868-9 giúp H₂O₂ thẩm thấu để diệt khuẩn cho dụng cụ.</p> <p>Chất liệu:</p> <p>Trọng lượng 74.65 g/m², độ dày tối thiểu 175µm, độ tách lớp: 1.8-3.6 N, tính thấm khí 609Ml/min, độ đâm thủng 7488 J/m²</p> <p>Độ bền kéo/MD: 193N/2.54 cm; Độ bền kéo/CD: 208N/2.54 cm.</p> <p>Độ giãn/MD: 22%; Độ giãn/CD: 26%</p> <p>Độ thấm khí uốn cong: 609Ml/min; Độ mờ 92%, Rào chắn vi khuẩn >4LRV</p> <p>*Màng ép bằng PET và PP, độ dày tối thiểu 55µm.</p> <p>Lớp trong suốt giúp quan sát được dụng cụ bên trong, H₂O₂ không thẩm thấu vào bằng mặt này</p> <p>Có chỉ thị hóa học chuyển từ vàng sang xanh dương - màu được hiển thị trên thanh đối chứng trên bao bì khi tiếp xúc với H₂O₂.</p> <p>Có 3 mối hàn độc lập, màng ép PET/PP 5 lớp không bị rách.</p> <p>Không chứa chì, kim loại nặng và vật liệu độc hại.</p> <p>Sử dụng được cho máy nhiệt độ thấp với công nghệ hơi Hydrogen Peroxide và Plasma</p> <p>Nhiệt độ hàn túi: 110±5 °C</p> <p>Sản phẩm được kiểm tra đạt tiêu chuẩn ISO 11607-1, ISO 11140-1 and EN 868-5</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485</p>	Cuộn	20	

Stt	Danh mục vật tư y tế	Thông số kỹ thuật (tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
VT364	Túi ép tiệt trùng nhiệt độ thấp 300mm x 70m (hoặc tương đương)	<p>Túi ép tiệt khuẩn Tyvek dùng cho máy tiệt khuẩn nhiệt độ thấp Hydrogen Peroxide kích thước 300mmx70m.</p> <p>Lớp Tyvek: cấu tạo bằng vật liệu Tyvek 1073B, theo tiêu chuẩn châu Âu EN 868-9 giúp H₂O₂ thẩm thấu để diệt khuẩn cho dụng cụ.</p> <p>Chất liệu:</p> <p>Trọng lượng 74.65 g/m², độ dày tối thiểu 175μm, độ tách lớp: 1.8-3.6 N, tính thấm khí 609MI/min, độ đâm thủng 7488 J/m²</p> <p>Độ bền kéo/MD: 193N/2.54 cm; Độ bền kéo/CD: 208N/2.54 cm.</p> <p>Độ giãn/MD: 22%; Độ giãn/CD: 26%</p> <p>Độ thấm khí uốn cong: 609MI/min; Độ mờ 92%, Rào chắn vi khuẩn >4LRV</p> <p>*Màng ép bằng PET và PP, độ dày tối thiểu 55μm.</p> <p>Lớp trong suốt giúp quan sát được dụng cụ bên trong, H₂O₂ không thẩm thấu vào bằng mặt này</p> <p>Có chỉ thị hóa học chuyển từ vàng sang xanh dương - màu được hiển thị trên thanh đối chứng trên bao bì khi tiếp xúc với H₂O₂.</p> <p>Có 3 mối hàn độc lập, màng ép PET/PP 5 lớp không bị rách.</p> <p>Không chứa chì, kim loại nặng và vật liệu độc hại.</p> <p>Sử dụng được cho máy nhiệt độ thấp với công nghệ hơi Hydrogen Peroxide và Plasma</p> <p>Nhiệt độ hàn túi: 110±5 °C</p> <p>Sản phẩm được kiểm tra đạt tiêu chuẩn ISO 11607-1, ISO 11140-1 and EN 868-5</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485</p>	Cuộn	10	
VT365	Túi ép tiệt trùng nhiệt độ thấp 350mm x 70m (hoặc tương đương)	<p>Túi ép tiệt khuẩn Tyvek dùng cho máy tiệt khuẩn nhiệt độ thấp Hydrogen Peroxide kích thước 350mmx70m.</p> <p>Lớp Tyvek: cấu tạo bằng vật liệu Tyvek 1073B, theo tiêu chuẩn châu Âu EN 868-9 giúp H₂O₂ thẩm thấu để diệt khuẩn cho dụng cụ.</p> <p>Chất liệu:</p> <p>Trọng lượng 74.65 g/m², độ dày tối thiểu 175μm, độ tách lớp: 1.8-3.6 N, tính thấm khí 609MI/min, độ đâm thủng 7488 J/m²</p> <p>Độ bền kéo/MD: 193N/2.54 cm; Độ bền kéo/CD: 208N/2.54 cm.</p> <p>Độ giãn/MD: 22%; Độ giãn/CD: 26%</p> <p>Độ thấm khí uốn cong: 609MI/min; Độ mờ 92%, Rào chắn vi khuẩn >4LRV</p> <p>*Màng ép bằng PET và PP, độ dày tối thiểu 55μm.</p> <p>Lớp trong suốt giúp quan sát được dụng cụ bên trong, H₂O₂ không thẩm thấu vào bằng mặt này</p> <p>Có chỉ thị hóa học chuyển từ vàng sang xanh dương - màu được hiển thị trên thanh đối chứng trên bao bì khi tiếp xúc với H₂O₂.</p> <p>Có 3 mối hàn độc lập, màng ép PET/PP 5 lớp không bị rách.</p> <p>Không chứa chì, kim loại nặng và vật liệu độc hại.</p> <p>Sử dụng được cho máy nhiệt độ thấp với công nghệ hơi Hydrogen Peroxide và Plasma</p> <p>Nhiệt độ hàn túi: 110±5 °C</p> <p>Sản phẩm được kiểm tra đạt tiêu chuẩn ISO 11607-1, ISO 11140-1 and EN 868-5</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485</p>	Cuộn	40	

Stt	Danh mục vật tư y tế	Thông số kỹ thuật (tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
VT366	Túi ép tiệt trùng nhiệt độ thấp 75mm x 70m (hoặc tương đương)	Túi ép tiệt khuẩn Tyvek dùng cho máy tiệt khuẩn nhiệt độ thấp Hydrogen Peroxide kích thước 75mmx70m. Lớp Tyvek: cấu tạo bằng vật liệu Tyvek 1073B, theo tiêu chuẩn châu Âu EN 868-9 giúp H2O2 thẩm thấu để diệt khuẩn cho dụng cụ. Chất liệu: Trọng lượng 74.65 g/m2, độ dày tối thiểu 175µm, độ tách lớp: 1.8-3.6 N, tính thấm khí 609Ml/min, độ đâm thủng 7488 J/m2 Độ bền kéo/MD: 193N/2.54 cm; Độ bền kéo/CD: 208N/2.54 cm. Độ giãn/MD: 22%; Độ giãn/CD: 26% Độ thấm khí uốn cong: 609Ml/min; Độ mờ 92%, Rào chắn vi khuẩn >4LRV *Màng ép bằng PET và PP, độ dày tối thiểu 55µm. Lớp trong suốt giúp quan sát được dụng cụ bên trong, H2O2 không thẩm thấu vào bằng mặt này Có chỉ thị hóa học chuyển từ vàng sang xanh dương - màu được hiển thị trên thanh đối chứng trên bao bì khi tiếp xúc với H2O2. Có 3 mối hàn độc lập, màng ép PET/PP 5 lớp không bị rách. Không chứa chì, kim loại nặng và vật liệu độc hại. Sử dụng được cho máy nhiệt độ thấp với công nghệ hơi Hydrogen Peroxide và Plasma Nhiệt độ hàn túi: 110±5 °C Sân: phẩm được kiểm tra đạt tiêu chuẩn ISO 11607-1, ISO 11140-1 and EN 868-5 Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cuộn	5	
VT367	Bộ kid 1	Bộ bảo dưỡng định kỳ cấp 1 cho máy STERRAD 100S, được thay thế sau mỗi 750 chu kỳ hoặc 6 tháng (tùy theo điều kiện nào đến trước), bao gồm các phụ tùng của máy tiệt khuẩn bị hao mòn hoặc xuống cấp sau quá trình sử dụng	Bộ	2	
VT368	Bộ kid 2	Bộ bảo dưỡng định kỳ cấp 2 cho máy STERRAD 100S, được thay thế sau mỗi 2250 chu kỳ hoặc 12 tháng (tùy theo điều kiện nào đến trước), bao gồm các phụ tùng của máy tiệt khuẩn bị hao mòn hoặc xuống cấp sau quá trình sử dụng	Bộ	1	
VT369	Chỉ thị sinh học cho quá trình tiệt khuẩn bằng hơi nước	Giám sát chu trình tiệt khuẩn hơi nước, phù hợp cho cả máy tiệt khuẩn hơi nước trọng lực và máy có hỗ trợ chân không Nhiệt độ của chu trình tiệt trùng: 132-135 độ C Cho kết quả đọc huỳnh quang sau 20 phút Được đóng kín bằng nắp nhựa màu và màng ngăn thẩm hơi Trên thân ống chỉ thị tích hợp chỉ thị hóa học cho tiệt khuẩn hơi nước (chuyển từ màu hồng sang màu nâu khi tiếp xúc hơi nước) Quan sát được sự đổi màu bằng mắt thường khi ủ ống chứng dương, từ màu tím sang vàng Tiêu chuẩn: ISO: 13485: 2016: FDA	Ống	500	
VT370	Bột tiền xử lý dụng cụ phẫu thuật	Ngăn máu và chất bẩn khô trên dụng cụ Chống ăn mòn trong ≥ 72 giờ Thành phần: amin bậc 4: ≥ 0.45%, protease, chất hoạt động bề mặt Dung dịch dùng ngay Diệt khuẩn, diệt nấm, diệt virus có vỏ bọc Diệt vi khuẩn theo EN 13727, EN 14561, trong: ≤ 5 phút Diệt nấm theo EN 13624, EN 14562, trong: ≤ 5 phút Diệt virus theo EN 14476 và EN 17111, trong: ≤ 15 phút pH: 7.5 ± 5%. Tương thích với dụng cụ nhôm, gồm cả nhôm anot Tiêu chuẩn: ISO 13485	Chai	150	

Stt	Danh mục vật tư y tế	Thông số kỹ thuật (tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
VT371	Hóa chất cho máy tiệt trùng nhiệt độ thấp H2O2	Hóa chất tiệt trùng: sử dụng trong máy hấp tiệt trùng nhiệt độ thấp với công nghệ hơi Hydro Peroxide với mục đích tiệt khuẩn các thiết bị y tế. Thành phần: Hydrogen Peroxide 59%, Thành phần không hoạt hóa 41%. Chất lỏng, không màu, pH. 0 3.5 Mỗi cốc sử dụng được cho 15 chu kỳ chuẩn cho VPRO 1 Plus, Max và Max 2; 20 chu kỳ chuẩn cho VPRO 60 và S2 30 chu kỳ nhanh cho Max 2 và S2 Có mã RFID nhận biết được lượng hóa chất đã sử dụng và ngày hết hạn. Sản phẩm đạt chứng nhận FDA và ISO.	Cốc	50	
VT372	Dung dịch sát khuẩn bề mặt	Didecyl dimethyl ammonium chloride 0,35 %(w/w), Alkyl Dimethyl Benzyl Ammonium Chloride 0,45 % (w/w) Đạt hiệu quả vi sinh sau 1 phút tiếp xúc	Chai	170	
VT373	Bảng kiểm gạc loại 10 ó	-Chất liệu LLDPE nguyên sinh, chịu lực tốt, chứa 15 miếng gạc lớn 5x10 cm) - Kích thước: 32x83 cm	Cái	300	
VT374	Bao đo huyết áp tự động	Bao đo huyết áp tự động	Cái	30	
VT375	Cáp điện tim	Cáp điện tim	Bộ	30	
VT376	Bộ nẹp, vít titan mini thẳng 16 lỗ				
VT376.1	Nẹp titan mini thẳng 16 lỗ, độ dày 1.0mm Khoảng cách lỗ 6mm Anton Hipp	Nẹp titan mini thẳng 16 lỗ, độ dày 1.0mm Khoảng cách lỗ 6mm Anton Hipp	Thanh	15	
VT376.2	Vít titan mini tự cắt, ultra fit đường kính 2.0x 6mm, (bước ren 0.75mm), Agomed	Vít titan mini tự cắt, ultra fit đường kính 2.0x 6mm, (bước ren 0.75mm), Agomed	Cái	15	
VT377	Ống chích sắt SAC 1 dùng trong nha khoa	Ống chích inox thép không gỉ, không ăn mòn, thiết kế tiện lợi cho các bác sĩ tiêm thuốc tể dạng ống 1.8ml - 2.0ml, 2.2ml dùng trong ngành nha khoa, da liễu, phẫu thuật thẩm mỹ, tiểu phẫu y tế.	Cái	6	
VT378	Đầu tay khoan dùng trong nha khoa	Thích hợp cho nhiều loại tay khoan và động cơ khí. Là chất làm sạch, bôi trơn tân tiến với tính chống mài mòn cao. Đính kèm 2 đầu xít phù hợp với nhiều loại tay khoan khác nhau.	Chai	6	
VT379	Ống chích sắt rút ngược dùng trong nha khoa	Làm bằng chất liệu cao cấp, thiết kế độc đáo. Dung tích 1.8cc	Cái	2	
VT380	Kim tiêm nha khoa các cỡ	Đầu mũi kim nhọn và thiết kế sắc bén, tinh tế giúp thâm nhập trơn tru và giảm đau cho bệnh nhân. Đầu mũi kim nhỏ, vào mô nhẹ nhàng, ít đau, mau lành, hạn chế để lại sẹo	Cái	4.000	
VT381	Mũi mở tủy dùng trong nha khoa	Mũi khoan mở tủy kết hợp cùng lúc 2 tác động khoan và cắt: đầu mũi khoan hình tròn, thân mũi khoan hình nón tác dụng mở rộng hết trần tủy.	Mũi	10	
VT382	Xi măng trám răng	Tăng cường phóng thích Fluoride, vật liệu trám glass ionomer cân quang dành cho răng. Chỉ định: xoang I; xoang II ít chịu lực, trám tái tạo cui.	Hộp	12	
VT383	Chỉ không tiêu đơn sợi lồng hợp Polyamide (Nylon) số 1	Chỉ phẫu thuật đơn sợi, không hấp thụ, được tổng hợp từ chuỗi polymer Nylon 6 và Nylon 6.6, số 1, dài 75cm, màu xanh dương. Kim tam giác ngược dài 40mm, 3/8 vòng tròn. Sức căng nút thắt đạt 6.486 Kgf. sức căng lưu giữ đạt 4.636 Kgf. Kim PRIMIPASS NEEDLES được làm bằng thép X-alloy phủ silicone (12% Chrome, 9% Nickel, 2% Cu, 0.9% Ti và Molybdenum), khoan (LASER + EDM) và mài (EDM + AWJM + LAM), độ nhám bề mặt Rz = 2µm Đạt tiêu chuẩn ISO, CE, FSC Xuất G7	Tép	800	

Stt	Danh mục vật tư y tế	Thông số kỹ thuật (tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
VT384	Chỉ không tiêu đơn sợi tổng hợp (Nylon) số 2, kim tam giác	Chỉ phẫu thuật đơn sợi, không hấp thụ, được tổng hợp từ chuỗi polymer Nylon 6 và Nylon 6.6, số 2/0, dài 75cm, màu xanh dương. Kim tam giác ngược dài 24mm, 3/8 vòng tròn. Sức căng nút thắt đạt 3.622 Kgf, sức căng lưu giữ đạt 2.396 Kgf. Kim PRIMIPASS NEEDLES được làm bằng thép X-alloy phủ silicone (12% Chrome, 9% Nickel, 2% Cu, 0.9% Ti và Molybdenum), khoan (LASER + EDM) và mài (EDM + AWJM + LAM), độ nhám bề mặt Rz = 2µm Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE MDR và FSC EU Xuất G7	Tép	5.000	
VT385	Chỉ không tiêu đơn sợi tổng hợp (Nylon) số 3, kim tam giác	Chỉ phẫu thuật đơn sợi, không hấp thụ, được tổng hợp từ chuỗi polymer Nylon 6 và Nylon 6.6, số 3/0, dài 75cm, màu xanh dương. Kim tam giác ngược dài 26mm, 3/8 vòng tròn. Sức căng nút thắt đạt 2.293 Kgf, sức căng lưu giữ đạt 1.502 Kgf. Kim PRIMIPASS NEEDLES được làm bằng thép X-alloy phủ silicone (12% Chrome, 9% Nickel, 2% Cu, 0.9% Ti và Molybdenum), khoan (LASER + EDM) và mài (EDM + AWJM + LAM), độ nhám bề mặt Rz = 2µm Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE MDR và FSC EU Xuất G7	Tép	2.500	
VT386	Chỉ không tiêu đơn sợi tổng hợp (Nylon) số 4, kim tam giác	Chỉ phẫu thuật đơn sợi, không hấp thụ, được tổng hợp từ chuỗi polymer Nylon 6 và Nylon 6.6, số 4/0, dài 75cm, màu xanh dương. Kim tam giác ngược dài 19mm, 3/8 vòng tròn. Sức căng lưu giữ đạt 0.941 Kgf. Kim PRIMIPASS NEEDLES được làm bằng thép X-alloy phủ silicone (12% Chrome, 9% Nickel, 2% Cu, 0.9% Ti và Molybdenum), khoan (LASER + EDM) và mài (EDM + AWJM + LAM), độ nhám bề mặt Rz = 2µm Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE MDR và FSC EU Xuất G7	Tép	1.000	
VT387	Chỉ không tiêu đơn sợi tổng hợp (Nylon) số 5/0, kim tam giác	Chỉ phẫu thuật đơn sợi, không hấp thụ, được tổng hợp từ chuỗi polymer Nylon 6 và Nylon 6.6, số 5/0, dài 75cm, màu xanh dương. Kim tam giác ngược dài 16mm, 3/8 vòng tròn. Sức căng lưu giữ đạt 0.656 Kgf. Kim PRIMIPASS NEEDLES được làm bằng thép X-alloy phủ silicone (12% Chrome, 9% Nickel, 2% Cu, 0.9% Ti và Molybdenum), khoan (LASER + EDM) và mài (EDM + AWJM + LAM), độ nhám bề mặt Rz = 2µm Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE MDR và FSC EU Xuất G7	Tép	2.000	
VT388	Chỉ không tiêu đơn sợi tổng hợp (Nylon) số 6/0	Chỉ phẫu thuật đơn sợi, không hấp thụ, được tổng hợp từ chuỗi polymer Nylon 6 và Nylon 6.6, số 6/0, dài 75cm, màu xanh dương. Kim tam giác ngược dài 12mm, 3/8 vòng tròn. Sức căng nút thắt đạt 0.49 Kgf, sức căng lưu giữ đạt 0.333 Kgf. Kim PRIMIPASS NEEDLES được làm bằng thép X-alloy phủ silicone (12% Chrome, 9% Nickel, 2% Cu, 0.9% Ti và Molybdenum), khoan (LASER + EDM) và mài (EDM + AWJM + LAM), độ nhám bề mặt Rz = 2µm Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE MDR và FSC EU Xuất G7	Tép	1.000	
VT389	Chỉ Nylon 7/0	Chỉ phẫu thuật đơn sợi, không hấp thụ, được tổng hợp từ chuỗi polymer Nylon 6 và Nylon 6.6, số 7/0, dài 75cm, màu xanh dương. Kim tam giác ngược dài 13mm, 3/8 vòng tròn. Sức căng nút thắt đạt 0.189 Kgf. Kim PRIMIPASS NEEDLES được làm bằng thép X-alloy phủ silicone (12% Chrome, 9% Nickel, 2% Cu, 0.9% Ti và Molybdenum), khoan (LASER + EDM) và mài (EDM + AWJM + LAM), độ nhám bề mặt Rz = 2µm Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE MDR và FSC EU Xuất G7	Tép	200	

Stt	Danh mục vật tư y tế	Thông số kỹ thuật (tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
VT390	Chỉ phẫu thuật không tiêu Nylon số 10/0, kim bệt nhãn khoa	Chỉ phẫu thuật đơn sợi, không hấp thụ, được tổng hợp từ chuỗi polymer Nylon 6 và Nylon 6.6, số 10/0, dài 30cm, màu đen. 2 kim hình thang dài 6.5mm, 3/8 vòng tròn. Sức căng nút thắt đạt 0.024 Kgf, sức căng lưu giữ đạt 0.038 Kgf. Kim PRIMIPASS NEEDLES được làm bằng thép X-alloy phủ silicone (12% Chrome, 9% Nickel, 2% Cu, 0.9% Ti và Molybdenum), khoan (LASER + EDM) và mài (EDM + AWJM + LAM), độ nhám bề mặt Rz = 2µm Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE MDR và FSC EU Xuất G7	Tép	200	
VT391	Chỉ phẫu thuật P.POLENE số 6/0 dài 60cm, 2 kim tròn đầu tròn	Chỉ phẫu thuật đơn sợi, không hấp thụ, được tổng hợp từ Polypropylene, polyolefin (C3H6)n, màu xanh (Phthalocyaninato (2) CU), số 6/0, dài 75cm. 2 kim tròn đầu tròn nhọn 11mm, 3/8 vòng tròn. Sức căng nút thắt đạt 0.49 Kgf, sức căng lưu giữ đạt 0.316 Kgf. Kim PRIMIPASS NEEDLES được làm bằng thép X-alloy phủ silicone (12% Chrome, 9% Nickel, 2% Cu, 0.9% Ti và Molybdenum), khoan (LASER + EDM) và mài (EDM + AWJM + LAM), độ nhám bề mặt Rz = 2µm Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE MDR và FSC EU Xuất G7	Tép	500	
VT392	Chỉ phẫu thuật tiêu tổng hợp polyglycolide số 1, kim tròn	Số 1 kim tròn 1/2C, kim 40mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 90cm. Là loại Chỉ phẫu thuật tổng hợp đa sợi tự tiêu tiết trùng có dùng Polyglycolic acid, Bề mặt sợi chỉ được tráng bởi 1 lớp tổng hợp của Polyglycaprolactone và Calcium stearate (1%). Chỉ sẽ giảm sức căng khoảng 50% sau 21 ngày cấy ghép và sẽ tự tiêu hoàn toàn trong vòng 60 đến 90 ngày. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE	Tép	1.000	
VT393	Chỉ phẫu thuật tiêu tổng hợp polyglycolide số 1, đầu nhọn	Chỉ phẫu thuật hấp thụ đa sợi, được tổng hợp từ 100% Glycolide, phủ Polycaprolactone và Calcium Stearate, màu tím D & C Violet, số 1, dài 90cm. Kim tròn đầu nhọn 40mm, 1/2 vòng tròn. Sức căng nút thắt đạt 6.486 Kgf, sức căng lưu giữ đạt 7.185 Kgf. Tan hoàn toàn 60-90 ngày. Kim PRIMIPASS NEEDLES được làm bằng thép X-alloy phủ silicone (12% Chrome, 9% Nickel, 2% Cu, 0.9% Ti và Molybdenum), khoan (LASER + EDM) và mài (EDM + AWJM + LAM), độ nhám bề mặt Rz = 2µm Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE MDR và FSC EU Xuất G7	Tép	1.000	
VT394	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin số 1/0, kim tròn đầu kim nhọn	Chỉ khâu tiêu trung bình, đa sợi - Chỉ bằng Lactomer 9-1 gồm glycolic và lactide được bao phủ bởi Caprolactone Glycolide và Calcium stearoyl lactylate với hàm lượng <= 0.12 mg, đạt lực khô nút buộc ban đầu bằng 140% USP, còn 80% sau 2 tuần và 30% sau 3 tuần, số 1 dài 90cm - 1 Kim tròn đầu nhọn, bằng thép không gỉ, dài 40 mm 1/2C, kim được phủ silicone MDX4-4159 đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học ISO10993, sắc bén, giúp giảm tình trạng ăn mòn kim, công nghệ Nucoat - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE, FDA (cục quản lý dược phẩm và thực phẩm Hoa Kỳ). Xuất xứ: G7	Tép	3.000	
VT395	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi Polyglycolic acid số 2/0, kim tròn 26 mm	Chỉ phẫu thuật hấp thụ đa sợi, được tổng hợp từ 100% Glycolide, phủ Polycaprolactone và Calcium Stearate, màu tím D & C Violet, số 2/0, dài 70cm. Kim tròn đầu nhọn 26mm, 1/2 vòng tròn. Sức căng nút thắt đạt 3.622 Kgf, sức căng lưu giữ đạt 4.246 Kgf. Tan hoàn toàn 60-90 ngày. Kim PRIMIPASS NEEDLES được làm bằng thép X-alloy phủ silicone (12% Chrome, 9% Nickel, 2% Cu, 0.9% Ti và Molybdenum), khoan (LASER + EDM) và mài (EDM + AWJM + LAM), độ nhám bề mặt Rz = 2µm Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE MDR và FSC EU Xuất G7	Tép	2.000	

Stt	Danh mục vật tư y tế	Thông số kỹ thuật (tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
VT396	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin số 2/0, kim tròn đầu kim nhọn	Chỉ khâu tiêu trung bình, đa sợi - Chi bằng Lactomer 9-1 gồm glycolic và lactide được bao phủ bởi Caprolactone Glycolide và Calcium stearoyl lactylate với hàm lượng ≤ 0.12 mg, đạt lực khòe nút buộc ban đầu bằng 140% USP, còn 80% sau 2 tuần và 30% sau 3 tuần, số 2/0 dài 75cm - 1 Kim tròn đầu nhọn, bằng thép không gỉ, dài 26mm 1/2C, kim được phủ silicone MDX4-4159 đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học ISO10993, sắc bén giúp giảm tình trạng ăn mòn kim, công nghệ Nucoat - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE, FDA (cục quản lý dược phẩm và thực phẩm Hoa Kỳ). Xuất xứ: G7	Tép	1.300	
VT397	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin số 2/0, kim tròn đầu kim nhọn	Chỉ phẫu thuật hấp thụ đa sợi, được làm từ 90% Glycolide và 10% Lactide, phủ Polyglactin 370 (glycolide-co-l-lactid 30/70) và Calcium Stearate, số 2/0, dài 70cm, màu tím D & C Violet. Kim tròn đầu nhọn 26mm, 1/2 vòng tròn. Sức căng nút thắt đạt 3.622 Kgf, sức căng lưu giữ đạt 3.666 Kgf. Tan hoàn toàn 56-70 ngày. Kim PRIMIPASS NEEDLES được làm bằng thép X-alloy phủ silicone (12% Chrome, 9% Nickel, 2% Cu, 0.9% Ti và Molybdenum), khoan (LASER + EDM) và mài (EDM + AWJM + LAM), độ nhám bề mặt Rz = 2 μ m Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE MDR và FSC EU Xuất G7	Tép	1.300	
VT398	Chỉ tiêu nhanh tổng hợp đa sợi Polyglycolic acid số 3/0, kim tròn	Chỉ phẫu thuật hấp thụ đa sợi, được tổng hợp từ 100% Glycolide, phủ Polycaprolactone và Calcium Stearate, màu tím D & C Violet, số 3/0, dài 75cm. Kim tròn đầu nhọn 20mm, 1/2 vòng tròn. Sức căng nút thắt đạt 2.293 Kgf, sức căng lưu giữ đạt 2.456 Kgf. Tan hoàn toàn 60-90 ngày. Kim PRIMIPASS NEEDLES được làm bằng thép X-alloy phủ silicone (12% Chrome, 9% Nickel, 2% Cu, 0.9% Ti và Molybdenum), khoan (LASER + EDM) và mài (EDM + AWJM + LAM), độ nhám bề mặt Rz = 2 μ m Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE MDR và FSC EU Xuất G7	Tép	1.000	
VT399	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin số 3/0, kim tròn	Chỉ phẫu thuật hấp thụ đa sợi, được làm từ 90% Glycolide và 10% Lactide, phủ Polyglactin 370 (glycolide-co-l-lactid 30/70) và Calcium Stearate, số 3/0, dài 70cm, màu tím D & C Violet. Kim tròn đầu nhọn 26mm, 1/2 vòng tròn. Sức căng nút thắt đạt 2.293 Kgf, sức căng lưu giữ đạt 2.433 Kgf. Tan hoàn toàn 56-70 ngày. Kim PRIMIPASS NEEDLES được làm bằng thép X-alloy phủ silicone (12% Chrome, 9% Nickel, 2% Cu, 0.9% Ti và Molybdenum), khoan (LASER + EDM) và mài (EDM + AWJM + LAM), độ nhám bề mặt Rz = 2 μ m Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE MDR và FSC EU Xuất G7	Tép	1.000	
VT400	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin số 3/0, kim tròn đầu kim nhọn	Số 3/0 kim tròn 1/2C, kim 26mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 75cm. Là loại Chỉ phẫu thuật tổng hợp đa sợi tự tiêu tiết trùng có dùng Polyglactin 910, thành phần gồm 90% Glycolide và 10% L-lactide. Bề mặt sợi chỉ được tráng bởi 1 lớp tổng hợp của Polyglycolid-co-Lactide và Calcium stearate. Chỉ sẽ giảm sức căng khoảng 50% sau 21 ngày cấy ghép và sẽ tự tiêu hoàn toàn trong vòng 56 đến 70 ngày. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE	Tép	1.000	
VT401	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi Polyglycolic acid số 4/0	Chỉ phẫu thuật hấp thụ đa sợi, được tổng hợp từ 100% Glycolide, phủ Polycaprolactone và Calcium Stearate, màu tím D & C Violet, số 4/0, dài 75cm. Kim tròn đầu nhọn 20mm, 1/2 vòng tròn. Sức căng lưu giữ đạt 1.391 Kgf. Tan hoàn toàn 60-90 ngày. Kim PRIMIPASS NEEDLES được làm bằng thép X-alloy phủ silicone (12% Chrome, 9% Nickel, 2% Cu, 0.9% Ti và Molybdenum), khoan (LASER + EDM) và mài (EDM + AWJM + LAM), độ nhám bề mặt Rz = 2 μ m Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE MDR và FSC EU Xuất G7	Tép	1.500	

Stt	Danh mục vật tư y tế	Thông số kỹ thuật (tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
VT402	Chỉ khâu phẫu thuật tự tiêu Polyglactin số 4/0, kim tròn	Số 4/0 kim tròn 1/2C, kim 22mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 75cm. Là loại Chỉ phẫu thuật tổng hợp đa sợi tự tiêu tiết trùng có dùng Polyglactin 910, thành phần gồm 90% Glycolide và 10% L-lactide. Bề mặt sợi chỉ được tráng bởi 1 lớp tổng hợp của Polyglycolid-co-Lactide và Calcium stearate. Chỉ sẽ giảm sức căng khoảng 50% sau 21 ngày cấy ghép và sẽ tự tiêu hoàn toàn trong vòng 56 đến 70 ngày. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE	Tép	1.000	
VT403	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi Polyglycolic acid số 5/0, có kim	Chỉ phẫu thuật hấp thụ đa sợi, được tổng hợp từ 100% Glycolide, phủ Polycaprolactone và Calcium Stearate, màu tím D & C Violet, số 5/0, dài 75cm. Kim tròn đầu nhọn 17mm, 1/2 vòng tròn. Sức căng lưu giữ đạt 1.011 Kgf. Tan hoàn toàn 60-90 ngày. Kim PRIMIPASS NEEDLES được làm bằng thép X-alloy phủ silicone (12% Chrome, 9% Nickel, 2% Cu, 0.9% Ti và Molybdenum), khoan (LASER + EDM) và mài (EDM + AWJM + LAM), độ nhám bề mặt Rz = 2µm Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE.MDR và FSC EU Xuất G7	Tép	1.500	
VT404	Chỉ khâu phẫu thuật tự tiêu polyglactin số 5/0, kim tròn	Số 5/0 kim tròn 1/2C, kim 17mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 75cm. Là loại Chỉ phẫu thuật tổng hợp đa sợi tự tiêu tiết trùng có dùng Polyglactin 910, thành phần gồm 90% Glycolide và 10% L-lactide. Bề mặt sợi chỉ được tráng bởi 1 lớp tổng hợp của Polyglycolid-co-Lactide và Calcium stearate. Chỉ sẽ giảm sức căng khoảng 50% sau 21 ngày cấy ghép và sẽ tự tiêu hoàn toàn trong vòng 56 đến 70 ngày. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE	Tép	500	
VT405	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin số 6/0	Chỉ phẫu thuật hấp thụ đa sợi, được làm từ 90% Glycolide và 10% Lactide, phủ Polyglactin 370 (glycolide-co-l-lactid 30/70) và Calcium Stearate, số 6/0, dài 45cm, màu tím D & C Violet. Kim tròn đầu nhọn 13mm, 1/2 vòng tròn. Sức căng nút thắt đạt 0.49 Kgf, sức căng lưu giữ đạt 0.493 Kgf. Tan hoàn toàn 56-70 ngày. Kim PRIMIPASS NEEDLES được làm bằng thép X-alloy phủ silicone (12% Chrome, 9% Nickel, 2% Cu, 0.9% Ti và Molybdenum), khoan (LASER + EDM) và mài (EDM + AWJM + LAM), độ nhám bề mặt Rz = 2µm Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE MDR và FSC EU Xuất G7	Tép	310	
VT406	Chỉ không tiêu tổng hợp đơn sợi Polypropylene số 1	Chỉ phẫu thuật đơn sợi, không hấp thụ, được tổng hợp từ Polypropylene, polyolefin (C3H6)n, màu xanh (Phthalocyaninato (2) CU), số 1, dài 75cm. Kim tròn đầu nhọn 40mm, 1/2 vòng tròn. Sức căng nút thắt đạt 6.486 Kgf, sức căng lưu giữ đạt 5.084 Kgf. Kim PRIMIPASS NEEDLES được làm bằng thép X-alloy phủ silicone (12% Chrome, 9% Nickel, 2% Cu, 0.9% Ti và Molybdenum), khoan (LASER + EDM) và mài (EDM + AWJM + LAM), độ nhám bề mặt Rz = 2µm Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE MDR và FSC EU Xuất G7	Tép	500	
VT407	Chỉ không tiêu đơn sợi tổng hợp polypropylene 2/0, kim thẳng	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi, chất liệu Polypropylene, số 2/0, dài 90 cm, kim thẳng. Kim khâu được làm từ hợp kim thép Series 300, bề mặt kim được phủ silicon XtraCoat đa lớp, mũi kim UltraGlyde sắc bén	Tép	500	
VT408	Chỉ không tiêu đơn sợi tổng hợp polypropylene 2/0	Chỉ phẫu thuật đơn sợi, không hấp thụ, được tổng hợp từ Polypropylene, polyolefin (C3H6)n, màu xanh (Phthalocyaninato (2) CU), số 2/0, dài 90cm. 2 kim tròn đầu nhọn 26mm, 1/2 vòng tròn. Sức căng nút thắt đạt 3.622 Kgf, sức căng lưu giữ đạt 2.732 Kgf. Kim PRIMIPASS NEEDLES được làm bằng thép X-alloy phủ silicone (12% Chrome, 9% Nickel, 2% Cu, 0.9% Ti và Molybdenum), khoan (LASER + EDM) và mài (EDM + AWJM + LAM), độ nhám bề mặt Rz = 2µm Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE MDR và FSC EU Xuất G7	Tép	1.000	

Stt	Danh mục vật tư y tế	Thông số kỹ thuật (tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
VT409	Chỉ không tiêu đơn sợi tổng hợp polypropylene 3/0	Chỉ phẫu thuật đơn sợi, không hấp thụ, được tổng hợp từ Polypropylene, polyolefin (C ₃ H ₆) _n , màu xanh (Phthalocyaninato (2) CU), số 3/0, dài 90cm. 2 kim tròn đầu nhọn 26mm, 1/2 vòng tròn. Sức căng nút thắt đạt 2.293 Kgf, sức căng lưu giữ đạt 1.718 Kgf. Kim PRIMIPASS NEEDLES được làm bằng thép X-alloy phủ silicone (12% Chrome, 9% Nickel, 2% Cu, 0.9% Ti và Molybdenum), khoan (LASER + EDM) và mài (EDM + AWJM + LAM), độ nhám bề mặt Rz = 2µm Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE MDR và FSC EU Xuất G7	Tép	200	
VT410	Chỉ không tiêu đơn sợi tổng hợp polypropylene 4/0	Chỉ phẫu thuật đơn sợi, không hấp thụ, được tổng hợp từ Polypropylene, polyolefin (C ₃ H ₆) _n , màu xanh (Phthalocyaninato (2) CU), số 4/0, dài 90cm. 2 kim tròn đầu nhọn 22mm, 1/2 vòng tròn. Sức căng lưu giữ đạt 1.15 Kgf. Kim PRIMIPASS NEEDLES được làm bằng thép X-alloy phủ silicone (12% Chrome, 9% Nickel, 2% Cu, 0.9% Ti và Molybdenum), khoan (LASER + EDM) và mài (EDM + AWJM + LAM), độ nhám bề mặt Rz = 2µm Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE MDR và FSC EU Xuất G7	Tép	200	
VT411	Chỉ không tiêu đơn sợi tổng hợp polypropylene 5/0	Chỉ phẫu thuật đơn sợi, không hấp thụ, được tổng hợp từ Polypropylene, polyolefin (C ₃ H ₆) _n , màu xanh (Phthalocyaninato (2) CU), số 5/0, dài 90cm. 2 kim tròn đầu nhọn 17mm, 1/2 vòng tròn. Sức căng lưu giữ đạt 0.643 Kgf. Kim PRIMIPASS NEEDLES được làm bằng thép X-alloy phủ silicone (12% Chrome, 9% Nickel, 2% Cu, 0.9% Ti và Molybdenum), khoan (LASER + EDM) và mài (EDM + AWJM + LAM), độ nhám bề mặt Rz = 2µm Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE MDR và FSC EU Xuất G7	Tép	100	
VT412	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Surgipro số 6-0	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, nối mạch máu - Chỉ bằng Polypropylene phủ PEG, 6/0, dài 75cm, chịu lực suốt vòng đời, chất phủ polyethylene glycol (PEG) diesterate và DSTDP (diesterate-3,3' thiodiopropionate) - 2 kim tròn đầu nhọn, bằng hợp kim Suralloy (Crom 12%, nickel 9%, Cu 2%, titan 0,9%,...), dài 13mm, 3/8C, kim phủ silicone MDX4-4159 đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học ISO10993 theo công nghệ Nucoat - Đóng gói thông minh giúp giảm nhòe hình - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE, FDA (cục quản lý dược phẩm và thực phẩm Hoa Kỳ). Xuất xứ: Châu Mỹ	Tép	159	
VT413	Chỉ không tiêu tổng hợp đơn sợi Polypropylene số 7, kim tròn (2 kim), nối mạch máu	Chỉ phẫu thuật đơn sợi, không hấp thụ, được tổng hợp từ Polypropylene, polyolefin (C ₃ H ₆) _n , màu xanh (Phthalocyaninato (2) CU), số 7/0, dài 75cm. 2 kim tròn đầu nhọn 10mm, 3/8 vòng tròn. Sức căng nút thắt đạt 0.189 Kgf, sức căng lưu giữ đạt 0.249 Kgf. Kim PRIMIPASS NEEDLES được làm bằng thép X-alloy phủ silicone (12% Chrome, 9% Nickel, 2% Cu, 0.9% Ti và Molybdenum), khoan (LASER + EDM) và mài (EDM + AWJM + LAM), độ nhám bề mặt Rz = 2µm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE MDR và FSC EU Xuất G7	Tép	500	

Stt	Danh mục vật tư y tế	Thông số kỹ thuật (tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
VT414	Chỉ không tiêu tổng hợp đơn sợi Polypropylene số 8, 2 kim tròn	Chỉ phẫu thuật đơn sợi, không hấp thụ, được tổng hợp từ Polypropylene, polyolefin (C ₃ H ₆) _n , màu xanh (Phthalocyaninato (2) CU), số 8/0, dài 75cm. 2 kim tròn đầu nhọn 6mm, 3/8 vòng tròn. Sức căng nút thắt đạt 0.116 Kgf, sức căng lưu giữ đạt 0.404 Kgf. Kim PRIMIPASS NEEDLES được làm bằng thép X-alloy phủ silicone (12% Chrome, 9% Nickel, 2% Cu, 0.9% Ti và Molybdenum), khoan (LASER + EDM) và mài (EDM + AWJM + LAM), độ nhám bề mặt Rz = 2µm Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE MDR và FSC EU Xuất G7	Tép	100	
VT415	Chỉ black silk 2/0, không kim	Chỉ phẫu thuật tự nhiên đa sợi bền không tiêu diệt trùng được chiết xuất từ kén tằm. Không có kim	Tép	500	
VT416	Chỉ black silk 2/0, kim tam giác	Chỉ phẫu thuật đa sợi tự nhiên, không hấp thụ, được tổng hợp từ protein hữu cơ (fibroin), phủ sáp hoặc Silicone, số 2/0, dài 75cm. Kim tam giác ngược 24mm, 3/8 vòng tròn. Sức căng nút thắt đạt 3.622 Kgf, sức căng lưu giữ đạt 2.425 Kgf. Kim PRIMIPASS NEEDLES được làm bằng thép X-alloy phủ silicone (12% Chrome, 9% Nickel, 2% Cu, 0.9% Ti và Molybdenum), khoan (LASER + EDM) và mài (EDM + AWJM + LAM), độ nhám bề mặt Rz = 2µm Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE MDR và FSC EU Xuất G7	Tép	200	
VT417	Chỉ black silk 2/0, kim tròn	Chỉ phẫu thuật đa sợi tự nhiên, không hấp thụ, được tổng hợp từ protein hữu cơ (fibroin), phủ sáp hoặc Silicone, số 2/0, dài 75cm. Kim tròn đầu nhọn 26mm, 1/2 vòng tròn. Sức căng nút thắt đạt 3.622 Kgf, sức căng lưu giữ đạt 2.425 Kgf. Kim PRIMIPASS NEEDLES được làm bằng thép X-alloy phủ silicone (12% Chrome, 9% Nickel, 2% Cu, 0.9% Ti và Molybdenum), khoan (LASER + EDM) và mài (EDM + AWJM + LAM), độ nhám bề mặt Rz = 2µm Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE MDR và FSC EU Xuất G7	Tép	800	
VT418	Chỉ không tiêu tự nhiên số 3/0 không kim	Số 3/0 không kim, sợi chỉ dài 150cm. Là chỉ phẫu thuật tự nhiên đa sợi không tiêu diệt trùng được chiết xuất từ kén tằm (lụa tơ tằm) protein hữu cơ. Chỉ được bền bằng phương pháp đặc biệt giúp tăng độ bền, có thể giữ vết thương trong 3 tháng. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE	Tép	1.000	
VT419	Chỉ black silk 3/0 kim tròn	Chỉ phẫu thuật đa sợi tự nhiên, không hấp thụ, được tổng hợp từ protein hữu cơ (fibroin), phủ sáp hoặc Silicone, số 3/0, dài 75cm. Kim tròn đầu nhọn 26mm, 1/2 vòng tròn. Sức căng nút thắt đạt 2.293 Kgf, sức căng lưu giữ đạt 1.452 Kgf. Kim PRIMIPASS NEEDLES được làm bằng thép X-alloy phủ silicone (12% Chrome, 9% Nickel, 2% Cu, 0.9% Ti và Molybdenum), khoan (LASER + EDM) và mài (EDM + AWJM + LAM), độ nhám bề mặt Rz = 2µm Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE MDR và FSC EU Xuất G7	Tép	1.500	
VT420	Chỉ không tiêu tự nhiên số 6/0, kim tam giác	Số 6/0 kim tam giác 3/8C, kim 12mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 75cm. Là chỉ phẫu thuật tự nhiên đa sợi không tiêu diệt trùng được chiết xuất từ kén tằm (lụa tơ tằm) protein hữu cơ. Chỉ được bền bằng phương pháp đặc biệt giúp tăng độ bền, có thể giữ vết thương trong 3 tháng.	Tép	100	

Stt	Danh mục vật tư y tế	Thông số kỹ thuật (tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
VT421	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi Polydioxanone số 7/0, kim tròn	Chỉ phẫu thuật hấp thụ đơn sợi, được điều chế từ polyester, poly(p-dioxanone) (C ₄ H ₆ O ₃)X, số 7/0, dài 45cm. 2 kim tròn đầu nhọn 13mm, 3/8 vòng tròn. Sức căng nút thắt đạt 0.189 Kgf, sức căng lưu giữ đạt 0.346 Kgf. Tan hoàn toàn 182 - 238 ngày. Kim PRIMIPASS NEEDLES được làm bằng thép X-alloy phủ silicone (12% Chrome, 9% Nickel, 2% Cu, 0.9% Ti và Molybdenum), khoan (LASER + EDM) và mài (EDM + AWJM + LAM), độ nhám bề mặt Rz = 2µm Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE MDR và FSC EU Xuất G7	Tép	60	
VT422	Chỉ tiêu chậm tổng hợp đơn sợi Polydioxanone số 2/0, kim tròn	Chỉ phẫu thuật hấp thụ đơn sợi, được điều chế từ polyester, poly(p-dioxanone) (C ₄ H ₆ O ₃)X, số 2/0, dài 75cm. Kim tròn đầu nhọn 26mm, 1/2 vòng tròn. Sức căng nút thắt đạt 3.622 Kgf, sức căng lưu giữ đạt 3.658 Kgf. Tan hoàn toàn 182 - 238 ngày. Kim PRIMIPASS NEEDLES được làm bằng thép X-alloy phủ silicone (12% Chrome, 9% Nickel, 2% Cu, 0.9% Ti và Molybdenum), khoan (LASER + EDM) và mài (EDM + AWJM + LAM), độ nhám bề mặt Rz = 2µm Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE MDR và FSC EU Xuất G7	Tép	500	
VT423	Chỉ tiêu chậm tổng hợp đơn sợi Polydioxanone số 3/0, kim tròn	Chỉ phẫu thuật hấp thụ đơn sợi, được điều chế từ polyester, poly(p-dioxanone) (C ₄ H ₆ O ₃)X, số 3/0, dài 75cm. Kim tròn đầu nhọn 26mm, 1/2 vòng tròn. Sức căng nút thắt đạt 2.293 Kgf, sức căng lưu giữ đạt 2.465 Kgf. Tan hoàn toàn 182 - 238 ngày. Kim PRIMIPASS NEEDLES được làm bằng thép X-alloy phủ silicone (12% Chrome, 9% Nickel, 2% Cu, 0.9% Ti và Molybdenum), khoan (LASER + EDM) và mài (EDM + AWJM + LAM), độ nhám bề mặt Rz = 2µm Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE MDR và FSC EU Xuất G7	Tép	100	
VT424	Chỉ tiêu chậm tổng hợp đơn sợi Polydioxanone số 4/0, kim tròn	Chỉ phẫu thuật hấp thụ đơn sợi, được điều chế từ polyester, poly(p-dioxanone) (C ₄ H ₆ O ₃)X, số 4/0, dài 75cm. Kim tròn đầu nhọn 20mm, 1/2 vòng tròn. Sức căng lưu giữ đạt 1.754 Kgf. Tan hoàn toàn 182 - 238 ngày. Kim PRIMIPASS NEEDLES được làm bằng thép X-alloy phủ silicone (12% Chrome, 9% Nickel, 2% Cu, 0.9% Ti và Molybdenum), khoan (LASER + EDM) và mài (EDM + AWJM + LAM), độ nhám bề mặt Rz = 2µm Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE MDR và FSC EU Xuất G7	Tép	1.000	
VT425	Chỉ tiêu chậm Polydioxane 5/0	Chỉ phẫu thuật hấp thụ đơn sợi, được điều chế từ polyester, poly(p-dioxanone) (C ₄ H ₆ O ₃)X, số 5/0, dài 75cm. Kim tròn đầu nhọn 17mm, 1/2 vòng tròn. Sức căng lưu giữ đạt 0.994 Kgf. Tan hoàn toàn 182 - 238 ngày. Kim PRIMIPASS NEEDLES được làm bằng thép X-alloy phủ silicone (12% Chrome, 9% Nickel, 2% Cu, 0.9% Ti và Molybdenum), khoan (LASER + EDM) và mài (EDM + AWJM + LAM), độ nhám bề mặt Rz = 2µm Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE MDR và FSC EU Xuất G7	Tép	60	
VT426	Chỉ phẫu thuật tiêu tự nhiên từ muối chrom và collagene số 0 kim tròn	Chỉ tan tổng hợp Chromic catgut, đơn sợi làm từ 97% đến 98 % collagen nguyên chất, phủ muối crom, số 0, dài 75 cm, kim tròn đầu nhọn 40mm, 1/2 vòng tròn, màu nâu. Kim phủ silicone. Sức căng nút thắt 5.135 KgF, sức căng lưu giữ 3.25 KgF. Tan hoàn toàn 56-72 ngày. Tiệt trùng bằng tia Gamma Đạt tiêu chuẩn FDA và ISO 13485	Tép	50	
VT427	Chỉ phẫu thuật tiêu tự nhiên từ muối chrom và collagene số 1 kim tròn	Chỉ tan tổng hợp Chromic catgut, đơn sợi làm từ 97% đến 98 % collagen nguyên chất, phủ muối crom, số 1, dài 90 cm, kim tròn đầu nhọn 40mm, 1/2 vòng tròn, màu nâu. Kim phủ silicone. Sức căng nút thắt 6.486 KgF, sức căng lưu giữ 4.42 KgF. Tan hoàn toàn 56-72 ngày. Tiệt trùng bằng tia Gamma Đạt tiêu chuẩn FDA và ISO 13485	Tép	300	

Stt	Danh mục vật tư y tế	Thông số kỹ thuật (tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng	Chi chú
VT428	Chỉ phẫu thuật tiêu tự nhiên từ muối chrom và collagene số 2/0 kim tròn	Số 2/0 kim tròn 1/2C, kim 26mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 75cm. Chỉ được cấu tạo từ muối Chrom và collagen tinh chế được lấy từ màng thanh dịch của bò. Chỉ sẽ mất sức căng không 50% sau 14 ngày cấy ghép, và tự tiêu hoàn toàn trong vòng 90 ngày. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE	Tép	500	
VT429	Chỉ phẫu thuật tiêu tự nhiên từ muối chrom và collagene số 3/0 kim tròn	Chỉ tan tổng hợp Chromic cagut, đơn sợi làm từ 97% đến 98 % collagen nguyên chất, phủ muối crom, số 3/0, dài 75 cm, kim tròn đầu nhọn 26mm, 1/2 vòng tròn, màu nâu. Kim phủ silicone. Sức căng nút thắt 2.293 KgF, sức căng lưu giữ 1.78 KgF. Tan hoàn toàn 56-72 ngày. Tiệt trùng bằng tia Gamma Đạt tiêu chuẩn FDA và ISO 13485	Tép	300	
VT430	Chỉ chromic 4/0, kim tam giác	Số 4/0 kim tam giác 3/8C, kim 19mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 75cm. Chỉ được cấu tạo từ muối Chrom và collagen tinh chế được lấy từ màng thanh dịch của bò. Chỉ sẽ mất sức căng không 50% sau 14 ngày cấy ghép, và tự tiêu hoàn toàn trong vòng 90 ngày. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE	Tép	100	
VT431	Chỉ chromic 4/0 kim tam giác, loại 2 kim	Chỉ chromic 4/0 kim tam giác, loại 2 kim	Tép	100	
VT432	Chỉ khâu đặc biệt số 2/0	Chỉ tan trung bình đơn sợi có gai không cần nút buộc Glycomer 631 thành phần glycolide, dioxanone và trimethylene carbonate, số 2/0 dài 15cm, kim tròn GS22 1/2C 27mm, loại kim SURGALLOY độ đàn hồi cao, được phủ sắc bện theo công nghệ Nucoat, đóng gói dạng vòng giúp tối thiểu nhớ hình, tiêu chuẩn FDA	Tép	200	
VT433	Chỉ khâu đặc biệt số 3/0	Chỉ khâu tiêu tổng hợp, đơn sợi khâu cơ, đường tiêu hoá <ul style="list-style-type: none"> - Chỉ bằng Glycomer 631 thành phần glycolide, dioxanone và trimethylene carbonate, có gai số 3/0, một đầu có vòng không cần nút buộc, dài 30cm, thời gian giữ vết thương 2 tuần, tan hoàn toàn 90 ngày. - Mật độ gai: 20 gai cùng chiều /cm, các gai xếp vòng quanh sợi chỉ. Thiết kế gai với góc cắt đôi giúp tăng lực giữ mô - Độ bền kéo ≥ 1.77 kgF - 1 kim tròn đầu tròn, bằng Surgalloy 26mm, 1/2C, kim phủ silicone sắc bện giúp giảm tình trạng ăn mòn kim bằng công nghệ Nucoat - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, CE, FDA. Xuất xứ: G7 	Tép	400	
VT434	Chỉ khâu đặc biệt số 4/0	Chỉ khâu tiêu trung bình tổng hợp, đơn sợi khâu cơ, đường tiêu hoá <ul style="list-style-type: none"> - Chỉ bằng Glycomer 631 thành phần glycolide, dioxanone và trimethylene carbonate, có gai số 4/0, hướng gai một chiều, một đầu có vòng không cần nút buộc, dài 15cm, thời gian giữ vết thương 2 tuần, tan hoàn toàn 90 ngày. - Mật độ gai: 20 gai cùng chiều /cm, các gai xếp vòng quanh sợi chỉ. Thiết kế gai với góc cắt đôi giúp tăng lực giữ mô - Độ bền kéo ≥ 0.95 kgF - 1 kim tròn đầu tròn, bằng Surgalloy 17mm, 3/8C, kim phủ silicone sắc bện giúp giảm tình trạng ăn mòn kim bằng công nghệ Nucoat - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn: ISO, CE, FDA (cục quản lý dược phẩm và thực phẩm Hoa Kỳ). Xuất xứ: G7 	Tép	200	
VT435	Chỉ Polyglactin 910 số 1 khâu gan	Chỉ phẫu thuật hấp thụ đa sợi, được làm từ 90% Glycolide và 10% Lactide, phủ Polyglactin 370 (glycolide-co-l-lactid 30/70) và Calcium Stearate, số 1, dài 100cm, màu tím D & C Violet. Kim tròn đầu tù 65mm, 1/2 vòng tròn. Sức căng nút thắt đạt 6.486 KgF, sức căng lưu giữ đạt 6.631 KgF. Tan hoàn toàn 56-70 ngày. Kim PRIMIPASS NEEDLES được làm bằng thép X-alloy phủ silicone (12% Chrome, 9% Nickel, 2% Cu, 0.9% Ti và Molybdenum), khoan (LASER + EDM) và mài (EDM + AWJM + LAM), độ nhám bề mặt Rz = 2 μ m Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE MDR và FSC EU Xuất G7	Tép	60	

Stt	Danh mục vật tư y tế	Thông số kỹ thuật (tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
VT436	Áo phẫu thuật dùng trong phòng can thiệp	Vải không dệt SMMMS 5 lớp chống thấm nước, chống thấm cồn, chống tĩnh điện, kích thước 130 (l) x 150 (w) cm. Đạt tiêu chuẩn về độ bảo vệ AAMI, Các đường nối và chấm dây được may bằng máy ép cao tần., Mỗi áo gồm 2 khăn thấm 30x40cm, vải spunlace có độ thấm tốt, mềm mại và 1 giấy gói spunbond 50x55cm tiệt trùng. Tiêu chuẩn CE, ISO 13485	Cái	10.000	
VT437	Bộ sàng giấy dùng trong phẫu thuật nội soi	Làm bằng vải không dệt SMMMS >=43gsm cao cấp 5 lớp 45gsm chống thấm nước, chống thấm cồn, chống tĩnh điện. Tiêu chuẩn AAMI mức độ 3. Bộ khăn gồm: 1 x Khăn trải bàn dụng cụ hai lớp 140x200cm, 1 x Khăn nội soi khớp gối có túi chứa dịch rộng thể tích: 240x310cm, Khăn được làm bằng vải không dệt SMS cao cấp 5 lớp – Mềm mại. - Vùng phẫu trường với lỗ tròn đường kính 6 cm được cấu tạo từ màng co giãn, dẻo, đảm bảo ô nhiễm chân bệnh nhân Có túi chứa dịch lỏng với lỗ tròn đàn hồi đường kính 5 cm, miệng túi có thanh tựa giúp cố định miệng túi. Túi có cơ nối để xả chất lỏng với thể tích > 52l, 2 x Khăn thấm 30x40cm, 2 x Băng keo y tế 9x50cm chất liệu acrylic 1 x Bao chi dưới 28x85cm, làm từ vải bán thấm 62gsm, vải gồm 2 lớp, lớp bên trong thấm giúp thông thoáng cho bệnh nhân, lớp bên ngoài không thấm Tiêu chuẩn chất lượng ISO13485 và CE	Bộ	1.000	
VT438	Bộ khăn nội soi khớp vai S04	Bộ khăn gồm có: 1 x Khăn trải bàn dụng cụ L 1 x Băng keo 9x50cm, 1 x Khăn phẫu thuật chỉ A: Khăn hình chữ T có màng TPE có lỗ đàn hồi và vùng thấm; có tấm cố định các ống dây, 1 x Khăn đa dụng 80x100cm, 1 x Khăn thấm 30x40cm, 1 x Bao chi dưới 28x85cm, Tiêu chuẩn ISO 13485	Bộ	100	
VT439	Bộ khăn nội soi khớp gối S03	Làm từ vải không dệt 6 lớp SMMMS 47gsm không thấm cồn, không thấm nước, chống tĩnh điện gồm: 4 x khăn thấm 30 x 40cm, 2 x Băng keo OP 10x50cm, 1 x Bao phủ chi 23 x 80cm, 1 x Khăn nội soi khớp gối 240x300cm có lỗ và màng thun, 1 x Khăn trải bàn dụng cụ 140x200cm. Tiêu chuẩn: ISO 13485	Bộ	100	
VT440	Bộ khăn nội soi khớp vai S04	Làm từ vải không dệt 6 lớp SMMMS 47gsm không thấm cồn, không thấm nước, chống tĩnh điện gồm: 1 x Khăn trải bàn dụng cụ 140x200cm, 1 x Khăn U plastic 150x220cm: Rãnh hình chữ 'U' 12 x 65 cm có dán băng keo y tế, 1 x Khăn nội soi khớp vai có túi chứa dịch A 160x230: Có túi chứa dịch lỏng với ống nối, 1 x Băng keo OP 10x50cm, 1 x Bao chi trên 23x60cm, chất liệu vải bán thấm thiết kế chỉ thấm một trong, không thấm mặt ngoài, 2 x Khăn thấm 30x40cm, Tiêu chuẩn ISO 13485	Bộ	100	
VT441	Bộ khăn chụp mạch vành 3 lỗ	Làm bằng vải không dệt SMMMS cao cấp 5 lớp 43gsm . có vùng thấm hút với chất liệu vải thấm 130gsm Bộ khăn gồm: - 1x Khăn trải bàn dụng cụ gia cố lớp chống thấm SMMMS 200x 240 cm , - 1x Khăn chụp mạch vành 220x370 cm được cấu tạo từ vải không dệt SMMMS không thấm nước, không thấm cồn, chống tĩnh điện, Hai bên khăn được thiết kế bằng chất liệu trong suốt giúp nhìn được các máy điều khiển; tại vùng phẫu trường có vùng thấm hút đặc biệt 130gsm, có phần màng phẫu thuật bằng polyurethane, 2 lỗ đùi và 1 lỗ ở tay., - 1x Bao chụp đầu đèn đường kính 60cm, - 1x Khăn phủ bàn dụng cụ vô trùng 150x180cm, -1x Tấm phủ chân chỉ 150x180 cm, - 1x Bao kính chắn chỉ : 100cm x 120cm, - 1x Bao dụng remote 10x26cm-1x Khăn lót 30x60cm Tiêu chuẩn CE, ISO 13485 và FDA	Bộ	200	

Stt	Danh mục vật tư y tế	Thông số kỹ thuật (tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
VT442	Bộ cảm biến áp lực đo huyết áp xâm lấn IBP	Bộ cảm biến áp lực đo huyết áp xâm lấn IBP	Bộ	100	
CT1	Ống thông can thiệp mạch vành	Ống thông can thiệp loại có lực hỗ trợ cân bằng, thành ống thông có lõi là các sợi kim loại dệt được bao phủ toàn bộ bằng polynier, giúp cho thành ống thông mỏng mà vẫn vững chắc. Lòng ống thông rộng từ 0.058" đến 0.090". Có dây đủ kích thước từ 5-8F và các độ cong trợ giúp can thiệp, đặc biệt là độ cong EBU, RBU, IMA, SAL, SL, AL, JR..... - Tiêu chuẩn chất lượng FDA. Hoặc tương đương loại Launcher	Cái	250	
CT2	Bộ bơm bóng can thiệp tim mạch, loại 2	Bộ dụng cụ tiện ích bơm bóng áp lực cao bao gồm: - Dụng cụ bơm bóng áp lực cao Encore 26 Inflation Device, - Bộ phận nối Y - Gateway™ Plus Y Adaptor: van cầm máu dạng vặn - Dụng cụ chèn - Insertion tool - Dụng cụ quay - Torque device Dung tích 20ml. Áp lực tối đa 26ATM. Thiết bị cũng bao gồm một áp kế có mặt hiển thị 0-26 atm/bar (0-2634 kpa), một xi lanh 20ml (20 cc) và ống nối.	Bộ	350	
CT3	Bộ dụng cụ đóng động mạch đùi	- Đóng mạch bằng chỉ tạo sãn - Chỉ định cho sử dụng lỗ vào động mạch đùi 5F đến 21F; cho lỗ vào tĩnh mạch đùi 5F đến 24F - Chỉ Monofilament Polypropylene, đường kính 0.0088", chiều dài tối thiểu 20" - Kim: Đồng thép không gỉ 300, đường kính 0.021" - Vỏ: Polyether Block Amide, đường kính 0.113", chiều dài 8.8" - Chỉ định cho lỗ vào động mạch 5-21F - Không cản trở tiếp cận trở lại sau khi sử dụng dụng cụ đóng mạch - Sửa chữa bằng chỉ có thể đánh giá và xác nhận ngay tại bàn - Có khả năng duy trì đường vào dây dẫn - Có báo cáo lâm sàng: Giảm yêu cầu truyền máu đến 80%, Giảm bị nhiễm trùng đến 41%, Giảm bị tử vong trong 30 ngày sau can thiệp đến 70%, Ở lại bệnh viện ngắn hơn đến 43%	Cái	40	
CT4	Bộ hút huyết khối mạch vành	Catheter hút huyết khối ASAP LP - Có đường viên bện thép không gỉ giúp ống thông chống xoắn vặn tốt, và chịu được áp lực dòng chảy cao - Đầu tip thuận - Sử dụng cho mạch máu có đường kính ≥ 1.5 mm - Markers bằng chất liệu Platinum - Chiều dài Catheter hút 145 cm - Catheter 4F được thiết kế khoang hút lớn nhất - Đường kính Guiding catheter tương thích ≥ 0.066 " - Guide wire tương thích: 0.014". Có đầu Rapid Exchange dài 20 cm để đi dây guide wire 0.014" - Đoạn ái nước 30 cm - Cung cấp kèm theo: 2 syringe hút 30 ml, 1 cái syringe flushing 4 ml, 1 khay chứa và làm đông máu chứa tối đa 60ml dung dịch và 2 cái lọc 70 micron, 1 tubing: 21.5 cm có stopcock. - Đạt cả 2 tiêu chuẩn chất lượng FDA và CE	Bộ	10	

Stt	Danh mục vật tư y tế	Thông số kỹ thuật (tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
CT5	Bộ máy phá rung (ICD) 1 buồng có chức năng MRI	<ul style="list-style-type: none"> Tạo nhịp 1 buồng, có khử rung, chuẩn DF4. Tương thích chụp an toàn MRI toàn thân 3T - không giới hạn vùng chụp, thời gian chụp, chiều cao của bệnh nhân. Kiểu dáng sinh lý - giảm tối đa áp lực lên ngực bệnh nhân. Véc-tơ nhận cảm thất phải ≥ 2 kiểu - cung cấp tùy chọn không xâm lấn để xử lý các trường hợp bị nhận làm sóng T và biên độ sóng R giảm. Tự động chuyển đổi tạo nhịp vượt tần số trước và trong khi sạc tụ. Tính năng cảnh báo dây điện cực gặp vấn đề - giúp giảm sốc làm bằng cách kéo dài thời gian dò tìm VF. Tính năng cung cấp dữ liệu lâm sàng của bệnh nhân ≥ 14 tháng. Tính năng ngăn ngừa phát hiện SVT như VT bằng cách so sánh hình dạng từng QRS của nhịp nhanh với mẫu, cho phép bác sĩ đánh giá mẫu và lấy mẫu mới tại thời điểm hiện tại. Chức năng gợi ý các thông số giúp lập trình máy thích hợp cho từng bệnh nhân. Tuổi thọ máy lên đến ≥ 11 năm. 	Bộ	4	
CT6	Bộ máy phá rung (ICD) 2 buồng có chức năng MRI	<ul style="list-style-type: none"> Tạo nhịp 2 buồng, có khử rung, chuẩn DF4. Công nghệ cho phép chụp an toàn MRI toàn thân 3T - không giới hạn vùng chụp, thời gian chụp, chiều cao của bệnh nhân Tự động chuyển đổi tạo nhịp vượt tần số trước và trong khi sạc tụ. Tự động chuyển chế độ tạo nhịp về VAI/ AAIR khi bệnh nhân có dẫn truyền nhĩ thất bình thường. Tính năng phân biệt nhanh trên thất và nhanh thất dựa trên phân tích mẫu và tần số Kiểu dáng sinh lý - giảm tối đa áp lực lên ngực bệnh nhân. Véc-tơ nhận cảm thất phải ≥ 2 kiểu - cung cấp tùy chọn không xâm lấn để xử lý các trường hợp bị nhận làm sóng T và biên độ sóng R giảm. Tính năng cảnh báo dây điện cực gặp vấn đề - giúp giảm sốc làm bằng cách kéo dài thời gian dò tìm VF. Cardiac Compass cung cấp dữ liệu lâm sàng của bệnh nhân ≥ 14 tháng. Có chức năng gợi ý các thông số giúp lập trình máy thích hợp cho từng bệnh nhân. 	Bộ	2	
CT7	Bộ máy phá rung kèm tái đồng bộ (CRT-D).	<ul style="list-style-type: none"> Tạo nhịp 3 buồng, có khử rung. Tương thích MRI toàn thân 3T không giới hạn thời gian chụp và chiều cao của bệnh nhân. Kiểu dáng sinh lý - giảm áp lực lên da bệnh nhân. Tính năng sốc thông minh giúp ngăn chặn sốc làm. Điện cực thất trái 4 cực, chuẩn IS-4, có điện cực LV2-LV3 cách nhau $\leq 1.3\text{mm}$ giúp giảm giật cơ hoành. Điện cực thất trái bốn cực cố định chủ động dạng xoắn vào thành mạch. Dây điện cực khử rung DF4, chất cách điện Silicone, PTFE, ETFE, phủ Dexamethasone acetate and dexamethasone sodium phosphate Tính năng tự động đo ngưỡng tất cả các véc-tơ tạo nhịp thất trái. Tính năng gợi ý thông số cài đặt tối ưu tái đồng bộ tim giảm bớt các lập trình khoảng av và vv không phù hợp. Tự động đánh giá ngưỡng tạo nhịp tất cả các véc-tơ của thất trái. Theo dõi dịch phổi giúp đánh giá tình trạng suy tim ở bệnh nhân. Cung cấp dữ liệu lâm sàng của bệnh nhân ≥ 14 tháng. Có chức năng gợi ý các thông số giúp lập trình máy thích hợp cho bệnh nhân. Biên độ kích thích tối đa $\geq 8\text{V}$. 	Bộ	2	

Stt	Danh mục vật tư y tế	Thông số kỹ thuật (tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
CT8	Bộ máy tạo nhịp tim vĩnh viễn 1 buồng có chức năng MRI	<ul style="list-style-type: none"> Tạo nhịp tim 1 buồng, đáp ứng nhịp theo vận động. Thể tích máy $\leq 9,7$ cc. Cho phép chụp MRI toàn thân 3T không giới hạn thời gian chụp và chiều cao của bệnh nhân. Quản lý tạo nhịp thất, cho phép lập trình biên độ tạo nhịp an toàn lên tới 4 lần ngưỡng tạo nhịp. Có chức năng gợi ý các thông số lập trình máy thích hợp cho từng bệnh nhân. Tần số đáp ứng với nam châm khi còn pin ≤ 85 chu kỳ/phút. Dây điện cực dạng xoắn (xoắn ra, thu vào), lưỡng cực Chất liệu đầu xoắn: bạch kim. Chất liệu silicon cách điện bên trong, bên ngoài: silicone/polyurethan Dây điện cực tương thích MRI toàn thân 3T. Được phủ steroid 	Bộ	6	
CT9	Bộ máy tạo nhịp tim vĩnh viễn 2 buồng có chức năng MRI	<ul style="list-style-type: none"> Tạo nhịp tim 2 buồng, có đáp ứng nhịp theo vận động. Cho phép chụp MRI toàn thân 3T - không giới hạn thời gian chụp và chiều cao của bệnh nhân. Quản lý tạo nhịp nhĩ và thất, cho phép lập trình biên độ tạo nhịp an toàn lên tới 4 lần ngưỡng tạo nhịp. Có chức năng gợi ý các thông số giúp lập trình máy thích hợp cho từng bệnh nhân. Tần số đáp ứng với nam châm khi còn pin ≤ 85 chu kỳ/phút. Tuổi thọ pin $\geq 14,9$ năm. Dây điện cực dạng xoắn (xoắn ra, thu vào), lưỡng cực Chất liệu đầu xoắn: bạch kim. Chất liệu silicon cách điện bên trong, bên ngoài: silicone/polyurethan Dây điện cực tương thích MRI toàn thân 3T. Được phủ steroid 	Bộ	6	
CT10	Máy tạo nhịp 1 buồng không dây, tương thích MRI 3T toàn thân. Thể tích máy nhỏ $\leq 0,8$ cc.	<ul style="list-style-type: none"> Tạo nhịp tim 1 buồng không dây, có đáp ứng nhịp. Thể tích máy $\leq 0,8$ cc, trọng lượng $\leq 1,75$ gram. Tương thích MRI toàn thân 3T Tự động theo dõi và điều chỉnh ngưỡng nhận cảm. Có tính năng quản lý tạo nhịp thất. Tuổi thọ pin ≥ 10 năm. 	Cái	1	
CT11	Máy tạo nhịp 2 buồng không dây, cho phép duy trì đồng bộ nhĩ thất, tương thích MRI 3T toàn thân.	<ul style="list-style-type: none"> Tạo nhịp tim 2 buồng không dây, có đáp ứng nhịp. Thể tích máy $\leq 0,8$ cc, trọng lượng $\leq 1,75$ gram. Cho phép duy trì đồng bộ nhĩ thất. Tương thích MRI toàn thân 3T. Tự động theo dõi và điều chỉnh ngưỡng nhận cảm. Có tính năng quản lý tạo nhịp thất. Tuổi thọ pin trung bình 8- 13 năm. 	Cái	1	
CT12	Bộ mở đường động mạch đùi	<p>Dụng cụ mở đường đùi kèm kim chọc mạch</p> <p>Kích cỡ 4Fr, 5Fr, 6Fr, 7Fr, 8Fr, 9Fr</p> <p>Chiều dài: 9cm, 11cm, 23cm</p> <p>Dây dẫn đường kính 0,021", 0,038", chiều dài 45cm, 60cm</p> <p>Kim chọc mạch cỡ 20Gx3.8cm, 18Gx6.5cm</p> <p>Chất liệu van cầm máu: Silica gel</p> <p>- Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016. Chứng nhận CE, CFS</p>	Cái	250	
CT13	Bộ mở đường động mạch quay	<p>Dụng cụ mở đường quay (sheath Introducer) 4F, 5F, 6F, 7F</p> <ul style="list-style-type: none"> Chất liệu polyethylene và Polypropylene. Có van cầm máu giúp ngăn chặn máu rò rỉ Có thiết kế holster giúp cố định và giữ các dụng cụ trong bộ đúng chỗ Có Guidewire kèm (làm bằng thép không gỉ) có đầu cong hình J, đường kính 0.018", dài 40cm Có kèm theo kim chọc mạch 21Gx 4cm, có khóa 3 ngã Đều các cỡ 4F, 5F, 6F, 7F dài 7 cm, 11 cm, 23 cm mỗi size được thiết kế màu sắc khác nhau. Đạt cả 2 tiêu chuẩn chất lượng FDA và CE 	Cái	300	

Stt	Danh mục vật tư y tế	Thông số kỹ thuật (tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
CT14	Bộ phân phối 3 công	Có 3 công, loại ON/ OFF Chịu được áp lực 250PSI, 500PSI Chất liệu PC 1805, POM 4590, Silicone gel. Đế van chính trong suốt để có thể quan sát khí thải (bọt khí và máu quay trở lại) Lồng trong đường kính 2,3mm - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016. Chứng nhận CE, CFS	Cái	250	
CT15	Bóng nong động mạch vành phủ thuốc	Bóng nong mạch vành phủ thuốc Sirolimus 1.0µg/mm ² - Kết hợp giữa thuốc sirolimus và polymer phân hủy sinh học. - Thời gian giải phóng thuốc lên đến 90 ngày. - Sử dụng công nghệ kết dính tế bào (công nghệ lipid lưỡng tính) giúp liên kết thuốc sirolimus và polymer với bề mặt bóng. - Thiết kế ống thông: RX. Chiều dài ống thông khả dụng: 140cm; - Tương thích dây dẫn: 0.014" - Tương thích ống thông can thiệp: ≥ 5Fr đối với đường kính bóng từ 1.50-3.75mm; ≥ 6Fr đối với đường kính bóng từ 4.00-5.00mm - Áp suất bóng danh nghĩa: 6bar - Áp suất nổ định mức: 12bar - Đường kính bóng tối thiểu đủ các cỡ: 1.50mm đến 5.0mm - Chiều dài bóng tối thiểu đủ các cỡ: 10mm đến 40mm. - Đường kính bóng từ 2.00mm đến 4.00mm có tối đa 3 nếp gấp. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO. Chứng nhận CE Châu Âu, CFS	Cái	20	
CT16	Bóng nong động mạch vành phủ thuốc	Bóng nong mạch vành phủ thuốc paclitaxel, chất liệu bóng Pebax 7033. Hàm lượng thuốc 3,5 µg/mm ² . Công nghệ phủ thuốc FreePac sử dụng urê tương thích sinh học. Có bằng chứng dữ liệu về an toàn và hiệu quả trên 10 nghiên cứu lâm sàng với hơn 1.400 bệnh nhân	Cái	20	
CT17	Bóng nong mạch máu ngoại biên các cỡ, tương thích dây dẫn 0.035	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên - Chất liệu: Modified polyamide - Bóng được sản xuất công nghệ Laser-bonding đảm bảo sự liên mạch & linh hoạt của bóng và công nghệ UP Ultimate Pressure đảm bảo Công nghệ phủ Hydrophilic HiFlow. - Thiết kế hệ thống: Over the Wire - Tương thích dây dẫn 0.035". - Áp lực tối đa: 23 atm - Đường kính 4 - 10mm, dài 20 - 120mm - Tiêu chuẩn CE	Cái	60	
CT18	Bóng nong mạch máu ngoại biên các cỡ, tương thích dây dẫn 0.014"/0.018	Chất liệu Pebax trên bóng phủ lớp ái nước Hydrophilic công nghệ Bioslide. Đầu vào vị trí tổn thương khoảng 0.020". Có 2 dạng: Monorail và Over-the-wire. Catheter dài khoảng 40cm, 80cm, 90cm, 135cm, 150 cm. Có 2 markers bằng vàng dễ nhận diện hơn. Đường kính từ 2.0mm đến 10.0mm, chiều dài từ 10mm đến 220mm. Tương thích dây dẫn 0.014"/0.018". Áp lực vỡ bóng tối đa 14atm.	Cái	50	
CT19	Bóng nong mạch máu ngoại biên dưới gối, dùng dây dẫn 0.018"	- Bóng nong mạch máu ngoại vi sử dụng dây dẫn 0.018" - Áp suất làm việc bình thường 6 atm. Bóng có đường kính nhỏ áp suất nổ bóng có thể lên đến 16 atm. - Chiều dài Catheter: 75 / 130 / 150cm - Đường kính: 2- 9mm - Chiều dài bóng: 2 - 30 cm tùy theo kích thước bóng. - Sử dụng các dụng cụ mở đường (sheath): 4F / 5F / 6F. - Lớp phủ ái nước (Hydrophilic) kép Ultra-Cross™ được thiết kế để giảm ma sát. - Thiết kế điểm Checker™ Flex giúp bóng dễ dàng uốn cong nhẹ nhàng theo hình dạng của tổn thương. - Tiêu chuẩn ISO hoặc FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	30	

Stt	Danh mục vật tư y tế	Thông số kỹ thuật (tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
CT20	Bóng nong mạch máu ngoại biên trên gối, dùng dây dẫn 0.035", loại mềm	<ul style="list-style-type: none"> - Bóng nong mạch máu ngoại vi sử dụng dây dẫn 0.035". - Áp suất làm việc bình thường 8 atm cho đường kính từ 3mm - 7mm và 6 atm cho đường kính từ 8mm-12mm; Áp lực vỡ bóng có thể lên tới 21 atm đối với bóng có đường kính nhỏ. - Đường kính: 3 - 10mm và 12mm - Chiều dài: 20 - 300 mm tùy theo kích thước bóng. - Chiều dài Catheter: 75 / 130 cm. - Sử dụng các dụng cụ mở đường (sheath): 5F / 6F / 7F. - Tiêu chuẩn ISO hoặc FDA hoặc CE 	Cái	40	
CT21	Bóng nong mạch máu ngoại biên trên gối, dùng dây dẫn 0.035", loại cứng	<ul style="list-style-type: none"> - Bóng nong mạch máu ngoại vi áp lực cao, sử dụng dây dẫn 0.035". - Áp suất làm việc bình thường 8 atm. Áp lực vỡ bóng tối đa lên tới 40 atm cho các đường kính từ 4 - 7mm. - Đường kính bóng: 4 - 10 mm và 12 mm - Chiều dài Catheter 50 / 75 cm. - Chiều dài bóng: 2 - 10 cm tùy theo đường kính bóng. - Sử dụng dụng cụ mở đường (sheath): 6F / 7F / 8F tùy theo chiều dài và đường kính bóng. - Bóng làm bằng vật liệu composite với thiết kế dạng sợi bền hơn. - Công nghệ ultra non-compliant (không đàn hồi) tạo lực căng tối ưu (8 – 40 ATM) để điều trị các vị trí tổn thương khó trị nhưng không làm vỡ bóng. - Tiêu chuẩn ISO hoặc FDA (Cơ quan lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu). 	Cái	30	
CT22	Bóng nong mạch máu ngoại biên phủ thuốc paclitaxel, các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> - Bóng nong mạch máu ngoại biên có phủ thuốc 2 µg/mm² paclitaxel và chất polysorbate/sorbitol, sử dụng dây dẫn 0.014". - Đường kính bóng: 2 - 4 mm; - Chiều dài bóng: 40 - 150 mm tùy theo kích thước đường kính bóng. - Chiều dài Catheter: 100 / 130 / 150 cm. - Điểm đánh dấu cân quang (Markers) làm tăng hiệu quả trong quá trình phẫu thuật. - Tiêu chuẩn ISO hoặc FDA hoặc CE 	Cái	30	
CT23	Bóng nong mạch máu ngoại biên phủ thuốc Sirolimus, các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> - Bóng nong mạch ngoại vi phủ thuốc Sirolimus 1.0µg/mm² - Kết hợp giữa thuốc sirolimus và polymer phân hủy sinh học; Thời gian giải phóng thuốc lên đến 90 ngày. - Thiết kế ống thông: OTW, Chiều dài ống thông khả dụng: 135cm - Tương thích dây dẫn: 0.018"; Đầu tip: 0.021" - Tương thích Introducer Sheath 5Fr, 6Fr, 7Fr - Áp suất bóng danh nghĩa: 6bar - Áp suất nổ định mức: 12bar đối với các cỡ 20-40mm ; 10bar đối với các cỡ 60-150mm: - Đường kính bóng tối thiểu đủ các cỡ: 2.0mm đến 7.0mm - Chiều dài bóng tối thiểu đủ các cỡ: 20mm đến 150mm. - Đường kính bóng < 5.00mm có tối đa 3 nếp gấp; Đường kính bóng ≥ 5.00mm có tối đa 5 nếp gấp. - Đạt tiêu chuẩn ISO. Chứng nhận CE, CFS 	Cái	30	
CT24	Bóng nong mạch máu ngoại biên phủ thuốc paclitaxel, các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> Bóng nong mạch máu ngoại biên dưới gối phủ thuốc - Chất liệu bóng Polyamide. - Phủ thuốc Paclitaxel 3.0µg/mm², các tinh thể thuốc 0.1µm - Tương thích dây dẫn 0.014", 0.018" và 0.035". - Loại bóng dạng OTW. - Áp suất vỡ bóng từ 12-16 atm. - Đường kính từ 2-10mm, dài từ 20-150mm. - Tiêu chuẩn CE 	Cái	30	

Stt	Danh mục vật tư y tế	Thông số kỹ thuật (tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
CT25	Bóng nong mạch vành áp lực cao	1. Thông số kỹ thuật: Được làm từ Nylon 11, đoạn xa : 2.7F, đoạn gần: 2.3F, Kích thước đầu nong: 0.018", Đường kính trong: 5.0 Fr, Đường kính guide wire: 0.014" (0.36mm), Chiều dài catheter: 135 cm Áp suất tối thiểu: 14 atm, Áp suất tối đa: 22 atm Đường kính bóng nong: tối thiểu 10 kích thước 2.0 - 5.0mm Chiều dài bóng nong: tối thiểu 8 kích thước 6 - 30mm 2. Tính năng, công nghệ: 3 nếp gấp, Rapid Exchange, Semi compliant, 2 vạch chắn bức xạ (bằng Platinum) 3. Tiêu chuẩn chất lượng: FDA và ISO 13485, Xuất xứ G7	Cái	200	
CT26	Bóng nong mạch vành áp lực thường	1. Thông số kỹ thuật: Được làm từ Nylon 12, đoạn xa : 2.8F, đoạn gần: 2.3F, Đường kính trong: 5.0 Fr, Đường kính: 0.014" (0.36mm), Kích thước đầu nong: 0.017", Chiều dài: 135 cm Áp suất tối thiểu: 8 atm (Ø1.5mm-3.0mm) / 6atm (Ø 3.5mm-4.0mm) Áp suất tối đa: 16 atm (Ø1.5mm-3.5mm) / 14atm (Ø 4.0mm) Đường kính bóng nong: tối thiểu 8 kích thước 1.5 - 4.0mm Chiều dài bóng nong: tối thiểu 11 kích thước 9 - 30mm 2. Tính năng, công nghệ: 3 nếp gấp, Rapid Exchange, Semi compliant, 2 vạch chắn bức xạ (bằng Platinum) 3. Tiêu chuẩn chất lượng: FDA và ISO 13485, Xuất xứ G7	Cái	200	
CT27	Catheter can thiệp và hỗ trợ mạch ngoại biên, loại 1	Lớp phủ ái nước giúp tăng độ trơn láng. Đầu xa phủ hydrophilic, thân catheter và hub trong suốt. Đầu tip màu tím, thon dần. Đường kính tiếp cận tổn thương 0.018" Có 3 điểm đánh dấu cân quang nằm cách đều nhau dọc theo trục đầu xa. Đường kính: 0.014", 0.018", 0.035". Chiều dài: 65cm, 90cm, 135cm, 150 cm.	Cái	100	
CT28	Catheter can thiệp và hỗ trợ mạch ngoại biên, loại 2	Ống thông chẩn đoán ngoại biên - Chất liệu Nylon Pebax trơn nhẵn - Có đường viền bên giúp chống gãy gấp, chống biến dạng. - Có đầu tip mềm và hãm lực (bumper tip) chống tổn thương lòng mạch, khả năng nhớ hình đầu tip tốt - Đường kính trong lớn hơn: 0.042" (1.07mm) loại 4F, 0.046" (1.17mm) loại 5F; 0.054" (1.37mm) loại 6F giúp dòng chảy lớn hơn với áp lực nhỏ hơn - Hình dạng đầu tip: DVS A1, DVS A2, Cobra 1-3, Simmon 1-5, Vertebral, Headhunter 1-5, Hook, Bentson 1-3, Bentson, Cerebral, Berenstein, Ultimate, Renal, Bern - Độ kích thước: dài 40 - 150 cm, tương thích guide wire 0.035"; 0.038". - Có 1-5 lỗ bên giúp tăng cường đẩy chất cân quang, tăng khả năng quan sát chẩn đoán (visualization). - Đạt cả 2 tiêu chuẩn chất lượng FDA và CE	Cái	250	
CT29	Cover stent động mạch chủ	- Giá đỡ động mạch có lớp bao PTFE, bung bằng bóng (covered Stent), Làm bằng vật liệu thép không rỉ mới và được bao phủ bởi hai lớp ePTFE với độ dày 10 - 40 µm; - Lớp ePTFE dạng vi xóp cải tiến giúp hạn chế sự tăng sinh của tăng sinh lớp nội mạc của mạch máu; - Thiết kế nón bóng ngăn để giảm thiểu các nguy cơ của ống thông bị rơi trong kỹ thuật kissing stent; - Chất liệu bóng Polyamide, chất liệu trục thân Polyamide with radiopacifier và Radiopaque marker bands - Chiều dài Cover Stent: 16 - 58mm, thay đổi tùy thuộc vào đường kính Cover Stent - Đường kính Cover Stent: 5 - 10 mm và 12 mm - Chiều dài Catheter: 80 / 135 cm; - Bóng có áp lực làm việc bình thường 8 atm và áp lực vỡ bóng 12 atm; - Sử dụng dụng cụ mở đường (Sheath): 6F / 7F / 8F; - Sử dụng wire 0.035"; - Tiêu chuẩn ISO hoặc FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	5	

Stt	Danh mục vật tư y tế	Thông số kỹ thuật (tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
CT30	Đầu dò siêu âm mạch vành và ngoại biên, tương thích với máy Volcano	Đầu dò siêu âm cao tần kỹ thuật số mạch vành và ngoại biên, tần số 20MHz, đường kính hình ảnh tối đa đến 20 mm, có đầu tip ngắn 2.5 mm, lớp phủ lớp ái nước 24 cm GlyDx, có 3 marker đánh dấu phía sau transducer, cách marker transducer 14 mm, mỗi marker cách nhau khoảng 10 mm; tương thích phần mềm ChromaFLO phân biệt dòng máu chảy và phần mềm VH phân biệt mô; chiều dài transducer 5 mm, đường kính ngoài của transducer lớn nhất 3.5 F; đường kính ngoài 0.019"; tương thích dây dẫn 0.014 inch, ống thông nhỏ nhất 5F, chiều dài hữu dụng 150 cm; phù hợp tiếp cận sang thượng khó như sang thượng CTO, sang thượng lỗ, sang thượng mạch nhánh	Cái	80	
CT31	Dây chẩn đoán ái nước	Dây dẫn đường ái nước Lõi Nitinol phủ TPU siêu đàn hồi chống xoắn, thiết kế thon dài Lớp phủ Polymer cân quang Có 2 loại đầu tip thẳng và gấp góc Đường kính 0,032" và 0,035" Dài 260cm - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016. Chứng nhận CE, CFS	Cái	200	
CT32	Dây dẫn (vi dây dẫn) can thiệp CTO	Dây dẫn đa lõi/ đơn lõi Tip load: 0.3 - 12 gf Lớp phủ: silicon, ái nước hoặc ái nước trên nền polymer. Đầu tip: straight, J, pre-shape. Chiều dài: 180 - 330 cm	Cái	30	
CT33	Dây dẫn áp lực để đo dự trữ dòng chảy động mạch vành (FFR)	Dây đo phân suất dự trữ lưu lượng mạch máu PressureWire X - Có lớp phủ ái nước và lớp phủ PTFE, giúp tăng cường khả năng đến vị trí sang thượng - Vị trí đầu dò cách đầu tip 3 cm - Đầu tip mềm bền được thiết kế để bảo vệ mạch máu trong giải phẫu quanh cơ mà không ảnh hưởng đến khả năng điều khiển/khả năng theo dõi - Chiều dài hữu dụng 175 cm và 300 cm - Đường kính 0.014" - Chiều dài đoạn linh hoạt: 31 cm - Chiều dài chắn bức xạ ở vị trí đầu tip đến vị trí đầu dò (radiopaque): 3 cm - Dây đo áp lực sử dụng công nghệ không dây. Lớp vỏ bọc cảm biến được cập nhật với nhiều "cửa sổ" lớn hơn	Cái	5	
CT34	Dây dẫn can thiệp thường qui, đường kính 0,014	1. Vật liệu: - Lõi đầu xa bằng ELASTINITE NITINOL, lõi đầu gần bằng thép không gỉ, phủ lớp TURBOCOAT (hydrophilic) ái nước bền và SMOOTHGLIDE (hydrophobic) 2. Kích thước: - Đường kính 0.014", chiều dài 190cm hoặc 300cm. - Đầu cong chữ J, đầu thẳng (Straight), bền, chịu lực 0.7g - Đầu dây có điểm đánh dấu cân quang (Marker Band): 1.5mm - Thiết kế đầu tip : Shapping ribbon 3. Tính năng: - Bao phủ bên ngoài bằng lớp vỏ hợp kim TURBOCOAT cho bôi trơn đáng tin cậy. - Ở phần đầu gần bao phủ lớp SMOOTHGLIDE giúp tăng cường khả năng track. - Hợp kim Tungsten-loaded được nạp Polymer chất trung gian ống bọc ngoài để cải thiện bức xạ.	Cái	280	
CT35	Dây dẫn can thiệp thường qui đường kính 0.018	Dây dẫn ngoại biên đường kính 0.018", chiều dài 110cm; 150cm, 200cm, 300cm. Chất liệu thép không gỉ: Scitanium. Lớp phủ: ICE ái nước được phủ trên 8 cm và 12 cm đầu xa, đảm bảo độ cứng chắc và trơn láng, có thể qua được các tổn thương khúc khuỷu. Đầu tip cân quang dài 2cm cho hình ảnh rõ nét hơn. Tip load: 6 gr, 8 gr.	Cái	120	

Stt	Danh mục vật tư y tế	Thông số kỹ thuật (tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
CT36	Dây dẫn chẩn đoán chuẩn thường qui	Dây dẫn chẩn đoán - Lõi làm bằng thép không gỉ, có 03 dạng lõi gồm: lõi cố định (fix core); lõi di động (Moveable Core). lõi thuôn nhọn (Tapered Core); - Có phủ PTFE (dạng áo trước khi cuộn), có tùy chọn lớp phủ Heparin giúp giảm ngưng tập huyết khối; tùy chọn đầu tip đa dạng: thẳng, chữ J, đầu Newton; Bentson; Rosen, Cong và thẳng J/S; bán kính tip đầu xa 1.5-15mm; có 03 loại thân dây: Chuẩn (S), Cứng (F) và rầy cứng (HD); Có tùy chọn thiết bị giúp hỗ trợ flush (Ringmaster) giúp áo nước và giữ lớp áo nước cho dây dẫn trong suốt tiến trình can thiệp, có tùy chọn thiết bị làm thẳng đầu tip chữ J (J straightener); đủ các kích cỡ: 0.018 - 0.038"; dài 80 - 260 cm; - Đạt cả 2 tiêu chuẩn chất lượng FDA và CE	Cái	350	
CT37	Dây điện cực có bóng dùng cho Máy tạo nhịp tạm thời	<ul style="list-style-type: none"> • Chất liệu woven tương thích sinh học, mềm ở nhiệt độ cơ thể và thích ứng với màng trong tim • Bóng bằng latex có thể tích lên tới 1.5 ml, thiết kế của bóng hỗ trợ đặt dây dễ dàng không cần X-quang. • Kích thước thân tùy chọn 5F • Điện cực thứ nhất nằm ở đầu xa dây điện cực • Điện cực thứ hai cách điện cực thứ nhất khoảng 1cm. • Kèm theo kim, syringe, ECG adapter, Safety Adapter 	Dây	5	
CT38	Dây điện cực His	<ul style="list-style-type: none"> • Dây điện cực HIS/ bó nhánh trái. • Tương thích MRI 1.5T và 3T. • Đầu xoắn cố định tăng độ ổn định, giảm nguy cơ đứt gãy so với loại dây có đầu lò xo xoắn ra thu vào. • Thiết kế dây không lõi, thân dây có đường kính đồng nhất, cáp giữa thân dây giảm thiểu áp lực cơ học so với dây sử dụng stylet (đây định hình). • Đường kính dây ≤ 4.1F • Chiều dài ≥ 69cm • Chất liệu đầu xoắn: Titanium Nitride phủ Platinum Alloy • Chất liệu cách điện: bên ngoài Polyurethane, bên trong silicon và ETFE • Được phủ steroid: Beclomethasone dipropionate 	Cái	10	
CT39	Dây truyền áp lực cao bơm thuốc cân quang	Dây bơm đo áp lực cao - Vật liệu làm bằng PVC, Nylon/ Polyurethane - Chịu áp lực từ 500 psi (34 bar), 900 psi (62 bar), 1200 psi (83 bar) (tùy mã sản phẩm) với nhiều màu sắc khác nhau để dễ phân biệt, giúp tăng tính an toàn và giảm thời gian thủ thuật. - Chiều dài: 25, 51, 76, 122, 183 cm (10", 20", 30", 48", 72") - Đạt cả 2 tiêu chuẩn chất lượng FDA và CE	Sợi	200	
CT40	Ống thông chẩn đoán cho cả mạch vành phải và trái	Gồm các lớp với lưới kép bằng thép không gỉ bên ngoài và lớp multi polyamide bên trong. Kết nối đầu gần và đầu xa. Đường kính 4F, 5F, 6F. Chiều dài 100cm. Có đầy đủ các dạng đường cong: JL, JR (loại 3.5, 4.0, 5.0); TIG/ RADIAL TIG (loại 100cm); AL, AR (loại 1.0, 2.0, 3.0); MPA, MPB, SON (loại 1.0, 2.0); IMA, TWIST, 3DRC (loại 1.0); PIG (loại 145°-155°, 100-110cm). Sai số: ± 5%	Cái	250	

Stt	Danh mục vật tư y tế	Thông số kỹ thuật (tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
CT41	Ống thông chụp chẩn đoán cho từng động mạch vành phải hoặc trái	<p>Ống thông chẩn đoán mạch vành</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Nylon Pebax giúp bề mặt dụng cụ nhẵn, trơn, bền ở nhiệt độ cơ thể, thành ống mỏng, đầu tip nhô hình tốt - Có đường viền bên (wire-braided) thân bằng chất liệu thép không gỉ giúp thân ống thông giữ được hình dáng tốt, dễ lái, khả năng nhớ hình đầu tip tốt. - Thân ống thông và tip làm bằng chất liệu cán quang - Có các loại JL, JR, AL, AR - Loại 2 loại: có lỗ bên hoặc không có lỗ bên - Đầu các kích cỡ 4F, 5F - Chiều dài 100cm/125cm - Đường kính trong 0.042"/1.07mm loại 4F, 0.046"/1.17mm loại 5F, 0.054"/1.37mm loại 6F - Dùng được với guide wire 0.035"/0.038" - Chịu áp lực dòng chảy cao 1,200 psi/ 81.6 bar - Đạt cả 2 tiêu chuẩn chất lượng FDA và CE 	Cái	20	
CT42	Ống thông dẫn đường dùng trong can thiệp động mạch	<p>Chất liệu: Polymer tăng cường vòng xoắn Stainless Steel, lớp trong PTFE.</p> <p>Đường kính: 4F, 5F, 6F, 7F, 8F.</p> <p>Chiều dài: 45cm, 65cm, 90cm.</p> <p>Hình dạng ống thông: đầu cong và đầu thẳng.</p> <p>Lớp phủ: Hydrophobic (30cm đầu xa, chỉ 5F, 6F, 7F và chỉ 8F).</p> <p>Marker: Platinum (thấy rõ dưới cán quang).</p> <p>Hệ thống dây dẫn: 0.035".</p> <p>Đạt chứng nhận: FDA, CFS, ISO, CE.</p>	Cái	100	
CT43	Sten Động mạch đùi - kheo	<ul style="list-style-type: none"> - Khung giá đỡ mạch máu ngoại vi tự bung. - Được làm bằng hợp kim nitinol (nickel, titanium) với thiết kế dạng lưới xoắn ốc tạo khả năng linh động. - Các điểm đánh dấu cách nhau mỗi điểm 1cm và điểm dày là 5cm - Hệ thống bung stent bằng 3 trục. - Tương thích dụng cụ mở đường 5F. - Đường kính Stent: 5 - 7mm. - Chiều dài Stent: 20 - 170mm với đường kính 5mm; - Chiều dài Stent: 20 - 150mm với đường kính 6mm; - Chiều dài Stent: 20 - 120mm với đường kính 7mm; - Chiều dài catheter: 80 / 135cm. 	Cái	100	
CT44	Stent động mạch đùi	<p>Pulsar-18 T3 là giá đỡ tự bung, nhớ hình bằng sheath.</p> <p>Thiết kế stent: "Peak-to-Valley" và "S-articulations" giúp tạo nên tính tương thích và linh hoạt của stent.</p> <p>Thiết kế hệ thống: OTW.</p> <p>Chất liệu: Nitinol.</p> <p>Độ dày thân stent: 140µm.</p> <p>Chiều rộng thân stent: 85µm.</p> <p>Lớp phủ: proBIO (Amorphous Silicone Carbide).</p> <p>Đường kính: 4mm-7mm.</p> <p>Chiều dài: 20mm-200mm.</p> <p>Chiều dài hệ thống: 90cm, 135cm.</p> <p>Marker: 6 marker bằng vàng ở mỗi cuối giá đỡ, tăng khả năng nhìn thấy.</p> <p>Hệ thống dây dẫn: 0.018".</p> <p>Đạt chứng nhận: FDA, CFS, ISO, CE.</p>	Cái	25	

Stt	Đanh mục vật tư y tế	Thông số kỹ thuật (tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
CT45	Stent mạch máu ngoại biên thường quy	<p>Dynetic-35 là giá đỡ bung bằng bóng.</p> <p>Thiết kế stent: "Double Helix" giúp tạo nên tính tương thích và linh hoạt của stent.</p> <p>Thiết kế hệ thống: Over the Wire.</p> <p>Chất liệu: Cobalt Chromium.</p> <p>Độ dày thân stent: 110μm (đường kính 5mm-7mm), 140μm (đường kính 8mm-10mm).</p> <p>Lớp phủ: proBIO (Amorphous Silicone Carbide).</p> <p>Đường kính: 5mm, 6mm, 7mm, 8mm, 9mm, 10mm.</p> <p>Chiều dài: 18mm, 28mm, 38mm, 58mm, 78mm.</p> <p>Chiều dài hệ thống: 90cm, 130cm, 170cm.</p> <p>Marker: 2 marker rập khuôn (bóng).</p> <p>Sheath tương thích: 6F (toàn bộ kích cỡ).</p> <p>Hệ thống dây dẫn: 0.035".</p> <p>Đạt chứng nhận: CFS, ISO, CE.</p>	Cái	30	
CT46	Stent động mạch cảnh	<p>Stent tự bung bằng sheath. Chiều dài và đường kính stent ti lệ nghịch với nhau.</p> <p>Có thể thu stent lại sau khi đã bung ra được 50%.</p> <p>Thiết kế closed-cell giúp tăng khả năng chống đỡ, tối ưu hóa việc bao phủ tổn thương và cung cấp 1 lòng mạch trơn láng. Thiết kế hệ thống: Monorail.</p> <p>Đường kính từ 6mm đến 10mm. Chiều dài từ 21mm đến 37mm, dài tối đa sau khi bung 62mm.</p> <p>Chiều dài trực thân 135cm.</p> <p>Dây dẫn tương thích 0.014".</p> <p>Sheath tương thích 5F-8F.</p>	Cái	15	
CT47	Stent động mạch chủ - chậu	<p>Stent can thiệp mạch máu ngoại biên-chủ có lớp màng bọc graft, được chỉ định cho phình, thủng cấp, rách hoặc rò</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Coban - Chrom (L605) được bọc bởi 1 lớp graft Micro-porous ePTFE dày 200μm - Tương thích với sheath 9Fr - 14Fr. - Đường kính 12 - 24 mm, dài 19 - 58 mm. - Chiều dài ống thông có 2 loại 75cm và 120cm. - Tiêu chuẩn CE 	Cái	10	
CT48	Cover stent động mạch chậu - đùi	<ul style="list-style-type: none"> - Giá đỡ động mạch có lớp bao ePTFE, tự bung. - Làm bằng hợp kim nitinol (nickel, titanium). - Thiết kế nhiều điểm (marker) bằng kim loại (Tantalum) ở đầu xa và gần của stent. - Lớp carbon hoạt tính sinh học được thiết kế để giảm kết tập tiểu cầu ở giai đoạn đầu. - Đường kính Cover Stent: 6 - 10 mm; - Chiều dài Cover Stent: 30 - 100 mm; - Chiều dài Catheter: 80 / 120 cm; - Sử dụng dây dẫn 0.035"; - Sử dụng dụng cụ mở đường (Sheath): 8F / 9F - Tiêu chuẩn ISO hoặc FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu) 	Cái	5	

Stt	Danh mục vật tư y tế	Thông số kỹ thuật (tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
CT49	Giá đỡ (Stent) mạch vành phủ thuốc Everolimus (chất liệu cobalt Chromium)	Stent mạch vành phủ thuốc Sirolimus được thiết kế: cắt laser, ống có rãnh, với thiết kế kết hợp đóng và mở Thiết kế chi tiết: vòng zigzag, 6 đỉnh 3 kết nối (\varnothing 2.00 mm – 2.75 mm), 8 đỉnh 4 kết nối (\varnothing 3.00 mm – 4.50 mm) Vật liệu khung stent: Cobalt Chromium L605 Độ dày thanh chống: 65 μ m Chiều rộng khung stent chính: ở hai đầu: 85 μ m, đoạn giữa: 70 μ m Chiều rộng kết nối: kết nối thẳng ở hai đầu 85 μ m và kết nối chữ "U" ở giữa: 50 μ m Đường kính stent: 2.00; 2.25; 2.50; 2.75; 3.00; 3.25; 3.50; 4.00; 4.50 (mm) Chiều dài stent: 8; 9; 13; 15; 18; 23; 28; 33; 38; 40; 44; 48 (mm) Liều lượng thuốc phủ: 1.33 μ g / mm ² Polymer phủ: Polymer tự tiêu - Polymer tự tiêu sinh học PLGA/PLLA Độ dày lớp thuốc phủ: 3 - 5 μ m Có nghiên cứu lâm sàng trên 150 bệnh nhân ở Việt Nam, theo dõi 12 tháng. Có tem kiểm soát nhiệt độ lưu trữ trên vỏ hộp Giấy chứng nhận: ISO 9001:2015, ISO 13485:2016, ISO 14001:2015 Tiệt trùng: Ethylene oxide (EO 100% hoặc EO/CO2 tỉ lệ 20:80)	Cái	20	
CT50	Giá đỡ (Stent) mạch vành phủ thuốc Everolimus, chất liệu Platinum Chromium	Giá đỡ động mạch vành phủ thuốc Everolimus, phủ polymer tự tiêu Chất liệu Platinum Chromium, phủ thuốc Everolimus Có cấu tạo Bi-segment giúp tăng cường khả năng đẩy và sự linh hoạt. Ống Hypotube chế tạo bằng phương pháp Laser-cut giúp tăng cường khả năng đẩy và lái hướng Có các vạch đánh dấu (marker) platinum iridium. Đường kính: từ 2.25 - 5.00mm Khả năng giãn nở sau khi bung stent lên tới 3.5mm đối với stent cỡ 2.25mm - 2.75mm; 4.25mm đối với stent cỡ 3.0mm - 3.5mm và 5.75mm đối với stent cỡ 4.0mm, 4.50mm và 5.00mm. Chiều dài: từ 8 - 48 mm	Cái	100	
CT51	Giá đỡ (Stent) mạch vành phủ thuốc Sirolimus	Khung giá đỡ mạch vành phủ thuốc Sirolimus, nồng độ thuốc: 1.33 μ g/mm ² Khung CobanChromium L605 phủ polymer tự tiêu Thiết kế mắt cáo mở: 5 vòng và 2 thanh kết nối cho đường kính 2.00 2.75. Độ dày thanh chống 65 micromet, thanh nối 50 micromet Diện tích khoảng tròn trống lớn nhất khi stent mở tối đa là 0.965mm ² đối với đường kính 2.75mm Chiều dài ống thông 140cm, Crossing profile: 0.98 mm cho đường kính 3.00 mm Tiết diện đầu tip: 0.48mm Áp suất định danh: 9atm, áp suất tới hạn: 1416atm Đường kính: 2.25, 2.50, 2.75, 3.00, 3.50, 4.00 (mm). Chiều dài: 13, 16, 20, 24, 28, 32, 36, 40, 43 (mm). Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE.	Cái	30	
CT52	Khung giá đỡ mạch vành phủ thuốc Novolimus	- Vật liệu khung giá đỡ: Cobalt Chromium, L-605. Độ dày stent: 71 μ m. Thiết kế cấu trúc khớp mở (uncaging) tương thích với sinh lý mạch máu. Phủ thuốc Novolimus nồng độ 5 μ g/mm. Có 2 lớp phủ Polymer tự tiêu: lớp nền phủ Polymer tự tiêu sinh học PLLA (~ 6 μ m), lớp phủ ngoài là polymer tự tiêu sinh học PLGA (~ 3 μ m). Thiết diện cắt ngang: 0.040" (1.02 mm). Hệ thống đẩy stent: chiều dài catheter 140 cm. Thiết diện đầu tip 0.017" (0.43 mm). Đường kính: 2.25 mm đến 4.0mm. Chiều dài: 14 đến 48mm. Áp suất định danh: 10atm đối với stent có đường kính 2.5, 3.0 và 3.5mm; Áp suất tối đa: 16atm đối với stent có đường kính từ 2.25 - 3.5mm. Tương thích dây dẫn 0.014", 0.36 mm, catheter 5F - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO. Chứng nhận CE, CFS	Cái	100	

Stt	Danh mục vật tư y tế	Thông số kỹ thuật (tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
CT53	Stent mạch vành phủ thuốc Zotarolimus	Stent mạch vành phủ thuốc Zotarolimus, hàm lượng $\geq 1.6\mu\text{g}/\text{mm}^2$. Khung làm từ hợp kim CoCr lõi PtIr, độ dày $> 80\mu\text{m}$ đến $\leq 91\mu\text{m}$, thiết kế từ một sợi đơn duy nhất được uốn theo hình sin. Có loại đường kính 2.0 và 5.0mm. Có thể nong tối đa lên 6.0mm. Có báo cáo kết quả thử nghiệm lâm sàng ngẫu nhiên được đăng trên tạp chí chuyên ngành có uy tín ≥ 1000 bệnh nhân. Có thể chỉ định kháng kết tập tiểu cầu kép DAPT 1 tháng cho bệnh nhân nguy cơ xuất huyết cao theo tiêu chuẩn Châu Âu. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn chất lượng FDA và CE.	Cái	30	
CT54	Stent tĩnh mạch	Stent tĩnh mạch được thiết kế để điều trị tĩnh mạch chậu đùi không huyết khối và sau huyết khối. - Đầu loe 3 mm độc đáo được thiết kế để giảm di chuyển stent và tối đa hóa vị trí áp sát thành mạch. - Được thiết kế để sử dụng trong tắc nghẽn tĩnh mạch chậu - Kết cấu mở, thiết kế linh hoạt để phù hợp với độ cong của mạch trong khi duy trì đường kính. - Đường kính Stent: 10 - 20 mm; - Chiều dài Stent: 40 - 160 mm; - Chiều dài Catheter: 80 / 120 cm; - Sử dụng dụng cụ mở đường: 8F / 9F / 10F tùy thuộc vào đường kính Stent. - Tiêu chuẩn ISO hoặc FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	10	
CT55	Vi ống thông 1 nòng hỗ trợ can thiệp	Chuyên dùng hỗ trợ can thiệp mạch vành với những tổn thương phức tạp, tắc nghẽn mãn tính. Đầu xa được bện bằng thép không gỉ dài 45cm, phủ Hydrophilic 43cm, đầu Tip có đánh dấu cân quang, chiều dài ống thông 135cm Đường kính ngoài đầu xa, 2.25F, đầu gần 2.1F, chỗ lớn nhất 3.3F. Đường kính trong đầu xa 0.016", đường kính trong đầu gần 0.018" Lòng trong phủ PTFE giúp làm giảm lực ma sát với dây dẫn. Tương thích guidewire 0.014"	Cái	20	
CT56	Vi ống thông 2 nòng hỗ trợ can thiệp	Vi ống thông (microcatheter) can thiệp mạch vành có cấu trúc 2 nòng sử dụng chuyên biệt cho các tổn thương phân nhánh và tắc nghẽn mãn tính	Cái	5	
CT57	Vi ống thông can thiệp mạch máu và mạch ngoại biên	Vi ống thông có đầu xa siêu nhỏ, dành cho mạch máu: Lưu lượng dòng chảy lớn đường kính: Ngoài đầu gần: 2.9F ($\pm 5\%$), ngoài đầu xa: 2.7F ($\pm 5\%$) Tương thích các loại vi dây dẫn	Cái	200	
CT58	Bóng cắt (cutting balloon)		Cái	30	
CT59	Bộ dụng cụ dùng trong khoan phá động mạch vành (rotablator) các cỡ				
CT59.1	Dây dẫn và dụng cụ điều khiển dây dẫn	"Dây dẫn can thiệp cho đầu mũi khoan bảo màng xơ vữa lòng mạch - Chất liệu: thép không gỉ - Đường kính: 0.014", dài 330cm - Gồm 2 loại: loại đầu cứng có chiều dài tip 2.8cm. Loại linh động có chiều dài tip 2.2cm. - Dây dẫn cho đầu mũi khoan bảo màng xơ vữa - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)"	Cái	30	
CT59.2	Hệ thống bảo màng xơ vữa	Ống thông có mũi khoan của hệ thống bảo màng xơ vữa, tích hợp nút on/off trên dụng cụ đẩy lắp sẵn ống thông Rotapro có mũi khoan hình elip phủ kim cương gắn ở đầu của 01 dây lái linh hoạt. Ống thông có mũi khoan định kim cương và dụng cụ đẩy bao gồm: - Mũi khoan được phủ tinh thể kim cương ở bề mặt đầu xa, bề mặt đầu gần mũi khoan nhẵn mịn. - Tích hợp nút on/off trên dụng cụ đẩy - Các cỡ đầu khoan: 1.25; 1.5; 1.75; 2; 2.15; 2.25; 2.38; 2.50mm - Chiều dài ống thông: 135cm. - Tiêu chuẩn ISO và CE	Cái	30	

Stt	Danh mục vật tư y tế	Thông số kỹ thuật (tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
CT59.3	Dung dịch bôi trơn	Dung dịch bôi trơn giúp giảm ma sát giữa dây dẫn dùng trong hệ thống máy bảo mạng xơ vữa trong lòng mạch máu. - Thể tích: 20ml - Thành phần: Dầu ô liu, phospholipid, lòng đỏ trứng, sodium deoxycholate, L-histidine, disodium EDTA, sodium hydroxide, nước - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Lọ	30	
CT60	Bóng đối xung động mạch chủ	Bóng đối xung động mạch chủ	Cái	5	
CT61	Dây cáp nối đo huyết áp động mạch xâm lấn (Dùng trong can thiệp mạch vành)	"- Sử dụng để đo áp lực động mạch và tĩnh mạch bệnh nhân. - Bộ đo huyết áp một đường gồm: đường đầu ra tín hiệu áp suất; chip cảm biến áp suất, van xả, khóa ba chiều và ống xả. - Dây tín hiệu đầu ra tín hiệu áp suất được làm bằng đồng và Polypropylene; van xả làm bằng Polycarbonate, silicon y tế và Polyurethane; khóa với ba chiều được làm từ chất đồng trùng hợp Styrene-butadiene-acrylonitrile và Polycarbonate; ống xả được làm bằng nhựa PVC, chất đồng trùng hợp Styrene-butadiene-acrylonitrile và Polycarbonate.(HDSĐ) - Áp suất hoạt động: -6.67kPa ~ 39.9kPa (-50mmHg ~ 300mmHg), Sai số ± 2 mmHg, độ nhạy: 5,0 μ V/V/mmHg dung sai độ nhạy $\pm 3\%$, Phi tuyến tính và Độ trễ không được lớn hơn 2% giá trị đọc, hiệu ứng của nhiệt tại điểm zero trong phạm vi ± 0.4 mmHg / °C, độ lệch điểm zero của cảm biến trong khoảng ± 1 mmHg/8h (trang số 4 Technical file) - Thời gian hoạt động: thường không quá 10 ngày - Tiệt trùng bằng khí EO Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE"	Cái	10	
CT62	Bơm 10ml Luer-Lock	Dung tích: 10ml. Đầu bơm có khóa luer - Lock giúp đầu tiêm được khóa chặt vào ống bơm. Tiệt trùng	Cái	200	
CT63	Bơm 3ml Luer-Lock	Dung tích: 3ml. Đầu bơm có khóa luer - Lock giúp đầu tiêm được khóa chặt vào ống bơm. Tiệt trùng	Cái	100	

Ghi chú:

- Các thông số kỹ thuật về hàm lượng, dung tích trong thành phần, và các kích thước vật lý của hàng hóa chào thầu cho phép sai số $\pm \leq 2\%$.
- Các hàng hóa mà nhà thầu chào phải có mức đáp ứng bằng hoặc cao hơn so với yêu cầu.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tên Công ty:.....
 Mã số thuế:
 Địa chỉ:
 Số điện thoại:

BẢNG CHÀO GIÁ

Kính gửi Bệnh viện 30-4

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện, Chúng tôi (Ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp, trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên doanh) thì ghi rõ tên, địa chỉ)

1. Báo giá vật tư y tế và các dịch vụ liên quan

Stt	Stt (Theo yêu cầu báo giá) (1)	Tên theo nhóm Thông tư 04 (2)	Tên hàng hóa (Theo Quyết định 5086) (3)	Danh mục vật tư y tế (4)	Tên thương mại	Thông số kỹ thuật (5)	Quy cách	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đã bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan)	Mã HS (6)	Chủng loại (Model/kí mã hiệu) (7)
1														
2														
n														

2. Báo giá này có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2025 (Ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày)
 Ngày.....tháng..... năm 2025
 (Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp)(8)

Ghi chú:

- (1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi STT theo đúng yêu cầu ghi tại cột “STT theo yêu cầu báo giá”;
- (2), (3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi theo đúng yêu cầu tại cột “Tên theo nhóm Thông tư 04, Tên hàng hóa (Theo Quyết định 5086)” trong yêu cầu báo giá ;
- (4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại Vật tư y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục vật tư y tế” trong yêu cầu báo giá;
- (5) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi tính năng, thông số kỹ thuật theo tài liệu liên quan của vật tư y tế;
- (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng vật tư y tế;
- (7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, kí mã hiệu, model, hãng sản xuất của vật tư y tế tương ứng với chủng loại vật tư y tế ghi tại cột “Danh mục vật tư y tế” trong yêu cầu báo giá;
- (8) Người đại diện theo pháp luật hoặc được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải kí tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền phải gửi kèm giấy ủy quyền kí báo giá. Trường hợp liên doanh tham gia báo giá phải có giấy ủy quyền liên doanh.

